

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1	13
<i>Mở đầu</i>	13
Tiêu chí 1.1	13
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	21
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	24
Tiêu chuẩn 2	25
<i>Mở đầu</i>	25
Tiêu chí 2.1	25
Tiêu chí 2.2	27
Tiêu chí 2.3	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	33
Tiêu chuẩn 3	34
<i>Mở đầu</i>	34
Tiêu chí 3.1	34
Tiêu chí 3.2	37
Tiêu chí 3.3	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	47
Tiêu chuẩn 4	48
<i>Mở đầu</i>	48
Tiêu chí 4.1	48
Tiêu chí 4.2	51
Tiêu chí 4.3	56

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	61
Tiêu chuẩn 5	61
<i>Mở đầu</i>	61
Tiêu chí 5.1	62
Tiêu chí 5.2	64
Tiêu chí 5.3	67
Tiêu chí 5.4	72
Tiêu chí 5.5	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	77
Tiêu chuẩn 6	78
<i>Mở đầu</i>	78
Tiêu chí 6.1	79
Tiêu chí 6.2	83
Tiêu chí 6.3	86
Tiêu chí 6.4	89
Tiêu chí 6.5	92
Tiêu chí 6.6	96
Tiêu chí 6.7	101
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	104
Tiêu chuẩn 7	104
<i>Mở đầu</i>	105
Tiêu chí 7.1	105
Tiêu chí 7.2	109
Tiêu chí 7.3	113
Tiêu chí 7.4	118
Tiêu chí 7.5	120
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	123
Tiêu chuẩn 8	123
<i>Mở đầu</i>	123
Tiêu chí 8.1	123
Tiêu chí 8.2	126
Tiêu chí 8.3	128
Tiêu chí 8.4	131

Tiêu chí 8.5	133
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	136
Tiêu chuẩn 9	137
<i>Mở đầu</i>	137
Tiêu chí 9.1	137
Tiêu chí 9.2	142
Tiêu chí 9.3	145
Tiêu chí 9.4	148
Tiêu chí 9.5	151
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	154
Tiêu chuẩn 10	155
<i>Mở đầu</i>	155
Tiêu chí 10.1	156
Tiêu chí 10.2	158
Tiêu chí 10.3	162
Tiêu chí 10.4	166
Tiêu chí 10.5	168
Tiêu chí 10.6	170
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	173
Tiêu chuẩn 11	174
<i>Mở đầu</i>	174
Tiêu chí 11.1	175
Tiêu chí 11.2	178
Tiêu chí 11.3	181
Tiêu chí 11.4	183
Tiêu chí 11.5	186
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	189
Phần III. KẾT LUẬN	190
Phần IV. PHỤ LỤC	210

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
3	CBGV	Cán bộ cán bộ giảng viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	TDTT	Thể dục thể thao
7	GDTC	Giáo dục thể chất
8	CĐR	Chuẩn đầu ra
9	CNTT	Công nghệ thông tin
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	CHDC	Cộng hòa dân chủ
12	CTDH	Chương trình dạy học
13	CTĐT	Chương trình đào tạo
14	CVHT	Cổ vấn học tập
15	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
16	ĐCHP	Đề cương học phần
17	ĐHCQ	Đại học chính quy
18	ĐHSP	Đại học Sư phạm
19	ĐGN	Đánh giá ngoài
20	GV	Giảng viên
21	GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
22	HĐT	Hội đồng trường
25	HP	Học phần
26	HTQT	Hợp tác quốc tế
27	HSSV	Học sinh sinh viên
28	KHCL	Kế hoạch chiến lược
29	KHCN	Khoa học công nghệ
30	KTX	Ký túc xá
31	KT-XH	Kinh tế xã hội

TT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
32	MC	Minh chứng
33	NCKH	Nghiên cứu khoa học
34	NCV	Nghiên cứu viên
35	NH	Người học
36	NLĐ	Người lao động
37	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
38	QLGD	Quản lý giáo dục
39	SDH	Sau đại học
40	SV	Sinh viên
41	TĐG	Tự đánh giá
42	THPT	Trung học phổ thông
43	ThS	Thạc sĩ
44	TS	Tiến sĩ
45	TCCB	Tổ chức cán bộ
46	VLVH	Vừa làm vừa học
46	XHCN	Xã hội chủ nghĩa

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) ngành giáo dục thể chất (GDTC) là một khâu, một nhiệm vụ quan trọng trong việc ĐBCL CTĐT, xây dựng văn hóa chất lượng bên trong của Nhà trường; giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn; Là một tiêu chí quan trọng, một điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng đã mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả hiện trạng - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GDĐT ngày 31/12/2020, cơ sở dữ liệu kiểm

định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành. CTĐT ngành GDTC được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và PP tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ CB, giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành GDTC.

Các tiêu chuẩn, tiêu chí đều có một hệ thống minh chứng (MC) đi kèm. Cách mã hóa thông tin, MC trong Báo cáo TĐG như sau:

Mã hóa MC: Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. Mã thông tin và mã MC được ký hiệu bằng chuỗi gồm các ký tự: theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef.**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong một hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.10: là MC thứ 10 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H4.04.03.21: là MC thứ 21 tiêu chí 03 của tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.08.02.08: là MC thứ 8 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 8, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.05: là MC thứ 5 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

b. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá: Hoạt động TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng thực hiện CTĐT ngành GDTC, lập và triển khai kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng các CTĐT của Nhà trường nói chung và CTĐT ngành GDTC nói riêng, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn. TĐG là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài CTĐT ngành GDTC với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trên cơ sở đó đăng ký được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. TĐG cũng thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC được thực hiện theo đúng *Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo*. Quy trình TĐG thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và đóng góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: CTĐT ngành GDTC được TĐG theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn khác. Các hoạt động trong TĐG được thực hiện dựa trên các tài liệu hướng dẫn về đảm bảo chất lượng CTĐT giáo dục ĐH của Bộ

GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng và Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

Để triển khai thực hiện hoạt động TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC, ngày 29 tháng 4 năm 2024, Hiệu trưởng trường trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội đã ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC với 25 thành viên. Thành phần Hội đồng TĐG bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng; Hai Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng; Các thành viên gồm: Trưởng, phó các Phòng, Khoa, Trung tâm, đại diện GV có uy tín tham gia các hoạt động đào tạo và NCKH liên quan đến CTĐT ngành GDTC.

Nhà trường thành lập Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng TĐG. Ban thư ký gồm 13 thành viên, trong đó Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế phụ trách mảng đảm bảo chất lượng được chỉ định làm Trưởng ban. Nhà trường cũng thành lập 06 nhóm công tác chuyên trách cho hoạt động TĐG. Mỗi nhóm công tác chuyên trách có 5 người, đảm nhiệm từ 1 đến 2 tiêu chuẩn và do một thành viên của Hội đồng TĐG làm trưởng nhóm. Mỗi thành viên của Ban Thư ký tham gia vào một nhóm công tác chuyên trách, đảm nhiệm vai trò thư ký nhóm. Nhà trường phổ biến rộng rãi chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, viên chức, sĩ quan, người lao động và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT ngành GDTC và các đơn vị liên quan trong trường. Được sự phân công của Nhà trường, phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế chịu trách nhiệm xây dựng tài liệu hướng dẫn TĐG CTĐT, phổ biến tài liệu tới từng thành viên Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách, tập huấn quy trình và kỹ thuật TĐG CTĐT cho các thành viên của nhóm công tác chuyên trách. Đồng thời, phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế bố trí nhân sự để sẵn sàng thực hiện các tư vấn, hỗ trợ cần thiết cho hoạt động của các nhóm công tác.

Hội đồng TĐG xây dựng kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và nhiệm vụ của mỗi nhóm công tác chuyên trách. Căn cứ vào kế hoạch chung của Hội đồng TĐG, nhóm công tác lập kế hoạch làm việc của nhóm, phân công thành viên phụ trách chính cho các tiêu chuẩn, tiêu chí. Các thành viên nhóm công tác nghiên cứu các văn bản hướng dẫn TĐG, phân tích nội hàm các tiêu chí, lập dự thảo Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng của tiêu chí được

phân công. Nhóm công tác tiến hành họp thảo luận, thống nhất Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng. Căn cứ vào Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng, các nhóm công tác tiến hành thu thập thông tin và minh chứng, kiểm tra độ tin cậy, tính xác thực, mức độ phù hợp và liên quan đến tiêu chí, thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần. Nhà trường cũng yêu cầu các đơn vị, cá nhân trong trường phối hợp chặt chẽ với các nhóm công tác, cung cấp đầy đủ các thông tin, minh chứng theo yêu cầu của nhóm công tác.

Sau khi thu thập thông tin, minh chứng, thành viên nhóm công tác tiến hành xử lý, phân tích, tổng hợp để làm minh chứng cho các nhận định đưa ra trong báo cáo TĐG. Dựa vào thông tin, minh chứng, thành viên nhóm công tác viết Phiếu đánh giá tiêu chí. Các Phiếu đánh giá tiêu chí được thư ký nhóm tổng hợp để xây dựng Báo cáo tiêu chuẩn. Kết quả TĐG được trình bày thành dự thảo Báo cáo TĐG chất lượng CTĐT ngành GDTC. Dự thảo Báo cáo TĐG được thư ký Hội đồng xây dựng dựa trên Báo cáo tiêu chuẩn của các nhóm công tác, được Hội đồng TĐG thảo luận, được chỉnh sửa lần thứ nhất căn cứ trên ý kiến của các thành viên. Sau khi được chỉnh sửa lần thứ nhất, dự thảo Báo cáo TĐG tiếp tục được công bố trong nội bộ Nhà trường để cán bộ, GV, nhân viên, học viên, SV đọc và cho ý kiến. Báo cáo TĐG tiếp tục được điều chỉnh, hoàn thiện dựa trên các ý kiến thu được sau khi công bố dự thảo Báo cáo TĐG. Sau khi hoàn thành đợt TĐG, Hội đồng TĐG nộp dự thảo Báo cáo TĐG cho Nhà trường. Báo cáo TĐG được Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu, được lưu trữ tại Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bản sao Báo cáo TĐG được lưu trữ trong thư viện, được phép mượn và sử dụng theo quy định của Nhà trường. Báo cáo TĐG được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Tổng quan chung

** Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội*

Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, tiền thân là trường TDTT, thuộc Bộ Giáo dục, thành lập ngày 27/02/1961 (tại Quyết định số: 99/QĐ, ngày 27/02/1961 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký QĐ).

Trải qua hơn nửa thế kỷ, Trường đã có nhiều lần được thay đổi tên gọi cho phù

hợp với tình hình nhiệm vụ. Ngày 04/11/1961, Trường TDTT được đổi tên thành: Trường Trung cấp TDTT (Tại Quyết định số: 790/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền ký QĐ). Đầu năm 1967: Bộ Giáo dục có Quyết định số 102/QĐ, ngày 03/4/1967 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định thành Trường Sư phạm Trung cấp TDTT, sau đổi tên thành: Trường Sư phạm Thể dục TW.

Năm 1968: Bộ Giáo dục có quyết định thành lập tại Trường Sư phạm Thể dục TW lớp Âm nhạc (Tại Quyết định số 191/QĐ, ngày 06/6/1968, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký QĐ).

Năm 1970: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 164/QĐ, ngày 07/3/1970, do Thứ trưởng Võ Thuận Nho, ký QĐ v/v thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Hóa và thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Nhạc, đặt trong hệ của Trường Sư phạm Thể dục TW.

Sau khi Trường có thêm 02 phân hiệu Hệ Sư phạm Nhạc và Hệ Sư phạm Hóa. Cuối năm 1971: Bộ Giáo dục có Quyết định số 1499/QĐ, ngày 27/12/1971, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký QĐ đổi tên Trường Sư phạm Thể dục TW thành: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW.

Đến năm 1972: Bộ Giáo dục có Quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký chia tách Trường Sư phạm Thể dục, Nhạc, Hóa TW thành 02 trường: đó là Trường sư phạm Thể dục TW và Trường sư phạm Nhạc, Hóa TW.

Đến năm 1973: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 209/QĐ, ngày 31/3/1973 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định hủy bỏ quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972 v/v chia tách Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW thành 02 trường nói trên, trở lại thành một trường theo tên gọi cũ là: Trường Sư phạm Thể dục-Nhạc-Hóa Trung ương.

Vào đầu năm 1981: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW, được nâng cấp và đổi tên thành: Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa Trung ương.

Năm 1985, tại QĐ số: 261/HĐBT, ngày 07/11/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Tổ Hữu, ký quyết định chia tách Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa TW thành 02 trường, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW số 1 và Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Hóa TW.

Năm 2003, tại Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 do Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, ký quyết định nâng cấp và đổi tên Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục TW số 1 thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây.

Năm 2008, tại Quyết định số: 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 do Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân, ký quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây thành Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.

Tên tiếng việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Tên tiếng anh: Hanoi University Of Physical Education and Sports

* *Sứ mạng*: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.

* *Tầm nhìn*: Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng và an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

* *Giá trị cốt lõi*: Chất lượng – Mô phạm – Sáng tạo – Phát triển

* *Triết lý giáo dục*: Cùng nhau kiến tạo cơ hội

- Địa chỉ: Xã Phụng Châu - Huyện Chương Mỹ - Thành phố Hà Nội

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: <https://hupes.edu.vn>

- Địa chỉ các trang mạng xã hội của trường:

<https://www.facebook.com/SPTDTHN>

<https://www.youtube.com/chanel/UCENsiWGDO618Lro0dT8JN6O>

Điện thoại liên hệ: 02433.866.899 hoặc 024337.194.23

* *Những phần thưởng cao quý được Đảng và Nhà nước trao tặng cho Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển*

Quá trình xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như:

Huân chương Độc lập Hạng Ba (2016)

Huân chương Lao động hạng Nhất (2006)

Huân chương Lao động hạng Nhì (2001)

Huân chương Lao động hạng Ba (1996)

Và nhiều cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bằng khen các bộ, ban ngành, đoàn thể, tỉnh thành...

Đảng bộ Nhà trường liên tục được Đảng bộ khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội công nhận “Đảng bộ trong sạch, vững mạnh”, được Thành ủy Thành phố Hà Nội tặng nhiều bằng khen; Công đoàn trường được tặng: Huân chương Lao động Hạng Nhất, Huân chương Lao động Hạng Nhì, Huân chương Lao động Hạng Ba; Đoàn Thanh niên trường được tặng nhiều Cờ, bằng khen của Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội và Trung ương Hội sinh viên Việt Nam.

Nhiều tập thể đơn vị thuộc, trực thuộc Nhà trường được trao tặng phần thưởng cao quý như: Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh nhà trường được tặng thưởng Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Nhì; Huân chương Lao động Hạng ba; Khoa Điện kinh - Thê dục; Phòng Đảm bảo chất lượng-Thanh tra và pháp chế được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 cá nhân được truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ tranh nhân dân”; 12 cá nhân được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ; 02 cá nhân được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; 08 cá nhân được phong tặng danh hiệu Nhà Giáo ưu tú và nhiều cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

** Về cơ cấu tổ chức*

Nhà trường hiện có 19 đơn vị (10 khoa, 03 Trung tâm, 06 phòng), gồm: Khoa Đào tạo Sau Đại học; Khoa Điện kinh - Thê dục; Khoa Cầu lông - Bóng bàn - Quần vợt; Khoa Võ - Bơi - Cờ; Khoa Bóng chuyền - Bóng đá - Bóng rổ; Khoa Lý luận Chính trị; Khoa Lý luận chuyên ngành và Nghiệp vụ sư phạm; Khoa Y học TDTT; Khoa Huấn luyện Thể thao; Khoa Giáo dục quốc phòng và An ninh; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; Trung tâm hỗ trợ Đào tạo và Bồi dưỡng; Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản trị thiết bị; Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

** Về đội ngũ*

Tính đến tháng 11/2024, Nhà trường có tổng số 196 người, trong đó 143 giảng viên; 04 PGS; 25 TS; 125 Ths.

** Về quy mô đào tạo*

Trường đang đào tạo các ngành nghề, trình độ:

- Ngành Giáo dục học trình độ tiến sĩ.
- Ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ.
- Ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học.
- Ngành Giáo dục quốc phòng an ninh trình độ đại học.
- Ngành Huân luyện thể thao trình độ đại học.

Ngoài ra đào tạo môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội.

Tổng số người học các hệ đang học tập của Trường gồm: NCS 06; Thạc sỹ 126 (trong đó 112 học viên trong nước 14 học viên CHND Lào theo hiệp định chính phủ. Đại học chính quy 908 (trong đó 901 SV trong nước 07 lưu học sinh Lào; Đại học Liên thông chính quy: 66; Đại học liên thông VLVH 383.

** Về Cơ sở vật chất*

Nhà trường sở hữu hơn 12ha đất, đóng trên địa bàn xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, được quy hoạch với nhiều công trình hiện đại như khu làm việc, giảng đường, nhà tập luyện thi đấu, bể bơi, nhà ăn, thao trường, bãi tập, ký túc xá... Trong những năm gần đây Nhà trường không ngừng nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của sinh viên và giảng viên, đảm bảo cho thực hiện mục tiêu và kế hoạch đào tạo và PVCD. Việc phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính thực hiện theo quy định và giám sát của Bộ GDĐT. CSVC và cơ sở hạ tầng, sân bãi, các phương tiện, thiết bị phục vụ ĐT, NCKH được đầu tư, bảo trì đáp ứng được yêu cầu cơ bản các hoạt động. Khuôn viên cảnh quan và công tác vệ sinh, môi trường, y tế học đường; việc đảm bảo an ninh trật tự, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn cháy nổ được quan tâm thực hiện theo đúng quy định

** Về Công nghệ thông tin – Thư viện*

Hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị CNTT, đường truyền được Nhà trường đầu tư, có dự phòng; bảo mật và quyền truy cập cơ bản đáp ứng được yêu cầu hoạt động đào

tạo, NCKH và PVCD trong giai đoạn hiện nay. Nhà trường bố trí đầy đủ các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Thư viện với diện tích sàn trên 1.100 m² có phòng đọc bố trí 150 chỗ ngồi cho người học. Trên website trường (<https://hupes.edu.vn/>), mục Thư viện có giới thiệu về sách, tài liệu cho SV; mục hệ thống quản lý thư viện điện tử (<https://hupeslib.000webhostapp.com>) có giới thiệu về sách số hóa và tài nguyên trực tuyến. Việc sử dụng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy (âm thanh, máy chiếu, màn chiếu) được theo dõi giao nhận và quản lý theo các sổ nhật ký theo dõi thiết bị.

** Về Nghiên cứu khoa học*

Hoạt động NCKH được Nhà trường phân công bộ phận quản lý; có các văn bản chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát; có Chiến lược phát triển KH-CN cho giai đoạn 2020-2025. Nhà trường đã triển khai các hoạt động NCKH thông qua các việc huy động, đầu tư kinh phí, hỗ trợ các GV, SV làm NCKH, đấu thầu các đề tài các cấp, tổ chức hội nghị hội thảo NCKH. Kết quả hoạt động NCKH trong giai đoạn 2019-2024 đã đạt được một số thành tích bước đầu. Công tác quản lý NCKH của Trường cũng được cải tiến; các kế hoạch thường niên về KH-CN và các rà soát, đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm, báo cáo gửi Bộ GDĐT.

** Về Hợp tác quốc tế*

Chiến lược HTQT thể hiện được định hướng phát triển theo giai đoạn; có bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, quản lý quá trình thực hiện kế hoạch; có Quy chế hoạt động hợp tác quốc tế và Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Trường. Việc kết nối và thực hiện các hoạt động đã đạt được qua một số thỏa thuận hợp tác với một số đối tác nước ngoài, tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo SDH. Các quan hệ đối ngoại, mạng lưới và các đối tác của Nhà trường được rà soát và có những cải thiện nhất định.

Công tác HTQT được phân công cho bộ phận quản lý và tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT trong quá trình triển khai các hoạt động; đã bước đầu xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ HTQT và mở rộng đối tượng hợp tác, nâng cao hiệu quả hợp tác. Thông qua các chương trình hợp tác với các đối tác, kế hoạch NCKH hàng năm, Trường đã tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động. Kết quả HTQT đã đạt được một số thành tựu trong đón tiếp đoàn vào, cử đoàn ra, trong ký kết các hợp

tác với các đối tác ở các nước như Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,.. phối hợp tổ chức và cử CBGV, SV tham dự cũng như mời CBGV, SV các nước tham gia các hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế, thi đấu thể thao. Hợp tác trong nước được triển khai với các cơ sở GD&ĐT về TĐTT

** Các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng*

Trường đã xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định là công cụ để tổ chức quản lý hiệu quả mọi hoạt động của Trường. Trường hình thành hệ thống ĐBCL bên trong gồm Hội đồng ĐBCL và Tổ ĐBCL ở các đơn vị. Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động, các Tổ ĐBCL thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường.

Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế là đơn vị tham mưu giúp tập thể lãnh đạo Trường và chịu trách nhiệm triển khai và thực hiện các hoạt động ĐBCL bên trong của Trường, bao gồm: (1) Xây dựng và trình Hiệu trưởng ký ban hành các văn bản quy định, kế hoạch triển khai thực hiện công tác ĐBCL; (2) Hướng dẫn và đôn đốc việc thực hiện công tác ĐBCL của các đơn vị; làm đầu mối thông tin, phối hợp hoạt động thống nhất trong công tác ĐBCL; (3) Hướng dẫn thực hiện các công việc liên quan đến ĐBCL Trường và CTĐT; đề xuất và theo dõi thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng giáo dục; (4) Tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCL cho cán bộ, viên chức Trường; (5) Phối hợp các đơn vị thực hiện việc quản lý các thông tin minh chứng chất lượng Trường và CTĐT một cách phù hợp theo quy định chung và các tiêu chuẩn chất lượng; (6) Phối hợp các đơn vị có liên quan định kỳ tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và phục vụ Trường theo quy định và tiêu chuẩn ĐBCL; (7) Thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCL theo yêu cầu của Trường.

Tháng 6/2020, Trường đã hoàn thành đánh giá ngoài và đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 1 với kết quả 89/111 tiêu chí đạt yêu cầu, đạt tỷ lệ 80,18%. Tháng 10/2020, Trường đã xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài giai đoạn 2020-2025 gồm 25 hoạt động. Mỗi hoạt động đều chỉ rõ thời gian thực hiện, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sản phẩm dự

kiến đạt được. Năm 2023, Trường đã triển khai kế hoạch và xây dựng báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng Trường.

Hằng năm, Trường triển khai xây dựng kế hoạch năm học và kế hoạch hoạt động liên quan đến các lĩnh vực của Nhà trường. Kết quả thực hiện các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực đều được đánh giá, tổng kết nhằm cải tiến, điều chỉnh để triển khai thực hiện trong các năm học tiếp theo.

** Giới thiệu về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo*

Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội, có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý chuyên môn về công tác đào tạo trình độ đại học; quản lý, giáo dục sinh viên; quản lý khoa học và các hoạt động hợp tác quốc tế. Đơn vị được thành lập ngay từ khi Nhà trường hình thành, gắn liền xuyên suốt với quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường. Năm 2023 sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Tây, trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Thê dục Trung ương số 1, Nhà trường đã kiện toàn phòng Quản lý đào tạo tại Quyết định số 302/QĐ/TCCB-CTCT ngày 24/12/2003. Năm 2018 tại Quyết định số 258/QĐ-ĐHSPTĐTTTHN ngày 09/6/2018, Nhà trường hợp nhất Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Sinh viên thành: Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên. Năm 2023 tổ chức lại Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên với Phòng Quản lý khoa học và Thư viện thành Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị liên tục được công nhận tập thể lao động xuất sắc, được Bộ trưởng tặng nhiều bằng khen; liên tục nhiều năm liên được Hiệu trưởng tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân giáo dục thể chất (GDTC) của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội được xác định rõ ràng, góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội.

Chuẩn đầu ra của CTĐT đóng vai trò rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT, đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học, mục tiêu chung của CTĐT cử nhân GDTC được xác định và trình bày ở các phiên bản CTĐT năm 2020 [**H1.01.01.01**] và năm 2022 [**H1.01.01.02**].

Năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành GDTC xác định: “Đào tạo giáo viên giáo dục thể chất có kiến thức và kỹ năng sư phạm tốt, đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam; đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; trở thành người công dân tốt, người giáo viên trung thực và sáng tạo, nhân ái và khoan dung, tận tụy vì sự nghiệp giáo dục thế hệ tương lai; sống gương mẫu, có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình và đất nước; có bản lĩnh vững vàng trong một thế giới ngày càng hội nhập và thay đổi”.

Năm 2022, mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu chung: Người học tốt nghiệp ngành GDTC có phẩm chất chính trị và đạo đức XHCN, có đủ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng sư phạm có năng lực tự chủ và trách nhiệm để giảng dạy tốt môn học GDTC ở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm nâng cao kiến thức của người học đáp ứng

yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

PO1: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tương đối toàn diện về Giáo dục thể chất, TDDT.

PO2: Rèn luyện và phát triển kỹ năng trong giảng dạy, huấn luyện, phát triển phong trào... của lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDDT.

PO3: Bảo đảm cho sinh viên khi tốt nghiệp đạt được trình độ nghiệp vụ, kiến thức xã hội và kiến thức nghề nghiệp đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy, huấn luyện... Giáo dục thể chất, Thể dục thể thao ở các Nhà trường và các cơ sở giáo dục tương đương.

PO4: Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các Nhà trường và các cơ sở giáo dục tương đương.

PO5: Đào tạo cán bộ/huấn luyện viên đội tuyển Thể dục thể thao ở các Nhà trường và các cơ sở giáo dục tương đương.

PO6: Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực ở trình độ cao hơn.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội là người học có phẩm chất đạo đức, có kiến thức, kỹ năng, có năng lực tự chủ đáp ứng yêu cầu của xã hội. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được thể hiện sự phù hợp, có tính kết nối với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội đã được công bố [H1.01.01.03].

Bảng 1.1. Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường

Mục tiêu của CTĐT năm 2022	Sứ mạng của Nhà trường	Tầm nhìn đến năm 2030
Người học tốt nghiệp ngành GDTC có phẩm chất chính trị và đạo đức XHCN, có đủ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng sư phạm có năng lực	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển	Đến năm 2030 sẽ trở thành trường đa ngành, có uy tín về đào tạo giáo dục thể chất, thể dục thể thao; giáo dục quốc phòng và

tự chủ và trách nhiệm để giảng dạy tốt môn học GDTC ở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm nâng cao kiến thức của người học đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.	giao công nghệ về giáo dục thể chất, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập.	an ninh; chăm sóc sức khỏe, đào tạo tài năng thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.
---	---	---

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC xây dựng phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học 2019 được quy định tại Điều 2 về mục tiêu giáo dục, được trình bày tại bảng 1.2.

Bảng 1.2. Sự phù hợp mục tiêu của CTĐT với mục tiêu của Luật Giáo dục

Mục tiêu của CTĐT năm 2022	Mục tiêu của Luật Giáo dục (Điều 2)
Người học tốt nghiệp ngành GDTC có phẩm chất chính trị và đạo đức XHCN, có đủ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng sư phạm có năng lực tự chủ và trách nhiệm để giảng dạy tốt môn học GDTC ở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm nâng cao kiến thức của người học đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.	Phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng qua những lần rà soát, điều chỉnh CTDH. Mục tiêu CTĐT năm 2022 đã được bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.04], [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Bảng 1.3. Đối sánh mục tiêu CTĐT giữa 2 phiên bản 2020 và 2022

Mục tiêu	CTĐT năm 2020	CTĐT năm 2022
Mục tiêu chung	Đào tạo giáo viên giáo dục thể chất có kiến thức và kỹ năng sư phạm tốt, đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam; đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; trở thành người công dân tốt, người giáo viên trung thực và sáng tạo, nhân ái và khoan dung, tận tụy vì sự nghiệp giáo dục thể hệ tương lai; sống gương mẫu, có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình và đất nước; có bản lĩnh vững vàng trong một thế giới ngày càng hội nhập và thay đổi.	Người học tốt nghiệp ngành GDTC có phẩm chất chính trị và đạo đức XHCN, có đủ kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có kỹ năng sư phạm có năng lực tự chủ và trách nhiệm để giảng dạy tốt môn học GDTC ở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm nâng cao kiến thức của người học đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.
Mục tiêu cụ thể	Không	6 mục tiêu cụ thể, từ PO1 đến PO6

Mục tiêu CTĐT ngành GDTC năm 2022 đã có những cải tiến so với năm 2020: ngoài mục tiêu chung xác định thêm 6 mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm đảm bảo quá trình công tác giảng dạy, huấn luyện trong hệ thống giáo dục quốc dân và phong trào TDTT quần chúng đạt hiệu quả (Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; Có năng lực giảng dạy, nghiên cứu trong các trường học các cấp, các trung tâm văn hóa thể thao và các ngành nghề có liên quan đến GDTC; Có đủ kiến thức để tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước).

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTC được xác định rõ gồm mục tiêu chung và 6 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTC phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động trên cơ sở tham vấn của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Bổ sung thêm các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu, CDR và CTĐT.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh	Bám sát vào sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và nhu cầu của thị trường lao động để đa dạng đối tượng khi định kỳ cập nhật mục tiêu CTĐT qua các lần rà	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra chương trình GDTC của Nhà trường được xây dựng căn cứ vào khung năng lực trình độ Quốc gia, trong giai đoạn đánh giá được rà soát và điều chỉnh vào năm 2020, năm 2022. Chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình GDTC được xác định rõ ràng và cụ thể, gồm các nội dung sau: (i) Yêu cầu về kiến thức; (ii) Về kỹ năng; (iii) Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành GDTC được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt và cụ thể hóa từ mục tiêu của CTĐT.

CTĐT ngành GDTC năm 2020 gồm 30 CĐR, trong đó: về kiến thức có 15 CĐR (04 chuẩn kiến thức đại cương, 05 chuẩn kiến cơ sở ngành và 06 chuẩn về kiến thức chuyên ngành); về kỹ năng có 10 CĐR; về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm 05 CĐR [H1.01.02.01].

Ở phiên bản 2022, CTĐT ngành GDTC gồm 15 CĐR trong đó có 5 CĐR về kiến thức (PLO1 - PLO5), 8 CĐR về kỹ năng (PLO6 - PLO13) và 02 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO14 - PLO15) [H1.01.02.02]. Cụ thể như sau:

*** Về kiến thức**

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, âm nhạc và các kiến thức giáo dục đại cương khác để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản ở các lĩnh vực lý luận, nghiệp vụ sư phạm, y học TDDT, nghiên cứu khoa học, toán thống kê... vào giáo dục và dạy học giáo dục thể chất, thiết kế chương trình môn học trong nhà trường.

PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở lý luận, các phương pháp trong rèn luyện thể lực, kiến thức chuyên sâu các môn thể thao chuyên ngành vào dạy học môn giáo dục thể chất và phát triển phong trào TDDT trong nhà trường.

PLO4: Phân tích được năng lực, nhu cầu của người học để lựa chọn được hình thức, phương pháp giảng dạy, khối lượng tập luyện cho phù hợp.

PLO5: Vận dụng được các phương pháp giảng dạy nhằm tăng cường thể chất và phát huy tính tích cực, phát triển kỹ năng và rèn luyện khả năng tự luyện tập của người học, các phương pháp trong rèn luyện thể lực và hình thành kỹ năng của hoạt động thể dục thể thao.

*** Về kỹ năng**

PLO6: Có kỹ năng thuyết trình, phản biện và xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PLO7: Có kỹ năng đánh giá kết quả học tập, xác định sự tiến bộ của người học; từ đó vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học.

PLO8: Có kỹ năng huấn luyện và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.

PLO9: Có khả năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy giáo dục thể chất và TDTT.

PLO10: Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo và đạt tiêu chuẩn (hoặc tương đương) vận động viên cấp 2 ở môn thể thao chuyên ngành; tiêu chuẩn vận động viên cấp 3 ở một môn Điền kinh (bắt buộc) và một môn thể thao tự chọn (không trùng với môn chuyên ngành).

PLO11: Có kỹ năng cơ bản về đánh giá thể chất, dinh dưỡng, xử lý chấn thương, xoa bóp, hồi phục, điều trị bệnh lý cơ bản trong hoạt động thể thao.

PLO12: Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT).

PLO13: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

*** Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

PLO14: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trong các Nhà trường. Có tính trung thực, đoàn kết, cao thượng trong TDTT.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được cả yêu cầu chung theo khung năng lực quốc gia (đó là người học có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử, có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân) và các yêu cầu chuyên biệt của ngành GDTC (có kiến thức chuyên sâu các môn thể thao chuyên ngành vào dạy học môn giáo dục thể chất và phát triển phong trào TDTT

trong nhà trường; Có kỹ năng huấn luyện và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong và ngoài nhà trường; Có kỹ năng cơ bản về đánh giá thể chất, dinh dưỡng, xử lý chấn thương, xoa bóp, hồi phục, điều trị bệnh lý cơ bản trong hoạt động thể thao).

Nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa CĐR CTĐT vào năm 2020 và năm 2022 theo các bước: từ lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT; tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; tiếp thu ý kiến các bên liên quan; thông qua hội đồng đào tạo những nội dung sửa đổi và ký ban hành [H1.01.02.03], [H1.01.02.04].

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, nhà trường đã chỉnh sửa, điều chỉnh, tích hợp từ 30 CĐR (phiên bản năm 2020) thành 15 CĐR (phiên bản năm 2022) [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07]. CĐR của CTĐT ngành GDTC ở thời điểm rà soát sau đều thể hiện sự kế thừa, bổ sung từ CĐR trong CTĐT trước đó. Đặc biệt, CĐR của CTĐT ngành GDTC ở lần rà soát năm 2022 được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

Bảng 1.4. Mối quan hệ giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (phiên bản năm 2022)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra (PLO)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	√	√	√												
PO2		√	√	√				√	√	√					
PO3			√		√	√		√		√	√	√	√		
PO4				√			√				√			√	√
PO5					√			√	√					√	√
PO6	√								√			√	√		√

Căn cứ vào CĐR của CTĐT ngành GDTC, Nhà trường đã xây dựng vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, cụ thể như sau:

- Giáo viên dạy môn học GDTC và nghiên cứu khoa học TDTT ở các cơ sở giáo dục;
- Cán bộ thể thao tại các cơ quan chuyên môn, câu lạc bộ, trung tâm TDTT tại các tỉnh thành, địa phương;
- Cán bộ quản lý chuyên môn ở các cơ sở giáo dục, cơ quan, doanh nghiệp và địa phương.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT mô tả được rõ ràng những yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Theo định kỳ rà soát CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bám sát mục tiêu để xây dựng CĐR	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành GDTC của trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan, cụ thể về đối tượng và số lượng lấy ý kiến như sau: Nhà sử dụng lao động; Cựu SV, giảng viên và nhà khoa học bằng hình thức gửi phiếu khảo sát trực tiếp và online [H1.01.03.01],

[H1.01.03.02]. Kết quả khảo sát cho thấy, các bên liên quan đều nhất trí cao với dự thảo CĐR của chương trình tuy nhiên có một số ý kiến cần bổ sung về phẩm chất; Có lòng yêu nghề, có tính trung thực, có tinh thần thượng võ trong tập luyện và thi đấu TDTT [H1.01.03.03], [H1.01.03.04].

CĐR của CTĐT được rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần theo kế hoạch của Nhà trường. Trong chu kỳ đánh giá, CĐR được rà soát, điều chỉnh 2 lần vào năm 2020 và 2022 [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Quá trình rà soát điều chỉnh CĐR được thực hiện theo hướng dẫn rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT và gồm các bước như sau [H1.01.03.07], [H1.01.03.08]:

Bước 1: Lập kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT

Bước 2: Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT bao gồm CĐR và chương trình môn học từ các bên liên quan.

Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện; so sánh với yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo.

Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CĐR, CTĐT và trình hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua.

Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật, tiếp thu các ý kiến về CĐR và trình hiệu trưởng ban hành [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11], [H1.01.03.12].

Sau khi rà soát, CĐR CTĐT ngành GDTC năm 2022 đã có sự điều chỉnh so với CĐR CTĐT ngành GDTC năm 2020 với những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Bảng 1.5. Bảng đối sánh CĐR phiên bản 2020 và 2022

CĐR	Phiên bản 2020	Phiên bản 2022
<i>1. Về kiến thức</i>	Tách riêng 3 phần: - Kiến thức đại cương: Có 4	Theo hướng tích hợp phiên bản CĐR 2020 vào 6 CĐR và ký

	CĐR từ CĐR 1 đến CĐR 4 - Kiến thức cơ sở ngành: Có 5 CĐR từ CĐR 5 đến CĐR 9 - Kiến thức chuyên ngành: Có 6 CĐR từ CĐR 10 đến CĐR 15	hiệu từ PLO1 đến PLO5
2. Về kỹ năng	Có 10 chuẩn từ CĐR 16 đến CĐR 25	Có 8 CĐR từ PLO6 đến PLO13
3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	Có 5 chuẩn từ CĐR 26 đến CĐR 30	Có 2 CĐR từ PLO14 đến PLO15

CĐR của CTĐT được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin của Nhà trường tại địa chỉ: <https://hupes.edu.vn>.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT cử nhân GDTC được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

CĐR của CTĐT được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin của Nhà trường giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan còn chưa đa dạng

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT: Tổ chức các	Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	Từ năm học 2024 - 2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà sát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR CTĐT cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường và nhu	Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội	Theo kế hoạch rà soát của nhà trường	
---	--------------------	---	------------------------------------	--------------------------------------	--

5. Tự đánh giá:: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTC được xác định rõ gồm mục tiêu chung và 6 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTC phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT mô tả được rõ ràng những yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành GDTC được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. CĐR của CTĐT được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin của Nhà trường giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan còn chưa đa dạng. Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu, CĐR của CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí; trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDTC được xây dựng, ban hành theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường. Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế rõ ràng, cung cấp đầy đủ các thông tin và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội được thiết kế gồm đầy đủ thông tin giúp giảng viên, người học, nhà tuyển dụng lao động và các bên liên quan tiếp cận các thông tin cần thiết.

Năm 2022, thực hiện theo Hướng dẫn rà soát, đánh giá cập nhật CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ của Nhà trường [H2.02.01.01], Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT năm 2020 và ban hành bản mô tả CTĐT năm 2022 [H2.02.01.02], [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin, bao gồm 6 phần:

Phần 1. Tổng quan về CTĐT gồm giới thiệu về trường; Giới thiệu về CTĐT (Tên CSGD; Tên trường cấp bằng; Tên gọi của văn bằng; Tên CTĐT; Thời gian đào tạo; Hình thức đào tạo; Số tín chỉ; Các yêu cầu đầu vào của CTĐT; Đối tượng tuyển sinh; Điều kiện tốt nghiệp; Vị trí việc làm; Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT).

Phần 2. Chuẩn đầu ra và CTĐT: Mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể); CDR của CTĐT; Các nội dung đối sánh và tham khảo CTĐT của CSGD khác được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CTĐT.

Phần 3. Khung chương trình dạy học: Cấu trúc CTDH; Ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của chương trình; Kế hoạch đào tạo khóa học.

Phần 4. Mô tả nội dung các học phần.

Phần 5. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ CTĐT.

Phần 6. Hướng dẫn thực hiện CTĐT.

Thực hiện theo kế hoạch rà soát, chỉnh sửa và cập nhật CTĐT năm 2022 [H2.02.01.04], Nhà trường tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu chương trình, CĐR của CTĐT, CTDH [H2.02.01.05]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các bên liên quan [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], Nhà trường ban hành bản mô tả CTĐT năm 2022 có sự kế thừa các nội dung cơ bản của CTĐT năm 2020 và bổ sung, điều chỉnh một số nội dung cơ bản về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, thay đổi một số học phần tự chọn.

Bảng 2.1. Đối sánh nội dung bản mô tả CTĐT năm 2020 và năm 2022

Nội dung	Bản mô tả CTĐT năm 2020	Bản mô tả CTĐT năm 2022
Mục tiêu	Mục tiêu chung	Mục tiêu chung và 6 mục tiêu cụ thể (PO1-PO5).
Chuẩn đầu ra	30 CĐR (CĐR1-CĐR30)	15 CĐR (PLO1-PLO15)
CTDH		- Sửa tên gọi một số học phần. - Bổ sung học phần tự chọn Võ Taekwondo & phương pháp giảng dạy ở khối kiến thức ngành. - Lược bỏ học phần tự chọn Truyền thông và marketing khỏi nhóm các học phần thay thế khóa luận.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC của Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội có đầy đủ thông tin và nội dung cần thiết hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được rà soát và cập nhật định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan còn chưa đa dạng. Ý kiến phản hồi về chương trình dạy học còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan CTĐT. Xây dựng phiếu lấy ý kiến phù hợp hơn.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, cập nhật và bổ sung bản mô tả CTĐT.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; khoa/bộ môn	Theo định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương học phần (ĐCHP) của CTĐT là bản mô tả chi tiết về mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và cách thức tổ chức dạy học, đánh giá học phần. ĐCHP là căn cứ để giảng viên giảng dạy, sinh viên học tập, các bên liên quan kiểm soát, đánh giá được chất lượng đào tạo.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình

đào tạo vào năm 2020 và 2022 [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. Trong mỗi lần rà soát, chỉnh sửa CTĐT, đều tiến hành rà soát, điều chỉnh ĐCHP. Đề hướng dẫn các khoa/bộ môn và giảng viên thực hiện rà soát, bổ sung ĐCHP, nhà trường ban hành mẫu đề cương học phần [H2.02.02.03], [H2.02.02.04]. Căn cứ hướng dẫn của Nhà trường, các khoa/trung tâm/bộ môn thực hiện rà soát ĐCHP theo các bước: Trưởng bộ môn phân công giảng viên viết ĐCHP; Tổ chức thảo luận góp ý cho dự thảo ĐCHP ở cấp bộ môn và cấp khoa; Triển khai chỉnh sửa và hoàn thiện sau thảo luận; Nghiệm thu ĐCHP cấp khoa/trung tâm; Hiệu trưởng ký quyết định ban hành ĐCHP năm 2020 [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], năm 2022 [H2.02.02.07].

Đề cương học phần trong CTĐT năm 2020 cung cấp đầy đủ các thông tin: Tên học phần, số tín chỉ, mã học phần, học kỳ, vị trí học phần; Thông tin về giảng viên; Các học phần tiên quyết; Mục tiêu của học phần (Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể); Tóm tắt nội dung học phần; Nội dung chi tiết học phần; Tài liệu học tập; Hình thức tổ chức dạy học; Lịch trình dạy học cụ thể; Các phương pháp giảng dạy của học phần; Tiến trình cập nhật, bổ sung đề cương học phần.

Đề cương học phần trong CTĐT năm 2022 cung cấp đầy đủ các thông tin: Tên học phần; Mã học phần; Số tín chỉ; Học phần (tiên quyết/học trước/song song-khỏi kiến thức); Bộ môn phụ trách; Thông tin Giảng viên giảng dạy; Mô tả học phần; Chuẩn đầu ra của học phần (Bảng ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT); Tài liệu phục vụ môn học; Nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá; Kế hoạch, phương pháp giảng dạy và học tập; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; Chính sách đối với học phần.

Để triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, ĐCHP, nhà trường tiến hành kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT bằng hình thức xin ý kiến trực tiếp và online [H2.02.02.08], [H2.02.02.09]. Các phiếu khảo sát được xử lý và tổng hợp thành báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, trong đó các bên liên quan tham gia ý kiến về nội dung học phần, về phương pháp kiểm tra đánh giá [H2.02.02.10], [H2.02.02.11].

So với năm 2020, ĐCHP năm 2022 đã điều chỉnh, bổ sung các nội dung: CĐR của học phần, bảng ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR CTĐT; Nội

dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR học phần; Phương pháp giảng dạy của giảng viên và học tập của người học để có thể đạt được các CĐR của học phần.

Ví dụ: ĐCHP chuyên ngành Thể dục và phương pháp huấn luyện HP4 năm 2020 xác định mục tiêu chung của học phần và các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đề cương học phần chuyên ngành Thể dục và phương pháp huấn luyện HP4 năm 2022 đã bổ sung 11 CĐR và xây dựng bảng ma trận giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT [**H2.02.02.12**]. Cụ thể:

CĐR 1: Phân tích, giải thích được các kiến thức cơ bản về đặc điểm phương pháp giảng dạy môn thể dục. Có kiến thức nâng cao về nguyên lý kỹ thuật và phương pháp giảng dạy môn Aerobic đơn, đôi, những kiến thức và kỹ năng cơ bản của lập kế hoạch giảng dạy, huấn luyện, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn thể dục.

CĐR 2: Phân tích, đánh giá được trình độ, năng lực, nhu cầu của người học để lựa chọn được nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy, khối lượng tập luyện cho phù hợp.

CĐR 3: Biết vận dụng chính xác kiến thức, kỹ năng vào việc biên soạn bài tập để giảng dạy các bài nhảy nhằm phát triển thể chất, nâng cao năng lực vận động, phát huy tính tích cực, phát triển khả năng tự luyện tập cho người học.

CĐR 4: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch - tổ chức dạy học giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

CĐR 5: Có kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả học tập môn thể dục của người học, đưa ra nhận định chính xác và tin cậy về sự tiến bộ của người học, từ đó đưa ra những lời khuyên vận dụng phương pháp dạy học phù hợp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực đối với người học.

CĐR 6: Có kỹ năng huấn luyện và tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa môn Thể dục. Biết vận dụng chính xác những kỹ thuật động tác vào giảng dạy và huấn luyện môn Thể dục ở trong và ngoài nhà trường.

CĐR 7: Có khả năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong việc biên soạn, giảng dạy, huấn luyện môn Thể dục dành cho các lứa tuổi khác nhau.

CĐR 8: Có kỹ năng thực hành chính xác các bài Aerobic đơn, đôi đạt tiêu chuẩn

vận động viên cấp 2.

CĐR 9: Có kỹ năng cơ bản về xử lý một số chấn thương thường gặp, xoa bóp, hồi phục, điều trị bệnh lý cơ bản trong tập luyện môn Thể dục.

CĐR 10: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trong các Nhà trường. Có tính trung thực, đoàn kết, cao thượng trong TĐTT.

CĐR 11: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

Bảng 2.2. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

CĐR CTĐT	CĐR học phần										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PLO3	4										
PLO4		4									
PLO5			4								
PLO6				4							
PLO7					4						
PLO8						4					
PLO9							4				
PLO10								4			
PLO11									4		
PLO14										4	
PLO15											4

2. Điểm mạnh

Các ĐCHP của CTĐT ngành GDTC được xây dựng đảm bảo các bước theo quy định, thể hiện đầy đủ các thông tin, được định kì rà soát, điều chỉnh và cập nhật phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Một số ĐCHP học phần năm 2022, tính cập nhật về hình thức kiểm tra đánh giá chưa đa dạng, nguồn học liệu còn hạn chế bởi những tài liệu chuyên ngành hẹp.

Ý kiến của các bên liên quan về các nội dung của ĐCHP chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh ĐCHP về hình thức kiểm tra, đánh giá, nguồn học liệu. Bổ sung vào phiếu hỏi phỏng vấn các bên liên quan các nội dung liên quan đến ĐCHP.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa/bộ môn	Từ năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, điều chỉnh và cập nhật ĐCHP cho phù hợp CĐR của CTĐT.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa/bộ môn	Theo chu kỳ đánh giá	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi CTĐT kèm theo CĐR ngành GDTC được Trường Đại học SP TDTT Hà Nội ban hành năm 2020 [H2.02.03.01], năm 2022 [H2.02.03.02], nhà trường đã công bố công khai cho người học và giảng viên nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau:

Trong quá trình xây dựng, phát triển CTĐT, nhà trường đã tiến hành xin ý kiến các bên liên quan (các nhà khoa học, các nhà tuyển dụng, người học, cựu người học

và toàn thể giảng viên) để chỉnh sửa bổ sung CĐR, CTĐT, ĐCHP [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

Chương trình đào tạo ngành GDTC còn được đưa lên trang web <https://hupes.edu.vn>, sinh viên có thể truy cập để lập kế hoạch học tập; cố vấn học tập và phụ huynh có thể tư vấn, quản lý quá trình học tập của SV.

Bản mô tả CTĐT được nhà trường giới thiệu trực tiếp đến SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khoá học [H2.02.03.05].

Bên cạnh đó, khi bắt đầu giảng dạy, các GV đều cung cấp ĐCHP cho người học biết được mục tiêu, nội dung môn học, tài liệu học tập, hình thức kiểm tra đánh giá, lịch trình giảng dạy của GV [H2.02.03.06], [H2.02.03.07].

Sau khi kết thúc các học phần nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát đánh giá cho thấy cả 5/5 tiêu chí đều được đánh giá ở mức "tốt" (1. Sinh viên được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về quy chế đào tạo, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, thời khóa biểu học tập; 2. Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (Chuẩn đầu ra, đề cương, phương pháp học, tài liệu học tập...); 3. Thông tin về hoạt động kiểm tra, đánh giá được thông báo công khai và phổ biến đến sinh viên; 4. Kết quả học tập được đánh giá chính xác, công bằng và được thông báo kịp thời tới sinh viên; 5. Lớp học có sĩ số hợp lý, thuận lợi cho sinh viên học tập). Trong đó tiêu chí có điểm đánh giá cao nhất là: Sinh viên được cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về học phần (Chuẩn đầu ra, đề cương, phương pháp học, tài liệu học tập...) [H2.02.03.08], [H2.02.03.09], [H2.02.03.10], [H2.02.03.11].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCPH được nhà trường công bố công khai với nhiều hình thức khác nhau cho phép các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đề cương học phần được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các cơ sở giáo dục nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành GDTC còn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sử dụng đa dạng các biện pháp để thu thập được nhiều thông tin phản hồi về CTĐT và đề cương học phần.	P.Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Công bố công khai qua nhiều kênh khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	P.Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT, ĐCHP ngành GDTC của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội có đầy đủ thông tin và nội dung cần thiết hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được rà soát và cập nhật định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường.

Các ĐCHP của CTĐT ngành GDTC được xây dựng đảm bảo các bước theo quy định, thể hiện đầy đủ các thông tin, được định kì rà soát, điều chỉnh và cập nhật phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và ĐCPH được nhà trường công bố công khai với nhiều hình thức khác nhau cho phép các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tuy nhiên, hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan còn chưa đa dạng. Ý kiến

phản hồi về chương trình dạy học còn ít.

Một số ĐCHP học phần năm 2022, tính cập nhật về hình thức kiểm tra đánh giá chưa đa dạng, nguồn học liệu còn hạn chế bởi những tài liệu chuyên ngành hẹp. Ý kiến của các bên liên quan về các nội dung của đề cương học phần chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí; trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH) ngành giáo dục thể chất (GDTC) được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra (CĐR) gồm: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Mỗi học phần trong CTDH đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của CTDH. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá người học phù hợp, hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo đạt CĐR của từng học phần và CĐR chung của chương trình dạy học. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung được cập nhật và có tính tích hợp. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, thực hành nghề nghiệp, khóa luận hoặc các học phần thay thế, đảm bảo chương trình trở thành khối thống nhất. CTDH được nhà trường định kỳ, rà soát điều chỉnh vào năm 2020 và 2022. Trong quá trình điều chỉnh nhà trường đã tham khảo CTĐT của các trường có cùng chuyên ngành trong nước.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành GDTC được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, về kỹ năng về mức tự chủ và trách nhiệm. CTĐT ngành GDTC năm 2020 gồm 30 CĐR, trong đó: về kiến thức có 15 CĐR (04 chuẩn kiến thức đại cương, 05 chuẩn kiến cơ sở ngành và 06 chuẩn về kiến thức chuyên ngành); về kỹ năng có 10 CĐR; về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm 05 CĐR [H3.03.01.01]. Ở phiên bản 2022, CTĐT ngành GDTC gồm 15 CĐR trong đó có 5 CĐR về kiến thức (PLO1 – PLO5), 8 CĐR về kĩ

năng (PLO6 - PLO13) và 02 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO14 - PLO15) [**H3.03.01.02**].

Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR theo thang đo năng lực về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Chương trình dạy học được rà soát, đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gồm 132 tín chỉ: kiến thức giáo dục đại cương 25 tín chỉ (học phần bắt buộc 21 tín chỉ, học phần tự chọn 4 tín chỉ); kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 107 tín chỉ (khối kiến thức cơ sở ngành 34 tín chỉ; khối kiến thức chuyên ngành 57 tín chỉ; thực hành, thực tập sư phạm 10 tín chỉ; khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế 6 tín chỉ)

Năm 2022, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh CĐR và chương trình dạy học theo định kỳ. CĐR được xác định ngắn gọn, tích hợp hơn so với năm 2020. Chương trình dạy học vẫn giữ nguyên 132 tín chỉ và sự phân bố các khối kiến thức giống như CTDH năm 2020, tuy nhiên có sự điều chỉnh ở một số nội dung: khối kiến thức ngành tăng thêm học phần tự chọn võ Taekwondo & phương pháp giảng dạy để đa dạng sự lựa chọn cho người học.

Trong CTDH, các học phần được bố trí, sắp xếp hợp lý, có quan hệ hỗ trợ nhau về kiến thức và kỹ năng. Mỗi học phần trong chương trình dạy học đều có sự đóng góp vào CĐR chung của chương trình dạy học và được thể hiện trong đề cương các học phần. Mỗi học phần đều xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, góp phần đạt được CĐR của CTDH. Các học phần lý thuyết sử dụng các phương pháp giảng dạy thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, thảo luận... Các học phần thực hành chuyên ngành sử dụng các phương pháp thuyết trình, giảng giải, làm mẫu, sửa sai,... Phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng: đánh giá quá trình (chuyên cần), đánh giá giữa học phần (bài tập, bài kiểm tra tự luận, kiểm tra thực hành...) và đánh giá cuối học phần (thi kết thúc học phần bằng hình thức thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, báo cáo thu hoạch,..) nhằm đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với mỗi học phần [**H3.03.01.03**], [**H3.03.01.04**], [**H3.03.01.05**].

Trên cơ sở CTDH, hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo và kế hoạch giảng dạy các khóa để đảm bảo tiến độ thực hiện CTDH [**H3.03.01.06**],

[H3.03.01.07]. Từ kế hoạch đào tạo năm học, kế hoạch giảng dạy các khóa, các Khoa/bộ môn triển khai cho giảng viên xây dựng kế hoạch cá nhân, tiến trình môn học, giáo án giảng dạy để thực hiện các học phần theo đúng kế hoạch chung của trường [H3.03.01.08].

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTDH, Nhà trường thực hiện khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan: nhà quản lý, giảng viên, sinh viên, các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên [H3.03.01.09], [H3.03.01.10]. Dựa trên các góp ý của các bên liên quan, Nhà trường đã điều chỉnh CĐR, CTDH phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng CTDH ngành GDTC trình độ đại học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được xây dựng có sự tham gia góp ý của các giảng viên, hội đồng khoa học và chuyên gia. Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá NH phù hợp, góp phần đạt được CĐR học phần trong CTDH.

3. Điểm tồn tại:

Việc xác định các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong các ĐCHP còn chưa được phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá người học nhằm đáp ứng CĐR của học phần.	Các Khoa, trung tâm, bộ môn trong nhà trường	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xin ý kiến rộng rãi các bên liên quan để rà soát và điều chỉnh CTDH.	Phòng QLĐT-KH & HTQT	Theo định kỳ rà soát	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng:

100% ĐCHP trong CTDH cử nhân chuyên ngành GDTC đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện mức độ đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các ĐCHP mô tả rõ ràng học phần đó đóng góp gì về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học để đạt được CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Đề cương học phần trong chương trình dạy học được các khoa, bộ môn xây dựng dựa trên CĐR của CTDH năm 2020, 2022. Các Khoa/bộ môn phân công các giảng viên (hoặc nhóm giảng viên) biên soạn đề cương học phần theo mẫu quy định được khoa nghiệm thu và phê duyệt [H3.03.02.04].

Ở mỗi học phần sau khi xác định CĐR, giảng viên lập bảng thể hiện mối liên hệ giữa CĐR của học phần với CĐR của CTDH.

Ví dụ: học phần Chuyên ngành Thể dục và phương pháp huấn luyện HP4 xác định được 11 CĐR của học phần và thang đo được xác định trên thang Bloom 6 cấp độ (Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo) ứng với CĐR của CTDH được thể hiện qua bảng 3.1.

Bảng 3.1. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CĐR CTĐT	CĐR học phần										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PL03	4										
PL04		4									
PL05			4								
PL06				4							

CĐR CTĐT	CĐR học phần										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PL07					4						
PL08						4					
PL09							4				
PL010								4			
PL011									4		
PL014										4	
PL015											4

Các học phần xác định rõ nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để đạt được CĐR. Đề cương học phần đều có đủ các thông tin học phần (tên học phần, mã học phần, vị trí học phần trong CTDH), thông tin về tổ chức giảng dạy và học tập, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và tài liệu tham khảo.

Ví dụ học phần Chuyên ngành Thể dục và phương pháp huấn luyện HP4 xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học trong chương, bài của học phần, thể hiện bảng 3.2.

Bảng 3.2. Nội dung chi tiết, kế hoạch, phương pháp giảng dạy và học tập

Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian			Hoạt động dạy và học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
			Lý thuyết	Thực hành	Thảo luận		
Đặc điểm các nguyên tắc và phương pháp thể dục Phương pháp giảng dạy môn thể dục Thảo luận nhóm về các nguyên tắc và phương pháp		2		2		GV trình chiếu các nội dung chính của bài. Chia nhóm thảo luận	Mô tả được các nguyên tắc dạy học. Biết các vận dụng các phương pháp đã học để giảng dạy. Thiết kế, vận

thể dục Phương pháp giảng dạy môn thể dục Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn Thể dục					Tổ chức thuyết trình Thống nhất, định hướng các nội dung soạn giáo án	dụng được các nguyên tắc, phương pháp vào giảng dạy, huấn luyện môn TD Vận dụng để soạn giáo án một nội dung cụ thể chuẩn bị cho giảng dạy.
---	--	--	--	--	--	---

Về phương pháp kiểm tra, đánh giá từng học phần trong CTDH phù hợp với người học hỗ trợ tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR học phần. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần Chuyên ngành Thể dục và phương pháp huấn luyện HP4 được thể hiện bảng 3.3.

Bảng 3.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Tỉ trọng (%)	Nội dung đánh giá	Mô tả cách thực hiện	Yêu cầu đối với tiêu chí đánh giá
1	Đánh giá chuyên cần	10	Theo quy định công tác đào tạo của nhà trường	- Tham gia 75% tổng số giờ học trên lớp - Đi học đúng giờ, trang phục đúng quy định - Tích cực, đảm bảo an toàn trong tập luyện	0,6 điểm 0,2 điểm 0,2 điểm

2	Đánh giá thường xuyên (Đánh giá tình huống, bài tập, thực hành, thảo luận seminar, tiểu luận, kiểm tra giữa kì...)	20	Bốc thăm nội dung soạn giáo án và giảng trong thời gian 20p	Bốc thăm nội dung soạn giáo án và giảng trong thời gian 20p	Biểu điểm 10^d - Soạn giáo án đúng mẫu đúng đẹp (3^d) - Tư thế tác phong tự tin (1^d) - Thực hiện đầy đủ các bước lên lớp (2^d) - Biết cách triển khai đội hình tập luyện hợp lý (2^d) - Phát hiện được những sai sót và cách sửa chữa (2^d)
3	Kiểm tra cuối kì	70	Thi thực hành bài Thể dục Aerobic tự biên soạn đơn, đôi hoặc ba người.	Thi thực hành bài Thể dục Aerobic tự biên soạn đơn, đôi hoặc ba người.	Biểu điểm 10^d - Nhạc cảm: (1^d) - Thấp nếu có, đội hình, không gian (1^d) - Vũ đạo – động tác Aerobic (2^d) - Phong cách (1^d) - Điểm thực hiện Độ khó (2^d) - Điểm thực hiện (3^d) * Tùy theo lỗi sai trừ điểm tương ứng biểu điểm cụ thể trong ĐCHP
	Tổng	100%			

Hàng năm, phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và pháp chế lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên **[H3.03.02.05]**, **[H3.03.02.06]**, **[H3.03.02.07]**, **[H3.03.02.08]**, **[H3.03.02.09]**. Người học đánh giá ở cấp độ rất tốt về việc giảng viên nêu mục đích, yêu cầu và công bố đầy đủ ĐCHP ngay từ đầu môn học; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ nội dung, phương tiện, hình thức tổ chức.. bài giảng hợp lý trước khi lên lớp, Giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy sử dụng phương tiện dạy học hợp lý và có hiệu quả, Giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu học tập và sách tham khảo có liên quan đến nội dung học tập của học phần cho sinh viên, Giảng viên có hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên và luôn đảm bảo tích khách quan chính xác công bằng kích thích được người học tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập rèn luyện được trình bày trong bảng 3.4.

Bảng 3.4. Kết quả phản hồi sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV

Số TT	Tiêu chí	Cấp độ ĐG NH 2019-2020		Cấp độ ĐG NH 2020-2021		Cấp độ ĐG NH 2021-2022		Cấp độ ĐG NH 2022-2023		Cấp độ ĐG NH 2023-2024	
		Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận
1	Giảng viên nêu mục đích, yêu cầu và công bố đầy đủ đề cương chi tiết của học phần cho người học	4.35	Rất tốt	4.73	Rất tốt	4.61	Rất tốt	4.63	Rất tốt	4.65	Rất tốt
2	Giảng viên chuẩn bị đầy đủ nội dung, phương tiện hình thức tổ chức bài giảng hợp lý trước khi lên lớp	4.65	Rất tốt	4.72	Rất tốt	4.64	Rất tốt	4.59	Rất tốt	4.64	Rất tốt

3	Giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy sử dụng phương tiện dạy học hợp lý và có hiệu quả	4.57	Rất tốt	4.68	Rất tốt	4.60	Rất tốt	4.59	Rất tốt	4.60	Rất tốt
4	Giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu học tập và sách tham khảo có liên quan đến nội dung học tập của học phần cho sinh viên	4.61	Rất tốt	4.71	Rất tốt	4.64	Rất tốt	4.62	Rất tốt	4.64	Rất tốt
5	Giảng viên có hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên và luôn đảm bảo tích khách quan chính xác công bằng kích thích được người học tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập rèn luyện	4.57	Rất tốt	4.72	Rất tốt	4.63	Rất tốt	4.67	Rất tốt	4.64	Rất tốt

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành GDTC có sự tương thích và thể hiện được mức đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp

dạy và học, kiểm tra đánh giá rõ ràng, phù hợp và có mối liên kết để đảm bảo đạt CDR.

3. Điểm tồn tại

Nội dung xin ý kiến góp ý của các bên liên quan về ĐCHP còn ít. Các ý kiến góp ý đối với các ĐCHP trong CTDH còn chưa nhiều và chưa rõ ràng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng nội dung xin ý kiến của các bên liên quan về ĐCHP cần cụ thể - Mở rộng đối tượng và tăng số lượng góp ý cho ĐCHP.	Khoa/trung tâm trong nhà trường	Năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát, cập nhật CTĐT theo kế hoạch của nhà trường	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; các Khoa, trung tâm trong trường	Định kỳ	

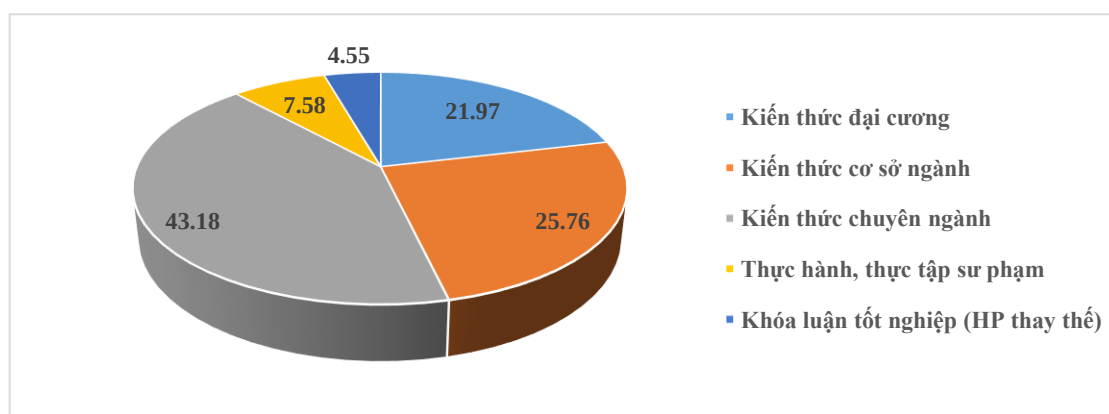
5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng:

Chương trình dạy học ngành GDTC đã được thiết kế và điều chỉnh, cập nhật trên cơ sở CDR của CTDH và mục tiêu, yêu cầu của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. CTDH được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ khối kiến thức đại cương đến khối kiến thức cơ sở ngành và đến khối kiến thức chuyên ngành. Các học phần bắt buộc và học phần tự chọn được phân bố hợp lý theo từng học kỳ theo hướng bổ trợ nhau về kiến thức, kỹ năng. Các học phần đều thể hiện rõ các kiến thức, kỹ năng và thái độ sinh viên cần đạt được; nội dung và kế hoạch giảng dạy; phương pháp kiểm tra/đánh giá được thể hiện cụ thể và không tách rời với mục tiêu và CDR của học phần, đảm bảo chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất thể hiện ở biểu đồ 3.1



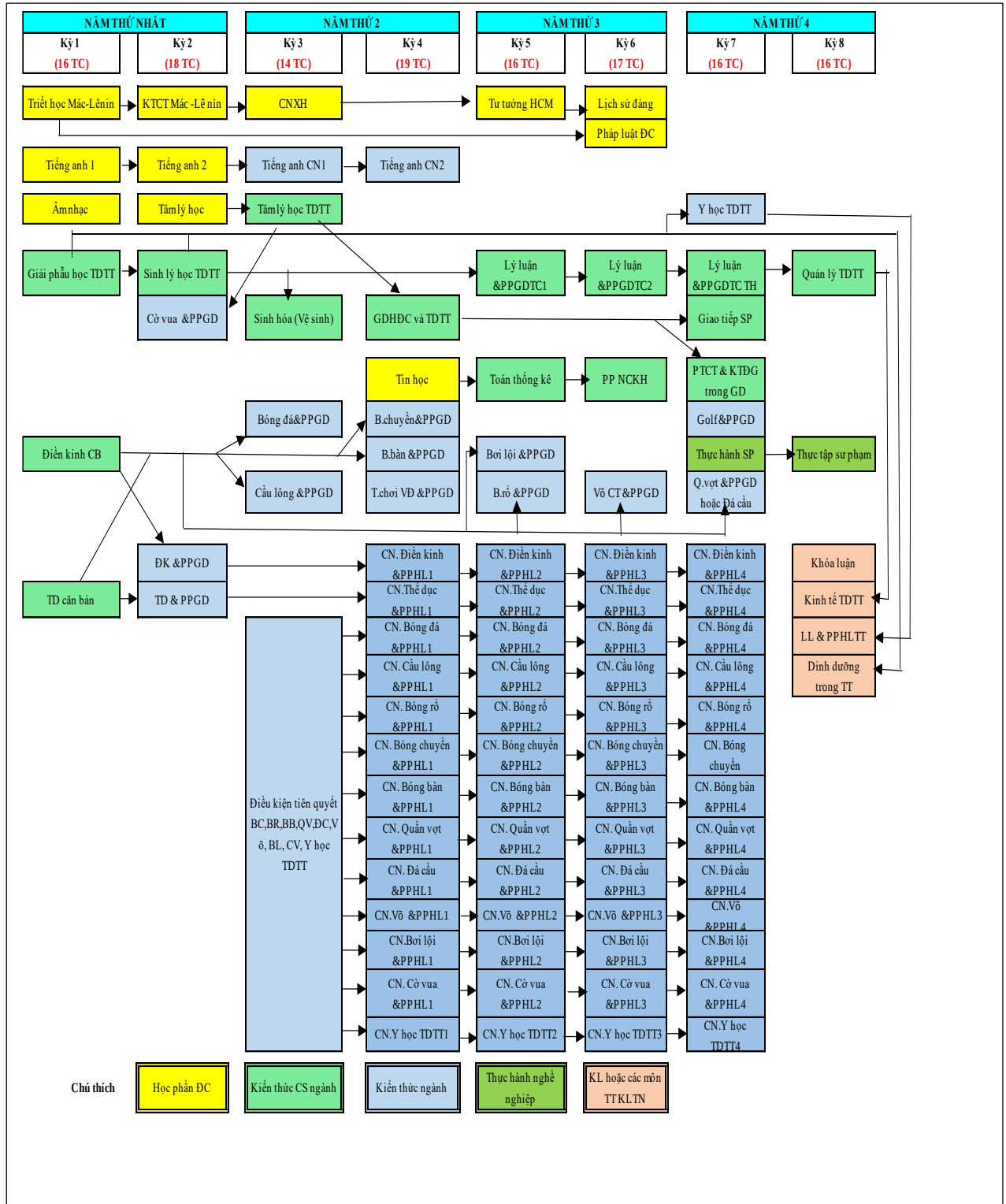
Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH

Cấu trúc CTDH năm 2022 so với năm 2020 không có sự thay đổi nhiều về các khối kiến thức. Khối kiến thức giáo dục đại cương (25 tín chỉ) chiếm 21.97% tổng số tín chỉ của CTDH, gồm các học phần bắt buộc (21 tín chỉ), học phần tự chọn (4 tín chỉ) đối với CTDH năm 2020 còn năm 2022 có sự thay đổi các học phần bắt buộc (23 tín chỉ), các học phần tự chọn (2 tín chỉ). Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (107 tín chỉ) chiếm 78.03% tổng số tín chỉ của CTDH bao gồm kiến thức cơ sở ngành - 34 tín chỉ (các học phần bắt buộc 30 tín chỉ và các học phần tự chọn 4 tín chỉ). Kiến thức chuyên ngành - 57 tín chỉ (các học phần bắt buộc 34 tín chỉ và các học phần tự chọn 23 tín chỉ). Thực hành, thực tập sư phạm (10 tín chỉ); Các học phần thay thế khóa luận và khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ) [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

Các học phần trong CTDH được bố trí phù hợp (học phần tiên quyết, thời lượng

của mỗi học phần, học kỳ thực hiện...) giữa các học phần bắt buộc và học phần tự chọn, sắp xếp hợp lý từ học kỳ 1 đến học kỳ 8 [H3.03.03.03]. Minh họa lộ trình giảng dạy các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành GDTC năm 2022 được trình bày trong sơ đồ 3.1

Sơ đồ 3.1. Tiến trình giảng dạy các HP trong CTDH ngành GDTC năm 2022



CTDH của ngành GDTC được thiết kế có nội dung phù hợp với CĐR của CTĐT. Khi thiết kế CTDH, các Khoa, Bộ môn chú ý tới tính vừa sức và tính tích hợp của các HP trong CTDH nhằm đảm bảo cho người học được tiếp cận các kiến

Trong mỗi học phần, các CĐR tập trung vào việc cung cấp kiến thức và nâng cao kỹ năng cho người học. Các học phần trong học kỳ sau sử dụng và củng cố kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm của những học kỳ. Các học phần Thực hành, thực tập sư phạm và Khóa luận tốt nghiệp sử dụng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của hầu hết các học phần trong chương trình giảng dạy.

Chương trình dạy học ngành GDTC được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm 1 lần vào các năm 2020, 2022 **[H3.03.03.04], [H3.03.03.05]**. Mỗi lần rà soát, điều chỉnh, Nhà trường đều tham khảo ý kiến của các bên liên quan: giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, nhà khoa học, cựu sinh viên, học viên **[H3.03.03.06], [H3.03.03.07]**. Các khoa, bộ môn là đơn vị chủ trì việc xây dựng, rà soát đề cương học phần theo CTDH và tổ chức nghiệm thu đề cương học phần **[H3.03.03.08]** trên cơ sở đó nhà trường ra quyết định ban hành đề cương học phần để đưa vào sử dụng **[H3.03.03.09], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11]**.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH năm 2020, 2022 nhà trường tham khảo chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm TDTT Tp. HCM, Đại học TDTT Thượng Hải-Trung Quốc, Đại học TDTT Đà Nẵng và Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua việc đối sánh với chương trình về cấu trúc: tổng số tín chỉ; khối kiến thức đại cương; khối kiến thức cơ sở ngành; khối kiến thức ngành; số học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành; thời gian thực hành, thực tập sư. Kết quả đối sánh cho thấy sự tương đồng về số tín chỉ trong mỗi khối kiến thức của CTDH. Một số học phần tự chọn được tăng lên để đa dạng sự lựa chọn cho sinh viên trong quá trình đào tạo **[H3.03.03.12], [H3.03.03.13]**.

2. Điểm mạnh

Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức, giúp SV có khả năng tiếp nhận kiến thức và rèn luyện năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế về nguồn nhân lực của xã hội. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo chu kỳ 2 năm 1 lần. Qua mỗi lần điều chỉnh có tiến hành đối sánh với

các chương trình trong nước và nước ngoài.

3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh với số lượng CTĐT cùng ngành của nước ngoài còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch nghiên cứu, cập nhật, đối sánh với các CTDH của nước ngoài.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Định kỳ 2 năm/lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật nội dung các học phần trong CTDH để đảm bảo tính logic.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; các Khoa, trung tâm trong trường	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH cử nhân ngành GDTC được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của tất cả các học phần trong CTDH rõ ràng và phù hợp, góp phần hỗ trợ cho người học đạt được CĐR. 100% các ĐCHP trong CTDH có sự tương thích và thể hiện được mức đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức, giúp sinh viên

có khả năng tiếp nhận kiến thức và rèn luyện năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế về nguồn nhân lực của xã hội. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần có tiến hành đối sánh với các chương trình trong nước và nước ngoài.

Việc xác định các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong các ĐCHP còn chưa được phong phú và đa dạng. Nội dung xin ý kiến góp ý của các bên liên quan về ĐCHP còn ít. Các ý kiến góp ý đối với các ĐCHP trong CTDH còn chưa nhiều và chưa rõ ràng. Việc đối sánh với số lượng CTĐT cùng ngành của nước ngoài còn chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí; trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng đào tạo đại học, phản ánh khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong chương trình đào tạo. Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội áp dụng phương pháp tiếp cận theo năng lực, lấy người học làm trung tâm, nhằm phát triển phẩm chất, kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, và năng lực tự chủ, trách nhiệm của sinh viên. Cách tiếp cận này hướng tới việc trang bị cho sinh viên nền tảng vững chắc để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội là “Cùng nhau kiến tạo cơ hội”, được công bố lần đầu trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 [H4.04.01.01] và chính thức hóa qua QĐ 16/QĐ-ĐHSPTĐTTTHN ngày 26/10/2020 [H4.04.01.02]. Thông báo số 679/TB-ĐHSPTĐTTTHN ngày 31/12/2020 giải thích: “Mọi người đến với Trường đều có trách nhiệm cùng nhau tạo môi trường giáo dục: Lấy người học làm trung tâm; kiến tạo tri thức; giúp người học có kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp vững vàng, tạo hành trang cho tương lai sau khi học tập,

góp phần tạo ra nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển của đất nước” [H4.04.01.03].

Năm 2020, 2022 nhà trường đã rà soát CTDH, trong quá trình rà soát, cập nhật và điều chỉnh thì Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được truyền tải vào quá trình xây dựng CTDH trình độ đại học ngành GDTC [H4.04.01.04], [H4.04.01.05] được thể hiện cụ thể tại bảng 4.1.

Bảng 4.1. Sự chuyển tải ý nghĩa triết lý giáo dục vào CDR của CTDH

Ý nghĩa của Triết lý giáo dục		CDR
Hợp tác và đồng hành trong học tập	Hợp tác giữa các giảng viên, sinh viên để tạo ra một môi trường học tập hiệu quả. Mọi người đều có thể chia sẻ và đóng góp ý tưởng, kinh nghiệm để xây dựng cơ hội học tập tốt hơn cho từng cá nhân.	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4
Kiến tạo cơ hội	Tạo ra những cơ hội học tập bình đẳng cho tất cả mọi người, không phân biệt điều kiện gia đình, xuất phát điểm, hay môi trường sống. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn	PLO9, PLO10, PLO15
Khuyến khích sáng tạo và đổi mới	Khuyến khích sự sáng tạo trong giáo dục, nơi mà các phương pháp dạy và học không chỉ dừng lại ở những phương thức truyền thống mà còn khai thác những cơ hội mới, như công nghệ, phương pháp giảng dạy sáng tạo, để làm phong phú thêm quá trình học tập	PLO6, PLO7, PLO8, PLO12, PLO13
Định hướng phát triển toàn diện	Không những phát triển về kiến thức mà còn về kỹ năng sống, phẩm chất cá nhân, sự sáng tạo và khả năng làm việc nhóm. Góp phần xây dựng một thế hệ sinh viên có khả năng hội nhập, thích ứng và dẫn dắt tương lai.	PLO11, PLO14, PLO15
Xây dựng một cộng đồng giáo dục tích cực	Môi trường giáo dục không chỉ là nơi cung cấp kiến thức mà còn là nơi để mọi người cùng nhau góp sức xây dựng những cơ hội phát triển, giúp đỡ lẫn nhau trong hành trình học hỏi và trưởng thành.	PLO5

Bên cạnh đó, Triết lý giáo dục của Nhà trường còn được truyền tải vào thiết kế hoạt động dạy và học, gắn lý thuyết với thực hành, nâng cao khả năng tự học, tự

nghiên cứu, tư duy phản biện, thái độ tích cực chủ động của người học. Triết lý này phù hợp với Luật Giáo dục đại học (2012), nhấn mạnh đào tạo nhân lực có phẩm chất đạo đức, kỹ năng thực hành, năng lực nghiên cứu, và khả năng sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc, phục vụ cộng đồng. Triết lý cũng gắn với sứ mạng của Trường: “Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo dục thể chất, thể dục thể thao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.” Triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2026, hướng tới xây dựng Trường thành cơ sở đào tạo uy tín về GDTC, thể dục thể thao, giáo dục quốc phòng và an ninh đến năm 2030 **[H4.04.01.06]**.

Nhà trường phổ biến triết lý giáo dục qua nhiều kênh:

Đối với viên chức, SV: Phổ biến tại các hội nghị của nhà trường giai đoạn 2019-2023; Xây dựng kế hoạch phổ biến triết lý giáo dục tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường **[H4.04.01.07]**, Qua sổ tay giảng viên để hiểu và thực hiện **[H4.04.01.08]**; Trong nội dung giảng dạy tuần sinh hoạt công dân đầu năm cho 100% SV năm nhất tham gia học tập **[H4.04.01.09]**; Sổ tay SV phát hành cho sinh viên hàng năm **[H4.04.01.10]**.

Các bên liên quan bên ngoài: Đăng tải trên website chính thức (cập nhật 15/11/2020), fanpage Facebook, pano trong khuôn viên Trường **[H4.04.01.11]**.

Nhà trường đã khảo sát về triết lý giáo dục đối với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, viên chức, người lao động, người học, cựu sinh viên với tỷ lệ 91.6% hiểu rõ, đồng ý với triết lý giáo dục của nhà trường **[H4.04.01.12]**.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, Luật Giáo dục đại học, và chiến lược phát triển của Trường. Phổ biến qua hội nghị, tuần sinh hoạt, sổ tay giảng viên, sổ tay sinh viên, website, fanpage, pano, đạt hiệu quả cao với GV và SV (91.6% hiểu rõ, đồng ý). Triết lý được cụ thể hóa trong CTĐT, định hướng đào tạo gắn với thực tiễn ngành GDTC.

3. Điểm tồn tại

Chưa ban hành quy định cụ thể về truyền tải triết lý giáo dục, dẫn đến thiếu tính hệ thống khi phổ biến tới nhà tuyển dụng và cựu SV. Hình thức phổ biến chưa đa

dạng đối với các bên liên quan bên ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành Quy định về truyền tải triết lý giáo dục Mở rộng kênh phổ biến: lập Zalo, tổ chức 2 hội nghị/năm với nhà tuyển dụng và cựu SV	Trường ĐHSP TDTT HN	Năm học 2025-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hình thức phổ biến triết lý giáo dục, cập nhật website, fanpage thường xuyên.	Trường ĐHSP TDTT HN	Năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 4.2 Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH trình độ đại học ngành GDTC được rà soát định kỳ qua phiên bản 2020, 2022 đảm bảo đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Hoạt động dạy học được tổ chức qua Kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập các khóa [H4.04.02.03], [H4.04.02.04] Hằng năm, các khoa triển khai kế hoạch chuyên môn trong đó chú trọng đến đổi mới phương pháp giảng dạy, hướng dẫn tự học cho SV nhằm hỗ trợ người học đạt CĐR trong các học phần,

hướng tới CDR của CTDH. Trong mỗi đề cương học phần, các phương pháp giảng dạy học, kiểm tra đánh giá được mô tả rõ ràng và phù hợp với CDR của các học phần [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07].

Bảng 4.2. Hoạt động dạy và học phù hợp với CDR của CTĐT (PLO)

Hoạt động dạy và học		Mục đích	PLO
Giảng viên	Sinh viên		
Thuyết trình: giảng giải, phân tích	Lý thuyết	Dùng cho kiến thức lý thuyết, giúp người học có hiểu biết sâu sắc về các kiến thức lý thuyết trong chương trình học.	PLO 1-5
Phân tích, giảng giải, làm mẫu động tác, hướng dẫn	Thực hành	Sử dụng cho các học phần có nội dung thực hành được tích hợp vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thực hành các môn thể thao liên quan đến học phần	PLO5-11
Hướng dẫn	Bài tập, tự học	Để giải thích các vấn đề và hiện tượng trong thực tiễn liên quan đến học phần.	PLO 1-11
Hướng dẫn	Thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận	Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chuyên môn. Để trình bày các vấn đề liên quan đến học phần; Kỹ năng tương tác; Kỹ năng viết trình bày. Xây dựng quyền tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	PLO1-11
Hướng dẫn	Thực tập, luận văn tốt nghiệp	Vận dụng tất cả các kỹ năng trong chương trình	PLO 1-15

Ở mỗi học phần, các hoạt động giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá được thiết kế trong đề cương học phần để đạt được các CDR từng chương thông qua

đó đạt được CDR của học phần, góp phần vào việc đạt được các CDR của CTDH (PLO). Ví dụ như học Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất trường học 2 tín chỉ

Bảng 4.3. Minh họa sự tương thích giữa CDR của chương 3 và nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá của học phần Lý luận & PPGDTC trường học

CDR của chương	Nội dung chính	Hình thức/ phương pháp		Yêu cầu SV chuẩn bị, tài liệu tham khảo
		Dạy học, học	Đánh giá	
	Chương III. Giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông			
CDR1, CDR2, CDR3	3.1. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông. 3.2. Đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tố chất thể lực cho học sinh phổ thông 3.3. Giờ GDTC ở trường phổ thông 3.4. Kế hoạch giảng dạy - bài giảng 3.5. Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh 3.6. Hoạt động ngoại khóa và thi đấu thể dục thể thao trường học	- Dạy: Thuyết trình, thảo luận và đặt câu hỏi cho sinh viên. - Học ở lớp: Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi, tham gia xây dựng bài học	Đánh giá điểm quá trình	- Tài liệu tham khảo: (1) Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học, NXB TDTT, 2006 (2) Thể dục Thể thao trường học, NXB TDTT, 2008. (3) Lý luận và phương pháp TDTT, NXB TDTT, 2000 - Nghiên cứu trước nội dung chương 3
	3.7 Thực hành: Tập giảng theo kế hoạch bài dạy	- Dạy: Hướng dẫn thực hành, quan sát, nhận xét rút kinh nghiệm. - Học ở lớp: Lên lớp thực hiện bài giảng		- Chuẩn bị Kế hoạch bài dạy. - Nghiên túc thực hiện bài dạy.

Phương pháp giảng dạy đa dạng: các môn lý thuyết với phương pháp thuyết trình, giảng giải, phân tích, thảo luận nhóm ; Các môn thực hành: Làm mẫu động tác, thực hành, hướng dẫn; Hoạt động thực hành, thực tập sư phạm trên 98% SV đạt yêu cầu tại các trường THCS, THPT giai đoạn 2019-2024 **[H4.04.02.08, H4.04.02.09]**.

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá rất tốt, thể hiện qua kết quả phản hồi hàng năm của sinh viên **[H4.04.02.10], [H4.04.02.11, [H4.04.02.12], [H4.04.02.13]**. Kết quả được tổng hợp tại Bảng 4.4

Bảng 4.4. Kết quả phản hồi sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV

Số TT	Tiêu chí	Cấp độ ĐG NH 2019-2020		Cấp độ ĐG NH 2020-2021		Cấp độ ĐG NH 2021-2022		Cấp độ ĐG NH 2022-2023		Cấp độ ĐG NH 2023-2024	
		Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận
1	Giảng viên thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học luôn dẫn dắt yêu cầu sinh viên tích cực độc lập sáng tạo trong việc khám phá tri thức vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật dạy học mới	4.58	Rất tốt	4.74	Rất tốt	4.62	Rất tốt	4.60	Rất tốt	4.62	Rất tốt
2	Giảng viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy sử dụng phương tiện dạy học hợp lý và có hiệu quả	4.57	Rất tốt	4.68	Rất tốt	4.60	Rất tốt	4.59	Rất tốt	4.60	Rất tốt
3	Giảng viên	4.65	Rất	4.72	Rất	4.64	Rất	4.59	Rất	4.64	Rất

	chuẩn bị đầy đủ nội dung, phương tiện hình thức tổ chức bài giảng hợp lý trước khi lên lớp		tốt		tốt		tốt		tốt		tốt
4	Giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu học tập và sách tham khảo có liên quan đến nội dung học tập của học phần cho sinh viên	4.61	Rất tốt	4.71	Rất tốt	4.64	Rất tốt	4.62	Rất tốt	4.64	Rất tốt
5	Giảng viên có hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên và luôn đảm bảo tích khách quan chính xác công bằng kích thích được người học tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập rèn luyện	4.57	Rất tốt	4.72	Rất tốt	4.63	Rất tốt	4.67	Rất tốt	4.64	Rất tốt

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp, theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học để đạt được CDR của của từng học phần hướng đến đạt được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học tuy đã đổi mới và thiết kế phù hợp nhưng còn chưa

phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát đề cương học phần, bổ sung phương pháp dạy học tích cực cho 30% các học phần trong CTDH. Thường xuyên tổ chức Seminar ở cấp khoa/TT để đổi mới, cập nhật các phương pháp, kỹ thuật và cách thức tổ chức hoạt động dạy học tiên tiến.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Các khoa/TT	Kỳ 2 Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bám sát vào CĐR của chương trình đào tạo, CĐR của từng học phần để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR.	Các khoa/TT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời

1. Mô tả hiện trạng

Học tập suốt đời của sinh viên tốt nghiệp CTĐT cử nhân GDTC được thể hiện ở kỹ năng tự học, tư duy phản biện, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ, và thực hành

nghe nghiệp (PLO6-15). Đặc biệt là kỹ năng thực hành các kỹ thuật thể thao, thực hành giảng dạy, kỹ năng huấn luyện và tổ chức các hoạt động ngoại khóa về thể thao, kỹ năng NCKH và ứng dụng vào giảng dạy GDTC và TDTT (PLO8,9,10) nhằm đủ năng lực để trở thành một người GV có trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức nhà giáo cao đẹp, có khả năng làm việc chủ động, theo nhóm và tự học suốt đời (PLO14,15) **[H4.04.03.01], [H4.04.03.02]**. Đề cương các học phần trong CTDH đều thiết kế thời lượng cho SV tự học 30 giờ/tín chỉ (chiếm 66% thời lượng) **[H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05]**. Phương pháp giảng dạy gồm thuyết trình, vấn đáp, trực quan đối với các môn lý thuyết; Đối với các môn thực hành giảng dạy kỹ thuật động tác, giáo học pháp, hỗ trợ dẫn dắt... Trong mỗi học phần, ngoài các giờ học lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận còn thiết kế giờ tự học, nội dung tự học, phương pháp hướng dẫn việc tự học của sinh viên theo quy định về công tác đào tạo của nhà trường **[H4.04.03.06]** Ví dụ học phần phương pháp NCKH được minh họa tại bảng 4.5.

Bảng 4.5. Phân loại chi tiết hoạt động dạy và học HP phương pháp NCKH

Số TT	Loại giờ tín chỉ	Số tiết trên lớp	Số giờ tự học có hướng dẫn
1	Lý thuyết	23	46
2	Thực hành	5	10
3	Thảo luận	2	4
	Cộng	30	60

Hàng năm, Nhà trường triển khai hoạt động NCKH cho SV nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ứng dụng kiến thức khoa học và kiến thức chuyên môn vào thực tiễn, mở rộng kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng phân tích và tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo cơ hội học tập suốt đời. Trong giai đoạn từ 2019- 2024 số sinh viên tham gia loại hình NCKH của nhà trường và số sinh viên đạt giải **[H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09], [H4.04.03.10]** được thể hiện tại bảng 4.6

Bảng 4.6. Hoạt động NCKH của sinh viên ngành GDTC

Loại hình NCKH	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Tổng cộng
Đề tài SV NCKH	11	0	16	19	17	63
Các công bố khoa học của giảng viên có SV tham gia	0	0	1	11	11	23
Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp	53	27	127	147	125	479
Giải thưởng SV NCKH cấp trường	7	0	11	19	10	47
Giải thưởng sinh viên NCKH cấp toàn quốc	2	0	3	3	2	10

Bên cạnh đó, các khoa thực hành có kế hoạch huấn luyện thường xuyên, huấn luyện theo giải thể thao (có giáo viên hướng dẫn) nhằm duy trì thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên. Các khoa thực hành phối hợp với Đoàn thanh niên nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên như giải bóng đá nam nữ sinh viên, giải kéo co, bóng chuyền, chạy bền... nhằm nâng cao tinh thần tự rèn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc nhóm, phát huy tính tự giác, tích cực của sinh viên **[H4.04.03.11]**. Nhà trường cung cấp không gian tự học, trang thiết bị, dụng cụ, sân bãi học thực hành và các nguồn thông tin cụ thể khác để đảm bảo rằng các hoạt động này được thực hiện hiệu quả. Nhà trường cũng đã có chính sách khuyến khích để bồi dưỡng sinh viên có năng lực nghiên cứu khoa học. Nhà trường cung cấp cho sinh viên cơ hội học tập và nghiên cứu sâu hơn để lấy bằng Thạc sĩ đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của cá nhân sau khi tốt nghiệp.

Hoạt động giảng dạy của giảng viên được sinh viên đánh giá cao, thể hiện qua kết quả phản hồi hàng năm của sinh viên **[H4.04.03.12]**, **[H4.04.03.13]**, **[H4.04.03.14]**, **[H4.04.03.15]**. Kết quả được tổng hợp tại Bảng 4.7

Bảng 4.7. Kết quả phản hồi sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV

Số TT	Tiêu chí	Cấp độ ĐG NH 2019-2020		Cấp độ ĐG NH 2020-2021		Cấp độ ĐG NH 2021-2022		Cấp độ ĐG NH 2022-2023		Cấp độ ĐG NH 2023-2024	
		Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận	Điểm Trung bình	Kết luận
1	Giảng viên thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học luôn dẫn dắt yêu cầu sinh viên tích cực độc lập sáng tạo trong việc khám phá tri thức vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật dạy học mới	4.58	Rất tốt	4.74	Rất tốt	4.62	Rất tốt	4.60	Rất tốt	4.62	Rất tốt
5	Giảng viên có hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên và luôn đảm bảo tích khách quan chính xác công bằng kích thích được người học tích cực, độc lập sáng tạo trong học tập rèn luyện	4.57	Rất tốt	4.72	Rất tốt	4.63	Rất tốt	4.67	Rất tốt	4.64	Rất tốt
3	Giảng viên thực hiện tốt việc tương tác giữa người dạy và người học trong giờ học thông qua nêu vấn đề giải quyết vấn đề giải đáp thắc mắc	4.61	Rất tốt	4.73	Rất tốt	4.63	Rất tốt	4.61	Rất tốt	4.63	Rất tốt
4	Giảng viên luôn nêu	4.60	Rất	4.71	Rất	4.65	Rất	4.72	Rất	4.63	Rất

cao tình thần trách nhiệm trong giảng dạy nhiệt tình thân thiện hướng dẫn sinh viên và tự học khoa học hợp lý		tốt		tốt		tốt		tốt		tốt
---	--	-----	--	-----	--	-----	--	-----	--	-----

2. Điểm mạnh

CTĐT và hoạt động dạy học chú trọng kỹ năng tự học, thực hành, ứng dụng công nghệ (trên 70% SV tham gia NCKH). Tổ chức hoạt động ngoại khóa, huấn luyện thường xuyên, câu lạc bộ đa dạng tạo môi trường học tập tích cực cho sinh viên. Các đề tài NCKH của giảng viên có sinh viên tham gia (23 đề tài) để giúp sinh viên nâng cao chất lượng trong công tác NCKH nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên còn chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng khả năng học tập suốt đời và ngoại khóa cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát đề cương học phần, bổ sung nội dung tự học cho SV. Thường xuyên tổ chức semina cấp Khoa/TT để nâng cao khả năng học tập suốt đời cho sinh viên.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Các khoa/TT	Kỳ 2 Năm học 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát đề cương HP và tăng cường các hoạt động NCKH và hoạt động ngoại khoá cho sinh viên	Các khoa/TT	Định kỳ	
---	--------------------	---	-------------	---------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục “Cùng nhau kiến tạo cơ hội” được công bố rõ ràng, phổ biến hiệu quả tới GV, SV qua hội nghị, website, fanpage, pano, và sổ tay SV. Các hoạt động dạy học phù hợp CDR, chú trọng thực hành, được hỗ trợ bởi cơ sở vật chất hiện đại và hoạt động bổ trợ đa dạng (giải thể thao, NCKH). Hoạt động dạy học thúc đẩy kỹ năng tự học, thực hành, ứng dụng công nghệ, nhưng cần khắc phục hạn chế: thiếu quy định phổ biến triết lý, phương pháp dạy học chưa đa dạng, một số giảng viên chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng khả năng học tập suốt đời và ngoại khoá cho sinh viên.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí; trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt quá trình SV theo học tại Trường nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT. Các phương

pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học, Nhà trường đã ban hành quy định công tác đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá kết quả học tập của người học. Theo quy định, mỗi học phần bao gồm đánh giá quá trình (đánh giá chuyên cần), đánh giá giữa học phần (đánh giá giữa kỳ) và thi kết thúc học phần [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá của GV được giao thực hiện học phần, bao gồm: Đánh giá chuyên cần (điểm danh sự có mặt của SV, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của SV trên lớp); đánh giá giữa kỳ (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, làm bài tiểu luận). Đánh giá cuối học phần (Thi kết thúc học phần) được thực hiện theo một trong các hình thức: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thi lý thuyết kết hợp với thực hành.

Tùy thuộc vào yêu cầu CĐR của mỗi học phần, GV lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp để đánh giá mức độ đạt được CĐR của sinh viên. Ví dụ: Để đánh giá sinh viên đạt được CĐR 3 (Biết vận dụng kiến thức đã học và việc tự biên soạn vào giảng dạy để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động, phát huy tính tích cực, phát triển khả năng tự luyện tập cho người học), CĐR 6 (Có kỹ năng vẽ hình, biên soạn động tác, cấu trúc bài tập thể dục Aerobic tập thể 8 người dành cho các cấp) trong nội dung Thể dục Aerobic của học phần Chuyên ngành Thể dục và PPHL HP1 GV sẽ thiết kế các bài kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần (thực hành kỹ thuật); để đánh giá NH đạt được các CĐR 3,6,7 thiết kế các bài kiểm tra thực hành về phương pháp. Cụ thể: Kiểm tra giữa học phần hình thức tiểu luận với 2 nội dung: Nội dung 1. Trình bày cấu trúc bài thể dục Aerobic tập thể 8 người của các cấp tiểu học, THCS, THPT. Nội dung 2. Biên soạn, vẽ hình và phân tích 5 động tác vũ đạo dựa trên 7 bước cơ bản

Thể dục Aerobic (Mỗi động tác 1 lần 8 nhịp có ít nhất 3 bước cơ bản). Thi kết thúc học phần: Thực hành bài Aerobic nhóm 8 người [**H5.05.01.04**].

Mỗi học phần xây dựng một bộ ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần theo hình thức thi đã được quy định trong ĐCHP. Ngân hàng câu hỏi phải mang tính tổng hợp, bám sát, bao quát toàn bộ chương trình môn học; phải phù hợp với ĐCHP và các mức độ kiến thức đánh giá: bậc 1 mức nhớ; bậc 2 mức hiểu; bậc 3 mức áp dụng; bậc 4 mức phân tích, đánh giá, sáng tạo. ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần giúp đánh giá mức độ đạt mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần và phân hóa được trình độ tiếp thu kiến thức, kỹ năng của SV. Nội dung các câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi phải phù hợp với cấu trúc đề thi và thời gian làm bài theo quy định cho mỗi môn thi. Các câu hỏi phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, phải thống nhất các ký hiệu, thuật ngữ chuyên môn. Nội dung câu hỏi không sai sót về từ ngữ, chính tả; số liệu, công thức, phương trình phải rõ ràng, chính xác. Đáp án trình bày khoa học, ngắn gọn nêu được các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được. Thang điểm của đáp án là thang điểm 10. Các ý nhỏ được xác định điểm lẻ đến 0,25 điểm đối với các môn lý thuyết. Thang điểm của môn trắc nghiệm và môn thi thực hành có thể chấm theo thang điểm khác (thang 100 điểm) khi tổng hợp điểm phải quy ra thang điểm 10 [**H5.05.01.05**].

Để hướng dẫn GV xây dựng ngân hàng câu hỏi, Nhà trường ban hành kế hoạch hướng dẫn quy trình xây dựng ngân hàng câu hỏi: nhóm GV giảng dạy xác định mục tiêu của học phần (Lập bảng xác định mục tiêu nội dung kiểm tra đánh giá, bảng đặc trưng 2 chiều), từ đó xác định nội dung, số lượng câu hỏi kiểm tra, xây dựng thang điểm chấm thi; Khoa/bộ môn họp nghiệm thu cấp khoa; sau đó thông qua hội đồng nghiệm thu cấp trường [**H5.05.01.06**]. Hàng năm, trưởng Khoa triển khai đến các bộ môn tiến hành rà soát bộ ngân hàng câu hỏi thi, điều chỉnh nội dung, cập nhật thông tin, bổ sung câu hỏi và đáp án.

Đánh giá khóa luận tốt nghiệp được đánh giá công khai thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của khóa luận; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với khóa luận; đảm bảo đánh giá đúng năng lực, kiến thức và khả năng

vận dụng kiến thức vào giải quyết nhiệm vụ đề tài. Khóa luận được chấm theo mẫu phiếu thống nhất của Nhà trường [H5.05.01.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của HP hướng tới đạt CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp kiểm tra đánh giá còn chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để rà soát, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá.	Các khoa chuyên môn	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Bám sát vào các văn bản, quy định của Nhà trường để rà soát, cập nhật quy định đánh giá, kết quả học tập của người học.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Các khoa	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trong các Quy định về công tác đào tạo của Nhà trường nêu rõ việc đánh giá kết quả học tập của người học ở mỗi học phần gồm 3 tiêu chí: Đánh giá chuyên cần (trọng số 10%), đánh giá giữa học phần (trọng số 20%) và đánh giá cuối cuối học phần (thi

kết thúc học phần - trọng số 70%).

Về thời gian: Đánh giá chuyên cần được tiến hành trong cả quá trình học tập học phần do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá dựa trên 3 tiêu chí đối với các học phần lý thuyết (Tiêu chí 1: Đi học đầy đủ, đúng giờ. Tiêu chí 2 : Đầy đủ đồ dùng, giáo trình, tài liệu học tập, ghi chép bài đầy đủ. Tiêu chí 3: Ý thức chuẩn bị bài cũ, tích cực phát biểu xây dựng bài trên lớp) và dựa trên 2 tiêu chí đối với các học phần thực hành ngoài sân bãi (Tiêu chí 1: Đi học đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định. Tiêu chí 2: Tự giác, tích cực tập luyện trong giờ học) [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03].

Đánh giá giữa kỳ được thể hiện trong đề cương các học phần. Các phương pháp đánh giá giữa kỳ gồm làm bài tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thảo luận, làm bài tiểu luận... Bài kiểm tra đánh giá cuối học phần được thực hiện sau khi kết thúc học phần với các hình thức thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, thi trắc nghiệm kết hợp với thi thực hành... [H5.05.02.04], [H5.05.02.05].

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần (kỳ thi chính) và tổ chức thi lại (kỳ thi phụ). Việc tổ chức thi kết thúc học phần, phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế chịu trách nhiệm xếp lịch thi, phòng thi, bố trí cán bộ coi thi (CBCT), in danh sách thi và tổ chức thi; chuyển lịch thi đến các đơn vị liên quan: Khoa/trung tâm có giảng viên coi thi; Phòng ĐBCL-Thanh tra & Pháp chế để làm đề thi, kiểm tra và thanh tra các khâu của quá trình thi; bộ phận phục vụ bố trí giảng đường [H5.05.02.06], [H5.05.02.07]. Về thời gian, đối với hình thức thi tự luận thời gian thi kết thúc học phần của môn 2 tín chỉ là 60 phút; môn 3 tín chỉ là 90 phút, môn 4 tín chỉ là 120 phút [H5.05.02.08].

Đối với học phần thực hành sự phạm điểm học phần là điểm trung bình cộng theo trọng số của các điểm bộ phận [H5.05.02.09].

Đối với học phần Thực tập sự phạm điểm đánh giá học phần được quy định trong Quy định Thực tập sự phạm của Nhà trường [H5.05.02.10].

Khóa luận tốt nghiệp của SV được đánh giá qua hình thức sinh viên báo cáo và chấm điểm của Hội đồng đánh giá theo các tiêu chí trong phiếu chấm [H5.05.02.11].

Các quy định cụ thể về thi kết thúc học phần; chấm thi, thông báo điểm, lưu trữ

bài thi, phúc khảo bài thi; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm được thể hiện trong Quy định về công tác khảo thí của Nhà trường [H5.05.02.12].

Trong buổi học đầu tiên của học phần, các giảng viên cung cấp và giới thiệu đề cương học phần cho sinh viên bao gồm nội dung thời gian, phương pháp, trọng số các tiêu chí đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Kết quả đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ được giảng viên thông báo trực tiếp đến sinh viên. Kết quả đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần) được công bố công khai trên bảng tin của Nhà trường cho sinh viên.

SV được cung cấp Sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá người học [H5.05.02.13]. Các quy định về kiểm tra - thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV giúp người học dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ [H5.05.02.14].

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Hình thức công khai kết quả học tập chưa được công nghệ hóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng hệ thống quản lý học tập thông qua phần mềm.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế;	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm	Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả	Phòng Quản lý Đào tạo -	Từ năm học	

	mạnh	học tập theo tiếp cận năng lực, thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.	Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Các khoa/TT	2024-2025	
--	------	--	---	-----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định về công tác đào tạo của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03].

Nhà trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, học phần chỉ có thực hành hoặc học phần vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá chuyên cần, thái độ học tập; đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Đối với đánh giá chuyên cần: Các tiêu chí đánh giá được quy định trong Quy định về công tác đào tạo. Đối với các học phần lý thuyết, đánh giá chuyên cần thông qua 3 tiêu chí; với các học phần thực hành đánh giá chuyên cần thông qua 2 tiêu chí. Ở mỗi tiêu chí được lượng hóa điểm theo mức độ đạt được của tiêu chí. Tiêu chí đánh giá chuyên cần được thể hiện ở bảng 5.1.

Bảng 5.1. Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần

Các HP lý thuyết	Điểm	Các HP thực hành	Điểm
Tiêu chí 1. Đi học đầy đủ, đúng giờ	3	Tiêu chí 1: Đi học đầy đủ, đúng giờ, trang phục đúng quy định	5
Tiêu chí 2. Đầy đủ đồ dùng, giáo trình, tài liệu học tập, ghi chép bài đầy đủ	3	Tiêu chí 2: Tự giác, tích cực tập luyện trong giờ học	5
Tiêu chí 3. Ý thức chuẩn bị bài cũ, tích cực phát biểu xây dựng bài trên lớp	4		

Đối với giá giữa học phần: Hình thức đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ với các học phần lý thuyết được cụ thể trong đề cương các học phần, gồm kiểm tra tự luận, bài tập, vấn đáp, thảo luận, kết quả hoạt động nhóm... Hình thức kiểm tra giữa kỳ với các học phần thực hành cũng được cụ thể trong đề cương các học phần, gồm kiểm tra thực hành; biên soạn tiến trình, kế hoạch bài dạy; tập giảng; làm bài tiểu luận...

Đánh giá kết thúc học phần gồm các hình thức thi: tự luận; tự luận -trắc nghiệm-vấn đáp; vấn đáp; thực hành; thực hành kết hợp thi trắc nghiệm. Tùy theo yêu cầu, CDR của từng học phần giảng viên xác định hình thức thi phù hợp nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.03.04]. Riêng năm học 2021- 2022, để phòng chống dịch bệnh Covid 19 và theo sự chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Nhà trường tổ chức học trực tuyến, do vậy có điều chỉnh các hình thức thi phù hợp và bổ sung thêm hình thức thi làm bài tiểu luận, bài tập lớn.

Bảng 5.2. Thống kê hình thức thi của các học phần trong CTĐT GDTC (phiên bản 2022)

Hình thức thi	Tự luận	Tự luận + TN + VD	Vấn đáp (VD)	Thực hành	Thực hành + Trắc nghiệm (TN)
Số HP	37	4	1	66	1
Tỷ lệ %	33.94	3.66	0.9	60.6	0.9

Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường chỉ đạo các khoa, trung tâm xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi

với các học phần lý thuyết để phục vụ cho công tác kiểm tra đánh giá học phần. Nhà trường ban hành hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi nhiều hình thức (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp,...), trong đó có bản xác định mục tiêu kiểm tra đánh giá, bản mô tả đặc trưng 2 chiều giữa các chương, bài với các cấp độ nhớ, hiểu, áp dụng và phân tích đảm bảo độ bao phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực người học [H5.05.03.05].

Bảng 5.3. Xác định đặc trưng 2 chiều

TT	Mức độ Chương, bài	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng
	Phần 1					
1	Chương 1					
2	Chương 2					
	Phần					
	Tổng số câu hỏi					

Với các học phần thi thực hành, nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá được xây dựng trong đề cương các học phần cụ thể về cả thành tích và kỹ thuật với biểu điểm chi tiết. Ví dụ: Học phần chuyên ngành Thể dục và phương pháp huấn luyện 1, biểu điểm chấm thi cho hình thức thi thực hành bài Aerobic nhóm 8 người gồm điểm cấu trúc và điểm thực hiện. Cụ thể: Điểm cấu trúc (5 điểm) gồm nhạc cảm (1 điểm); đội hình, không gian (1 điểm); vũ đạo - động tác Aerobic (2 điểm); phong cách (1 điểm). Điểm thực hiện (5 điểm) gồm thực hiện nhịp, động tác (3 điểm); độ khó (2 điểm). Trong đó có biểu điểm trừ cho những lỗi sai ở từng phần từ 0,1 đến 1 điểm [H5.05.03.06].

Đối với học phần thực hành sư phạm, kết quả kiểm tra đánh giá thông qua 2 điểm bộ phận: điểm chuyên cần được tính qua 3 tiêu chí với trọng số 20% (Tiêu chí 1: Dự giờ, lên lớp đầy đủ, đúng giờ. Tiêu chí 2: Đầy đủ đồ dùng, giáo trình, tài liệu học tập, ghi chép dự giờ. Tiêu chí 3: Tích cực trao đổi với GV hướng dẫn và giáo viên trường phổ thông) và chấm điểm kế hoạch bài giảng với trọng số 80% [H5.05.03.07].

Đối với học phần thực tập sư phạm, đánh giá học phần là trung bình cộng các điểm đánh thành phần gồm: Đánh giá giảng dạy chuyên môn (trung bình chung của 3 bài thi giảng), công tác chủ nhiệm, công tác ngoại khóa, ý thức tổ chức kỷ luật. Các

tiêu chí được đánh giá với trọng số: giảng dạy chuyên môn 60%, công tác chủ nhiệm 20%, công tác ngoại khóa 10% và ý thức tổ chức kỷ luật 10% [H5.05.03.08].

Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá thông qua hội đồng gồm 5 người với các tiêu chí đánh giá: Nội dung khóa luận (trọng số 70%), hình thức khóa luận (trọng số 10%), báo cáo kết quả khóa luận (trọng số 20%). Trong đó, biểu điểm được xây dựng với điểm chi tiết từ 0,5 đến 1,5 điểm và kết quả đánh giá khóa luận là trung bình cộng của 5 thành viên hội đồng [H5.05.03.09].

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đối với giảng viên về hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên đảm bảo tính chính xác, công bằng kích thích người học tích cực trong học tập và rèn luyện thông qua phiếu hỏi với 5 mức độ đánh giá (rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu). Qua báo cáo tổng kết, đa số người học đánh giá nội dung trên với mức độ tốt và rất tốt [H5.05.03.10].

Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp về mức độ đa dạng của các hình thức thi, kiểm tra; kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng [H5.05.03.11].

Bảng 5.4. Mức độ hài lòng của SV trước tốt nghiệp về kiểm tra đánh giá

Tiêu chí \ Năm học	2021-2022 (%)		2022-2023 (%)		2023-2024 (%)	
	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt
Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học.	45,16	43,01	45,21	41,10	61,97	33,80
Tổ chức thi, kiểm tra, chấm bài tập, thực tập, tiểu luận, đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan và công bằng.	45,26	40,00	50,68	36,99	61,97	36,62

Qua hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2022, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Kết quả cho thấy, người học đã tốt nghiệp phản hồi hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý đạt 83,5% [H5.05.03.12].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo tính công bằng.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát nội dung đề cương học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện rà soát để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung đề cương học phần để phù hợp hơn với thực tiễn và đặc thù môn học.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa	Theo định kỳ đánh giá	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận CDR, đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với đối tượng đào tạo.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa, giảng viên	Theo định kỳ đánh giá	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy định cụ thể về việc đánh giá kết quả học tập của SV. Việc phản hồi kết quả học tập của SV được thực hiện theo quy định về công tác khảo thí của Trường. Đánh giá chuyên cần được giảng viên trực tiếp giảng dạy tại các học phần phản hồi cho viên thường xuyên thông qua nhận xét, đánh giá bằng lời trên lớp, trao đổi riêng với sinh viên. Hình thức phản hồi này giúp sinh viên có thể điều chỉnh hoạt động học tập ngay trong quá trình học các học phần. Cuối mỗi học phần, giảng viên công bố công khai tổng hợp điểm chuyên cần và điểm đánh giá giữa học phần cho sinh viên ngay khi kết thúc giảng dạy học phần. Hình thức phản hồi này giúp sinh viên có thể điều chỉnh hoạt động học tập tốt hơn cho kỳ thi kết thúc học phần. Đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp và khóa luận tốt nghiệp thì điểm đánh giá thi cuối kỳ được công bố công khai cho sinh viên ngay sau khi kết thúc nội dung thi, buổi thi hoặc buổi báo cáo khóa luận. Kết quả đánh giá cuối kỳ được công bố công khai trên bảng tin của Nhà trường cho sinh viên chậm nhất sau 01 tuần kể từ ngày tổ chức thi [H5.05.04.01], [H5.05.04.02].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng Quản lý đào tạo-KH&HTQT, phòng Đảm bảo chất lượng-TT&PC và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Dữ liệu học tập của người học được quản lý trên phần mềm quản lý đào tạo, gồm cả các số liệu thống kê tỷ lệ SV các khóa đạt kết quả xuất sắc, giỏi cũng như sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập sau các kỳ, sau năm học. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ giúp SV có kết quả học tập yếu kém nắm được thông tin và có phương án cải thiện phù hợp [H5.05.04.03]. Phòng chức năng phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm, ban cố vấn học tập có giải pháp tư vấn kịp thời cho các SV còn nợ môn, bị cảnh báo học vụ để có kế hoạch học, thi lại trả nợ môn cho hợp lý kịp tiến độ học tập theo kế hoạch của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của người học về công tác phục vụ

đào tạo để đánh giá mức độ hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập. Ý kiến phản hồi từ người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập tới người học được Nhà trường tổng hợp thành báo cáo. Thông qua kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học cho thấy SV phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của GV đối với đánh giá điểm quá trình (đánh giá chuyên cần) được GV thông báo kịp thời, đúng quy định của Nhà trường. Các phòng, ban chức năng luôn hỗ trợ và phản hồi kịp thời các thắc mắc của SV liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện. Từ đó giúp cho SV nắm bắt kịp thời kết quả học tập của bản thân và có kế hoạch cải thiện, nâng cao thành tích học tập và rèn luyện [H5.05.04.04].

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến đánh giá của sinh viên trước tốt nghiệp về hình thức kiểm tra đánh giá thông qua phiếu hỏi với 5 mức độ đánh giá (rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu). Các ý kiến phản hồi được tổng hợp thành báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước tốt nghiệp [H5.05.04.05]. Cụ thể, mức độ hài lòng của SV về hoạt động kiểm tra đánh giá được thể hiện trong bảng 5.5.

Bảng 5.5. Mức độ hài lòng của SV trước tốt nghiệp về kiểm tra đánh giá

Tiêu chí \ Năm học	2021-2022 (%)		2022-2023 (%)		2023-2024 (%)	
	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt	Rất tốt	Tốt
Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho SV	43,62	43,62	45,21	45,21	61,97	35,21
Kết quả học tập được thông báo kịp thời cho SV	42,55	43,62	45,21	39,73	60,56	35,21

2. Điểm mạnh

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định và kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá của người học mới được thực hiện trực tiếp thông qua bảng tin, chưa đưa được lên cổng thông tin do phần mềm quản lý đào tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo; Trang bị phần mềm quản lý sinh viên	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quản lý, lưu trữ, phản hồi kết quả đánh giá người học. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành chương trình đào tạo một cách tốt nhất.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế Phòng ĐBCL-TTr&PC Các khoa, trung tâm, bộ môn	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Nhà trường hướng dẫn rõ ràng trong Quy định về công tác khảo thí [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức: phổ biến ở tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm học; qua Sổ tay sinh viên; qua website của Nhà trường [H5.05.05.02], [H5.05.05.03]. Bên cạnh đó, người học sẽ

được ban cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần, chuyên viên hỗ trợ tại các phòng chức năng hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan đến kết quả học tập khi có nhu cầu.

Đối với điểm chuyên cần và điểm giữa học phần, người học có thể khiếu nại trực tiếp với giảng viên được phân công giảng dạy học phần khi công bố điểm trên lớp.

Đối với môn thi vấn đáp: SV có thắc mắc điểm thi phải thắc mắc ngay sau khi cán bộ chấm thi thông báo điểm công khai. Mọi thắc mắc sau đó của SV không có giá trị. Khi có SV thắc mắc điểm, hai cán bộ chấm thi cùng xem lại bài làm của SV và phải trả lời rõ ràng, công khai cho SV biết tại sao có sự điều chỉnh điểm hoặc không có sự điều chỉnh điểm. Bài làm của SV được lưu hết học kỳ tiếp theo. Đối với môn thi thực hành: Điểm thi phải thông báo công khai cho SV ngay sau khi kết thúc buổi thi.

Đối với điểm thi kết thúc học phần các môn lý thuyết, SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định. Khi người học có thắc mắc, khiếu nại và đề nghị phúc khảo bài thi theo mẫu đơn thống nhất của Nhà trường. Đơn của người học phải có xác nhận của trưởng bộ môn và chuyển cho phòng ĐBCL-TTr&PC. Thời hạn thắc mắc, khiếu nại và phúc khảo bài thi trong vòng 01 tuần kể từ ngày phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế công bố kết quả thi. Phòng ĐBCL-TT&PC tổ chức chấm phúc khảo bài thi của SV theo đúng quy định công tác khảo thí của Trường. Thời gian chấm phúc khảo không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn. Phòng ĐBCL-TTr&PC kiểm tra lại khâu hồi phách, nếu không có sai sót tiến hành làm các thủ tục như sau: Rút bài thi, in phiếu chấm phối hợp với bộ phận thanh tra Nhà trường tổ chức chấm phúc khảo bài thi theo mẫu biên bản chấm phúc khảo bài thi. Mời giảng viên chấm có chuyên môn (không phải các giảng viên chấm lần trước) chấm lại. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của đánh giá học phần. Sau khi có kết quả chấm phúc khảo phòng ĐBCL-TTr&PC trực tiếp công bố điểm tới người học có đơn phúc khảo bài thi.

Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, việc khiếu nại trực tiếp về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng; với các học phần lý thuyết không có sinh viên nào yêu cầu chấm phúc khảo bài thi.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng về khiếu nại kết quả học tập và sinh viên dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp do chưa tích hợp quy trình khiếu nại trực tuyến hoặc tích hợp với các phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường nghiên cứu, triển khai tích hợp quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học với phần mềm quản lý đào tạo, qua đó giúp người học gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại kết quả học tập, tiết kiệm thời gian và rút ngắn các công đoạn hành chính qua đó kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người học.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy giải quyết tốt việc khiếu nại của người học về kết quả học tập	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế Phòng ĐBCL-TTr&PC Phòng KHTC Các khoa, trung tâm, bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của HP hướng tới đạt CĐR của CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo tính công bằng.

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định và kịp thời.

Nhà trường có quy định rõ ràng về khiếu nại kết quả học tập và sinh viên dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập.

Tuy nhiên còn tồn tại:

Phương pháp kiểm tra đánh giá còn chưa được đa dạng.

Hình thức công khai kết quả học tập chưa được công nghệ hóa

Công tác rà soát nội dung đề cương học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù học phần.

Việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá của người học mới được thực hiện trực tiếp thông qua bảng tin, chưa đưa được lên cổng thông tin do phần mềm quản lý đào tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Hiện nay, người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp do chưa tích hợp quy trình khiếu nại trực tuyến hoặc tích hợp với các phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí; trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giáo dục thể chất và thể thao trường học; bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam. Trường đào tạo trình độ đại học các ngành: Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng an ninh; Huấn luyện thể thao; đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành Giáo dục học.

Nhà trường xác định việc xây dựng phát triển đội ngũ giảng viên có vai trò quyết định đến chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Vì vậy luôn có các chính sách, quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cơ cấu đội ngũ giảng viên hài hòa, hợp lý về độ tuổi, giới tính, học hàm, học vị, nguồn đào tạo, lực lượng hiện có để đội ngũ này ngày càng phát triển ổn định, duy trì được tính liên tục, tính kế thừa và khắc phục được những hạn chế còn tồn tại. Trong suốt quá trình thực hiện sứ mạng của mình, mỗi giai đoạn Nhà trường đều có chiến lược về công tác phát triển đội ngũ, nhất là đối với việc lựa chọn, bồi dưỡng, sử dụng hợp lý và đãi ngộ xứng đáng đội ngũ giảng viên có trình độ cao; điều chỉnh chính sách lương, phụ cấp ưu đãi, cơ chế đãi ngộ phù hợp, tạo động lực cho đội ngũ giảng viên yên tâm công tác và cống hiến cho sự phát triển của nhà trường.

Đặc biệt đối với đội ngũ giảng viên ngành Giáo dục thể chất được Nhà trường quan tâm không chỉ đảm bảo về cơ cấu, số lượng theo quy định, đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH, mà có các chính sách phát triển nhằm nâng cao năng lực của giảng viên, bảo đảm có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có phương pháp giảng dạy tích cực, có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ theo chức danh nghề nghiệp và có năng lực nghiên cứu khoa học... đáp ứng trước yêu cầu thực tiễn dạy và học hiện nay.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện quan điểm xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên là phát triển nguồn nhân lực sư phạm trong giáo dục, là quá trình tác động của chủ thể quản lý đến đội ngũ giảng viên nhằm phát triển từng cá nhân và cả đội ngũ giảng viên đáp ứng mục tiêu giáo dục, các yêu cầu của việc nâng cao chất lượng giáo dục trên tất cả các mặt: quy mô, chất lượng, hiệu quả, vì vậy mỗi giai đoạn nhà trường đều có chiến lược phát triển phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã ban hành 02 Chiến lược phát triển trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội, trong đó để đáp ứng mục tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã cụ thể hóa nội dung, mục tiêu về chiến lược phát triển đội ngũ **[H06.06.01.01]**.

Để đảm bảo việc thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên đạt được đúng các mục tiêu đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, từ chiến lược nhà trường đã cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình hành động cụ thể thông qua việc triển khai kế hoạch triển khai chiến lược của trường, xác định rõ nội hàm về công tác phát triển đội ngũ **[H06.06.01.02]**; đặc biệt nhằm cụ thể hóa mục tiêu việc nâng cao chất lượng giáo dục Nhà trường đã đánh giá thực trạng về cơ cấu, đội ngũ như thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên, ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 **[H06.06.01.03]**; kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 **[H06.06.01.04]**.

Hằng năm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, sĩ quan, người lao động **[H06.06.01.05]**; đồng thời tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ thông qua việc tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng **[H06.06.01.06]**.

Để đảm bảo công tác quản lý thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đối với đội ngũ giảng viên, Nhà trường ban hành hệ thống văn bản: Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H06.06.01.07]**; Quy định chế độ làm việc của giảng viên **[H06.06.01.08]**; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động **[H06.06.01.09]** Quy chế tổ chức và hoạt động **[H06.06.01.10]**. Đồng thời ban hành các văn bản thu hút, tạo động lực phấn đấu cho đội ngũ giảng viên như: Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H06.06.01.11]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H06.06.01.12]**; Quy định về thi đua khen thưởng **[H06.06.01.13]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H06.06.01.14]**; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý **[H06.06.01.15]**.

Nhằm có cơ sở cho việc xác định quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, Nhà trường tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích thực trạng và định hướng chiến lược đảm bảo về cơ cấu, số lượng đội ngũ **[H06.06.01.16]**. Hàng năm tiến hành tuyển dụng đội ngũ giảng viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H06.06.01.17]**;

Trong giai đoạn đánh giá, cử đi đào tạo, bồi dưỡng được 146 lượt giảng viên **[H06.06.01.18]**; cử 45 giảng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp **[H06.06.01.19]**; bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng II, hạng I **[H06.06.01.20]**;

Cơ cấu số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Giáo dục thể chất giai đoạn 2019-2024 của Nhà trường luôn đảm bảo số lượng và chất lượng **[H06.06.01.21]**; **[H06.06.01.22]**; **[H06.06.01.23]**; **[H06.06.01.24]**; **[H06.06.01.25]** và được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 6.1. Thống kê học hàm/học vị trình độ đào tạo của giảng viên đào tạo ngành GDTC

TT	Năm	Học hàm/học vị						Tổng
		tiến sĩ		Th.S		Đại học		
		TS	%	TS	%	TS	%	
1	2019	24	15,89	103	68,21	22	14,57	151
2	2020	23	15,86	102	70,34	16	11,03	145
3	2021	21	15,44	102	75,0	10	7,35	136
4	2022	25	19,08	99	75,57	7	5,35	131
5	2023	24	18,46	104	80	2	1,54	130
6	2024	24	18,75	99	77,34	5	3,9	128

Bảng 6.2. Thống kê cơ cấu độ tuổi giai đoạn 2019-2024

TT	Năm	Tổng	Giới tính		Cơ cấu độ tuổi							
			Nam	Nữ	Dưới 30		31-40		41-50		Trên 50	
					TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1	2019	151	92	59	25	16,56	94	62,25	25	16,56	7	4,64
2	2020	145	90	55	14	9,66	95	65,52	27	18,62	9	6,21
3	2021	136	83	53	12	8,82	87	63,97	32	23,53	5	3,68
4	2022	129	83	46	06	4,65	81	62,79	35	27,13	7	5,43
5	2023	130	84	46	03	2,31	73	56,15	44	33,85	10	7,69
6	2024	130	82	46	07	5,38	67	51,54	44	38,45	13	4,63

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm phát triển năng lực và phẩm chất đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Với quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm công khai minh bạch. Bên cạnh đó nhà trường đã có chiến lược về công tác quy hoạch cán bộ từ rất sớm. Do đó, việc xây dựng đội ngũ giảng viên có chiến lược, kế hoạch rõ ràng căn cứ đối chiếu và điều chỉnh bám sát tình hình thực tế phát triển của trường. Việc tuyển dụng, thu hút, luân chuyển và phát triển viên chức giảng dạy và giảng viên hợp đồng được thực hiện tốt và theo đúng các quy định và hướng dẫn của liên bộ, Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giảng viên học tập nâng cao trình độ, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Cụ thể từ năm 2018 đến 2023, Nhà trường tạo điều kiện cho tất cả các giảng viên đủ điều kiện đều

được cử đi dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã tích cực trong việc thông báo, tuyển dụng giảng viên có trình độ cao về công tác tại các Khoa, để tham gia giảng dạy ngành Giáo dục thể chất. Tuy nhiên, do nhân sự về Giáo dục thể chất có học hàm, học vị chưa cao, khan hiếm, sự cạnh tranh lớn trong ngành nên việc tuyển dụng còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đảm bảo chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ cao về giảng dạy, trong đó tiếp tục rà soát và có chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ về giảng dạy. Hợp tác với các sở giáo dục và đào tạo, nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy và tạo điều kiện tốt nhất cho SV được tiếp cận và thực tập trong môi trường có tính thực tế, đồng thời nâng cao chất lượng dạy và NCKH cho đội ngũ giảng viên.	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm việc xây dựng chiến lược phát triển năng lực và phẩm chất đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH; đảm bảo quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm công khai minh bạch.	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ giảng viên/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số giảng viên là 128 giảng viên, gồm 24 tiến sĩ (chiếm tỷ lệ 18,75%), 99 thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 77,34%), 05 đại học (chiếm tỷ lệ 3,9%). Tính đến thời điểm này, tỷ lệ giảng viên/SV chính quy ngành Giáo dục thể chất đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. **[H6.06.02.01]**.

Để đảm bảo việc được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, căn cứ hướng dẫn, quy định, Nhà trường tiên hành xây dựng Quy định chế độ làm việc của giảng viên nói chung, với giảng viên giảng dạy ngành Giáo dục thể chất nói riêng, trong đó cụ thể việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên trong phạm vi toàn trường; quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ giảng viên. giảng viên có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 270 giờ; NCKH: 200-240 giờ theo hạng chức danh Giảng viên; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh...). **[H6.06.02.02]**.

Đồng thời quy định giảng viên tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: tư vấn tuyển sinh, các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng: ngày hội việc làm, tham gia trọng tài các giải thi đấu TDTT **[H6.06.02.03]**.

Ban hành các chính sách nhân sự như: Quy chế tuyển dụng viên chức, người lao động để thu hút đội ngũ giảng viên **[H6.06.02.04]**; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động **[H6.06.02.05]**; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.02.06]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H6.06.02.07]**; Quy định về thi đua khen

thường **[H6.06.02.08]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H6.06.02.09]**.

Hàng năm tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ thông qua việc tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng **[H6.06.02.10]**; căn cứ vào thực tiễn và quy mô, chỉ tiêu đào tạo ngành Giáo dục thể chất và Đề án vị trí việc làm để tiến hành tuyển dụng đội ngũ giảng viên **[H6.06.02.11]**.

Việc đo lường, giám sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng đối với giảng viên nói chung, với giảng viên nói riêng được nhà trường quản lý chặt chẽ thông qua quy trình đánh giá chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ: căn cứ Quy định về đánh giá viên chức, người lao động; Quy định chế độ làm việc của giảng viên, đầu mỗi năm học Nhà trường yêu cầu từng giảng viên xây dựng kế hoạch cá nhân trong năm học, trên cơ sở đó các khoa xây dựng kế hoạch của đơn vị với chỉ tiêu cụ thể **[H6.06.02.12]**; trong quá trình thực hiện đơn vị chức năng thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện tiến trình; việc lên xuống lớp; tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại đơn vị để đánh giá hiệu quả công việc từng tuần; từng tháng khối đào tạo tổ chức hội nghị giao ban chung để đánh giá và rút kinh nghiệm cho từng tháng **[H6.06.02.13]**; cuối học kỳ mỗi năm học tiến hành sơ kết năm học nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý, xác định phương hướng học kỳ tiếp theo; Kết thúc năm học tổ chức tổng kết năm học theo 2 cấp: cấp đơn vị; cấp trường **[H6.06.02.14]**;

Đặc biệt là tiến hành đánh giá, phân loại giảng viên, trước khi tổ chức đánh giá, nhà trường ban hành kế hoạch để triển khai **[H6.06.02.15]**; phân công nhiệm vụ cho Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các khoa và xác nhận từ giảng viên **[H6.06.02.16]**. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của giảng viên và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác (coi thi, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận,...) công việc cụ thể cho giảng viên ở học kỳ tiếp theo **[H6.06.02.17]**; làm căn cứ quyết định mức đánh giá phân loại đảm bảo đúng với khối lượng, chất lượng từng cá nhân **[H6.06.02.18]**

Đồng thời từ việc đánh giá phân loại, căn cứ đó để tiến hành bình xét thi đua,

khen thưởng nhằm khích lệ, động viên tinh thần, ghi nhận kết quả lao động của giảng viên [H6.06.02.19]; ngoài ra để thực hiện chế độ thanh toán tiền công dạy vượt giờ theo quy định [H6.06.02.20].

2. Điểm mạnh

Giảng viên của CTĐG tích cực trong các hoạt động giảng dạy. Hoàn thành đủ định mức giảng dạy và NCKH. Cơ cấu đội ngũ đảm bảo các độ tuổi, nhiệt huyết, đảm bảo về trí lực và sức khỏe, cống hiến hết mình trong công tác giảng dạy và nghiên cứu. Nhà trường có quy định rõ ràng về số giờ giảng, khối lượng công việc tối thiểu và tối đa đối với đội ngũ giảng viên; có các biện pháp giám sát khối lượng giảng để cải tiến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; Tỷ lệ SV/giảng viên đảm so với quy định.

3. Điểm tồn tại

Lực lượng giảng viên cơ hữu của của ngành giáo dục thể chất đảm bảo, do đặc thù ngành giáo dục thể chất nên số giảng viên có trình độ từ tuyển sinh còn thấp. Điều này ảnh hưởng đến tính chủ động trong hoạt động trong công tác nghiên cứu khoa học, trong đó công trình nghiên cứu khoa học còn thấp, bài báo có công trình quốc tế theo thang điểm chức danh còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	-Tiếp tục tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các giảng viên có trình độ ThS học lên tuyển sinh, giảng viên có trình độ tuyển sinh phấn đấu để được phong hàm PGS trong thời gian sớm nhất. -Tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí đào tạo cho giảng viên tham gia vào các	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; Phòng KHTC; các khoa	01/2025-12/2030	

		khóa học tiếng Anh nếu đạt được kết quả thi IEL tuyển sinh từ 6.0 trở lên hoặc tương đương.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát khối lượng giảng dạy để cải tiến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	BGH; Phòng TCCB; Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường, ngay sau khi Hội đồng trường phê duyệt chiến lược **[H6.06.03.01]**, Hiệu trưởng Nhà trường đã cụ thể hóa thành các tiêu chí kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020-2025 **[H6.06.03.02]**, đồng thời xây dựng Đề án vị trí việc làm với các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo thông tin rõ ràng, cụ thể **[H6.06.03.03]**; chú trọng các tiêu chí trong tuyển dụng giảng viên đảm bảo trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH qua việc thông báo công khai tuyển dụng viên chức, giảng viên **[H6.06.03.04]**.

Quy chế tuyển dụng của trường đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên **[H6.06.03.05]**.

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên được phổ biến công khai trên trang

thông tin điện tử của Trường; niêm yết công khai tại trụ sở làm việc Trường **[H6.06.03.06]** và qua hình thức gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường; đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung **[H6.06.03.07]**.

Nội dung tiêu chí tuyển dụng giảng viên được cụ thể ngoài tiêu chí chung đối với viên chức, Nhà trường còn có tiêu chí tuyển dụng đặc biệt đặc thù và được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước **[H6.06.03.08]**.

Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan **[H6.06.03.09]**.

Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng, được thể hiện công khai, minh bạch trong quy chế chi tiêu nội bộ. **[H6.06.03.10]**.

Căn cứ quy mô tuyển sinh hằng năm, các HP trong CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ đội ngũ của các khoa đề xuất nhu cầu tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ một số vị trí nhân sự trình BGH phê duyệt **[H6.06.03.11]**. Trong các thông báo KH tuyển dụng hằng năm từ 2019-2024 của Trường cũng đã chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng **[H6.06.03.12]**. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai **[H6.06.03.13]**. Sau khi trúng tuyển, các giảng viên được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, khoa sẽ cử 01 giảng viên hướng dẫn trực tiếp cho giảng viên tập sự **[H6.06.03.14] [H6.06.03.15]**.

Việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho giảng viên vào các ngạch bậc giảng viên chính, giảng viên cao cấp có được thực hiện theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 và Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường **[H6.06.03.16]**. Đối

với việc bổ nhiệm giảng viên giữ chức vụ quản lý được thực hiện đảm bảo theo quy định về công tác cán bộ. Từ năm 2019 đến nay bổ nhiệm mới 30 viên chức, bổ nhiệm điều động 18 viên chức, bổ nhiệm lại 56 viên chức **[H6.06.03.17]**; bổ nhiệm 42 giảng viên chính 03 giảng viên cao cấp **[H6.06.03.18]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên được xác định và được phổ biến công khai. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển đặc cách các ứng viên có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đào tạo của Trường còn thấp do nguồn kinh phí hạn hẹp nên chưa có chế độ đãi ngộ, thu hút.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu ban hành các chính sách đãi ngộ, để thu hút giảng viên có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; Phòng KHTC; các khoa	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện bộ tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên	BGH; Phòng TCCB;	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn xác định giảng viên là nguồn lực quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của CTĐT ngành Giáo dục thể chất, được nhà trường đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ giảng viên, NCV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng...các năng lực của giảng viên được quy định rõ trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường [H6.06.04.01]; Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động [H6.06.04.02] và Bản mô tả công việc của vị trí việc làm giảng viên, NV...[H6.06.04.03]; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường [H6.06.04.04]; Quy chế hoạt động KHCN... [H6.06.04.05]; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động [H6.06.04.06]; Quy định về thi đua khen thưởng [H6.06.04.07]; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động [H6.06.04.08]; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý [H6.06.04.09];

Trong đó năng lực về giảng dạy của giảng viên được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong

giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCD. Đối với năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, luận văn... **[H6.06.04.10]**.

Hàng năm, Trường đều tiến hành đánh giá kết quả thực hiện công việc, qua triển khai kế hoạch thực hiện đánh giá viên chức, người lao động, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá **[H6.06.04.11]**. Việc đánh giá năng lực của giảng viên được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCD. Hàng năm, Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực của giảng viên, qua các hình thức: Đánh giá CLGD của giảng viên qua quá trình DH của giảng viên, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của giảng viên, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra KL và CL công việc; đánh giá hoạt động NCKH của giảng viên qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: các bài báo quốc tế, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của giảng viên; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn... Bên cạnh việc đánh giá năng lực của giảng viên, cuối mỗi năm học, tất cả giảng viên đều được đánh giá, xếp loại, trong đó mỗi giảng viên phải tự đánh giá, kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ; căn cứ vào bản tự đánh giá, các khoa họp nhận xét ghi biên bản; trưởng khoa tham khảo ý kiến góp ý của đơn vị để đánh giá ưu, nhược điểm vào bản tự đánh giá và gửi lên BGH nhà trường quyết định mức đánh giá phân loại **[H6.06.04.12]**.

Từ việc xây dựng, ban hành các tiêu chí đã giúp cho giảng viên xác định được trọng trách nhiệm vụ được giao, xác định được nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình để làm động lực phấn đấu. Vì thế trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ giảng viên CTĐT luôn tạo sự uy tín ảnh hưởng đối với xã hội; hàng năm có trên 78-90 % giảng viên được đánh giá phân loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ; 78-90% giảng viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến; chiến sĩ thi đua cơ sở 18-19% **[H6.06.04.13]**,

[H6.06.04.14] 15%-50% ; 5.5-20% giảng viên được tặng giấy khen giảng viên được tặng bằng khen **[H6.06.04.15]**; 7,4-12% giảng viên được bổ nhiệm giảng viên chính; 1.3-19.6% giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý; **[H6.06.04.16]**, **[H6.06.04.17]**. Qua đây cho thấy trình độ chuyên môn của giảng viên của Nhà trường luôn được xác định rõ ràng về năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn xác định rõ ràng về năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù năng lực đội ngũ giảng viên đã được xác định và đánh giá, nhưng Nhà trường chưa xây dựng được các chính sách hiệu quả nhằm thu hút cán bộ giảng dạy có trình độ cao cho ngành giáo dục thể chất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu cải tiến cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ giảng dạy cho CTĐT ngành GDTC, trong đó chú ý đến những đặc thù về nhân sự trong lĩnh vực GDTC hiện nay	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB; Phòng KHTC	01/2025-12/2030	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cải tiến các văn bản đánh giá năng lực của giảng viên	Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
---	--------------------	---	------------	-----------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm triển khai có hiệu quả các mục tiêu chiến lược phát triển Trường nói chung, cho việc đảm bảo về chương trình đào tạo nói riêng; mỗi giai đoạn, Nhà trường đều xác định việc xây dựng đội ngũ viên chức, sĩ quan, người lao động có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, có chất lượng và cơ cấu phù hợp; đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ. Trong giai đoạn đánh giá chương trình Nhà trường đã xác định phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên tại Chiến lược phát triển trường **[H6.06.05.01]**; tại kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 của Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội **[H6.06.05.02]**.

Việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được Nhà trường phân tích thực trạng về đội ngũ (điểm mạnh, điểm yếu), về dự báo và sự ảnh hưởng của tác động yếu tố bên ngoài như: xu thế chuyển công việc của một bộ phận giảng viên; tác động ngoại cảnh về yếu tố môi trường, thu nhập trong thời kỳ hội nhập... và dựa trên quan điểm phát triển đội ngũ là phát triển về số lượng gắn với chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động, giá trị đóng góp của viên chức, sĩ quan, người lao động đối với phát triển Nhà trường. Coi cải cách sâu rộng là động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ, kiên quyết phá bỏ các rào cản về tư tưởng, thể chế hạn chế sự phát triển của đội ngũ; tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để viên chức, sĩ quan, người lao động khởi nghiệp và phát huy

năng lực, trí tuệ. .. từ đó đưa ra những tiêu chí, chỉ tiêu

+ Đảm bảo đội ngũ giảng viên chiếm tỷ lệ trên 60% trên tổng số toàn trường (tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt 1/10 đến 15).

+ Về độ tuổi đảm bảo độ tuổi trung bình từ 35 đến 55 để đáp ứng sự tiếp nối giữa các thế hệ.

+ Về giới tính: Nam chiếm tỉ lệ trên 60%; nữ chiếm tỉ lệ là 40%.

+ Giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 25%.

+ Giảng viên có học Phó Giáo sư 2,20%

+ Giảng viên đạt chuẩn chức danh chiếm tỷ lệ 100%.

+ Giảng viên cao cấp chiếm tỷ lệ 2,20 %.

+ Giảng viên chính chiếm tỷ lệ 68 %.

+ Giảng viên có khả năng dạy 2 môn 30%.

Bảng 6.3. Thống kê đội ngũ GV theo các năm

Đội ngũ	Số lượng hiện có	Số lượng thống kê theo các năm					Ghi chú
		2021	2022	2023	2024	Dự báo 2025	
Khối giảng viên	128	136	131	130	128		
- Phó giáo sư	04	03	03	03	04	05	
- Tiến sĩ	20	21	22	21	20	25	
- Thạc sĩ	199	102	99	104	99	100	
- Đại học	5	10	7	2	5	0	

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược đó, hằng năm trước khi ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, giảng viên, NV, để nâng có cơ sở cho việc xác định nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên Nhà trường thông báo khảo sát nhu cầu ĐTBĐ **[H6.06.05.03]**; giao cho đơn vị chức năng tham mưu ban hành các thông báo tới các đơn vị về các lớp bồi dưỡng **[H6.06.05.04]**; căn cứ vào nhu cầu, đề xuất của các đơn vị/cá nhân; căn cứ kết quả khảo sát và chỉ tiêu tuyển sinh được giao đối với CTĐG để rà soát các đối tượng có nhu cầu học tập bồi dưỡng, hợp thống nhất với các đơn vị có đối tượng đề xuất học tập chuyên môn; đảm bảo

kinh phí cho giảng viên đi học tập, bồi dưỡng **[H6.06.05.05]**.

Mặt khác hằng năm, các khoa hợp/tổng kết, đánh giá năng lực giảng viên, căn cứ vào KH ĐTBĐ; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, giảng viên tự nguyện đăng kí nhu cầu ĐTBĐ, hoặc Khoa chỉ định CB, giảng viên phải đi ĐTBĐ đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch ĐTBĐ của đơn vị chuyển cho P.TCCB tổng hợp thành KH ĐTBĐ chung của Trường **[H6.06.05.06]**.

Trường có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài **[H6.06.05.07]** và công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ giảng viên trẻ tham gia dự tuyển **[H6.06.05.08]**

Nhà trường luôn khuyến khích giảng viên phối hợp, liên kết nghiên cứu với các giảng viên từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập tại chương trình. giảng viên trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các giảng viên, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCCB giám sát, đánh giá thực hiện KH ĐTBĐ, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBĐ từ việc XD và ban hành các quy định, lập KH, thực hiện so với KH, đánh giá kết quả ĐTBĐ **[H6.06.05.09]**; Kết quả ĐTBĐ được Nhà trường sử dụng trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, giảng viên và sử dụng để xét thi đua khen thưởng hằng năm **[H6.06.05.10] [H6.06.05.11]**.

Trong giai đoạn 2019-2024 Nhà trường đã cử đi đào tạo giảng viên thuộc chương trình đánh giá được tham gia học tập bồi dưỡng, trong đó:

- Đào tạo trình độ tiến sĩ: 07
- Đào tạo trình độ ThS: 5
- Đào tạo học môn 2: 0
- Bồi dưỡng chuyên môn: 170

[H6.06.05.12]; [H6.06.05.13]

- Kinh phí dành cho ĐTBĐ mỗi năm là **[H6.06.05.14]**

Năm 2019:265.000.000 VNĐ

Năm 2020:180.500.000 VNĐ

Năm 2021:146.000.000 VNĐ

Năm 2022:186.000.000 VNĐ

Năm 2023:127.698.500 VNĐ

Năm 2024: 141.260.000 VNĐ

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên nên việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực được đặt lên hàng đầu; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...) và tích cực triển khai hiệu quả các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho giảng viên.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên trong quy hoạch NCS chưa thực hiện đúng kế hoạch đi học, một số NCS phải kéo dài thời gian đào tạo, nhất là đối với các trường hợp được cử đi học tập tại nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với các đối tượng được cử đi học tập, bồi dưỡng do chính sách các đơn vị đào tạo thay đổi	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB;	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...)	Phòng TCCB; P.KHCT	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành các quy định để quản trị có hiệu quả công việc của giảng viên, trong đó có quy định cụ thể về khối lượng công việc trong quy định chế độ làm việc của giảng viên **[H6.06.06.01]**; Quy định về đánh giá viên chức, người lao động **[H6.06.06.02]**; Trong đó quy định về đánh giá đạt được khối lượng công việc theo từng chức năng nghề nghiệp. Theo các quy định, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các giảng viên được xác định theo chức danh. Trong 1 năm học, ngoài việc giảng viên phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, giảng viên còn phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác được giao. Trên cơ sở đó nhà trường khuyến khích, khen thưởng giảng viên có thành tích xuất sắc được nhà trường cụ thể trong quy định về thi đua khen thưởng **[H6.06.06.03]**; Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H6.06.06.04]**; Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H6.06.06.05]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H6.06.06.06]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H6.06.06.07]**; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý **[H6.06.06.08]**; Quy chế tổ chức và hoạt động **[H6.06.06.09]** và rà soát vị trí việc làm **[H6.06.06.10]**, Đây là bộ công cụ cơ bản cho công tác quản lý hiệu quả theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên.

Việc quản trị công việc đã đề ra đối với GV được nhà trường triển khai theo tháng, theo học kỳ, theo năm học cụ thể như sau. Đầu mỗi năm học Nhà trường ban

hành kế hoạch công tác trọng tâm hằng năm, trong đó xác định rõ nhiệm vụ của từng đơn vị, xác định chỉ tiêu cơ bản KPIs, nhất là đối với công tác giảng dạy **[H6.06.06.11]**; căn cứ nhiệm vụ đó, đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành kế hoạch công tác đào tạo **[H6.06.06.12]**, trong đó cụ thể hóa số lượng công việc đào tạo; Phòng Quản lý đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết; xây dựng thời khóa biểu **[H6.06.06.13]**; căn cứ vào kế hoạch đào tạo thời khóa biểu, chương trình đào tạo các khoa, trung phân công nhiệm vụ cho từng giảng viên **[H6.06.06.14]**. Trên cơ sở các kế hoạch trọng tâm năm học, kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các khoa chuyên môn phục vụ cho ngành giáo dục thể chất đã triển khai xây dựng kế hoạch khoa. Trong kế hoạch khoa có cụ thể nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng từng giảng viên trong khoa. Điều đó giúp khoa, bộ môn quản lý số lượng công việc từng giảng viên trong khoa.

Những sự thăng tiến đã được ghi nhận khi mà kết quả đánh giá có tác dụng thúc đẩy sự hài lòng của GV đã được nhà trường quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Trong đó việc đánh giá công việc của giảng viên được thực hiện theo các bước: định kỳ hàng tháng giảng viên thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trưởng Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, giảng viên tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận **[H6.06.06.15]**; Kết thúc học kỳ 1, từng giảng viên tự đánh giá hoạt động theo nhiệm vụ được phân công báo cáo trưởng khoa tổng hợp xây dựng báo cáo gửi về Phòng chức năng tiến hành rà soát, đối chiếu kế hoạch chỉ tiêu cơ bản KPIs để tiến hành sơ kết khối đào tạo **[H6.06.06.16]**, đánh giá kết quả thực hiện; kết thúc năm học tiến hành tổng kết công tác theo khối để đánh giá kết quả thực hiện của từng giảng viên **[H6.06.06.17]**, **[H6.06.06.18]**; đồng thời tiến hành đánh giá phân loại viên chức, tổ chức bình xét thi đua khen thưởng với các tiêu chí định lượng cụ thể như: Tiêu chí xếp loại viên chức mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ngoài các tiêu chí chung phải đảm bảo các tiêu chí cụ thể

- Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả cao, trong đó ít nhất 50% nhiệm vụ hoàn thành vượt mức.

- Tham gia đầy đủ các buổi hội họp, sinh hoạt chuyên môn của khoa, phòng, trung tâm và của Nhà trường... (trừ trường hợp được nhà trường cử đi công tác, nghỉ theo chế độ hoặc trực giải quyết công việc chung; trường hợp nghỉ lý do việc riêng thì không quá 01 buổi).

- Đối với VC, SQ, NLD là giảng viên phải thực hiện đủ 100% định mức theo quy định, trong đó số giờ dạy trực tiếp phải đạt 100% trở lên; Phải đảm bảo 100% định mức nghiên cứu khoa học theo chức danh quy định; phải thực hiện 100% nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng theo quy định; phải đảm bảo tỷ lệ sinh viên không phải thi lại đạt từ 80% trở lên, tỷ lệ sinh viên đạt khá giỏi từ 40% trở lên đối với các môn thực hành; phải đảm bảo tỷ lệ sinh viên không phải thi lại đạt từ 60% trở lên, tỷ lệ sinh viên đạt khá giỏi từ 30% trở lên đối với các môn lý luận; đối với các môn thuộc trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đảm bảo tỷ lệ sinh viên không phải thi lại đạt từ 60% trở lên; không vi phạm giờ giấc lên xuống lớp; có đầy đủ hồ sơ giảng dạy theo quy định; không vi phạm nội quy coi thi; không vi phạm trong việc chấm bài; không vi phạm quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm lớp hoặc các nhiệm vụ khác của giảng viên....

- Trường hợp được cử đi đào tạo trong nước và nước ngoài phải thực hiện đầy đủ theo đúng quy chế về đào tạo và hoàn thành nội dung, chương trình khoá đào tạo đúng hạn (có nhận xét của cơ sở đào tạo) và có đánh giá thời gian làm việc thực tế tại đơn vị trong năm (trong trường hợp VC, SQ, NLD có thời gian công tác thực tế tại đơn vị) của cấp có thẩm quyền

Vì vậy đã tạo động lực cho GV và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.06.19], [H6.06.06.20], [H6.06.06.21].

Trong chu kỳ đánh giá có:

Trong chu kỳ đánh giá có [H6.06.06.22], [H6.06.06.23]:

Bảng 6.4 Tổng hợp đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động

Năm học	Tổng GV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019-2020	166	44	26,51	102	61,45	20	12,05	0	0

2020-2021	155	64	41,29	76	49,03	11	7,10	4	2,58
2021-2022	150	49	31,61	79	50,97	20	12,90	2	1,29
2022-2023	123	47	38,21	67	54,47	9	7,32	0	0
2023-2024	130	32	24,62	97	74,62	1	0,77	0	0

Bảng 6.5 Tổng hợp đánh giá thi đua, khen thưởng

Năm học	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Lao động tiên tiến	Giấy khen của Hiệu trưởng	Bằng khen của Bộ trưởng
2019-2020	29	118	83	13
2020-2021	32	108	87	11
2021-2022	29	97	23	24
2022-2023	25	109	41	30
2023-2024			40	8

Từ bảng số liệu trên cho thấy, đa số giảng viên đã được đánh giá khách quan công bằng, theo quy định của pháp luật và quy chế đánh giá xếp loại chất lượng giảng viên, người lao động của nhà trường. Những đánh giá được ghi nhận thông qua số liệu các giảng viên, người lao động được khen thưởng và công nhận chiến sĩ thi đua các cấp. Điều đó cho thấy những sự thăng tiến đã được ghi nhận khi mà kết quả đánh giá có tác dụng thúc đẩy sự hài lòng của GV

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên, không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt. Toàn thể giảng viên của các khoa đều hoàn thành vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc được giao (nghiên cứu, giảng dạy và các công việc khác).

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí của Nhà trường cho hoạt động khen thưởng đối với các công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cần cân đối nguồn tài chính để tăng mức khen thưởng đối với các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí quốc tế nhằm động viên, khuyến khích hơn nữa cho các giảng viên trong NCKH.	BGH; Phòng TCCB;	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên Nhà trường tiếp tục tăng cường nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho giảng viên hoàn thành khối lượng công việc theo quy định	Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn chú trọng đẩy mạnh các nghiên cứu định hướng phát triển KHCN cho từng giai đoạn. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ về số lượng (các chỉ tiêu cơ bản KPIs) trong Chiến lược phát triển trường **[H6.06.07.01]**.

Ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà giảng viên phải thực hiện theo năm học: Quy định công tác nghiên cứu khoa học **[H6.06.07.02]**; Quy định chế độ làm việc của giảng viên **[H6.06.07.03]**; Đề án vị trí việc làm (Danh mục, khung năng lực, bản mô tả từng vị trí việc làm) **[H6.06.07.04]**

qua đó để xác định số lượng và các loại hình hoạt động nghiên cứu.

Theo đó, số giờ nghĩa vụ NCKH của giảng viên là 200-240 giờ mỗi năm tùy theo chức danh giảng viên, được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Ngoài ra, đối với giảng viên có bài báo quốc tế thuộc danh mục có chỉ số công bố định kỳ, Trường có chính sách hỗ trợ kinh phí tùy theo mức chỉ số ISI, SCOPUS giảng viên tham gia biên soạn và cập nhật giáo trình sẽ được thanh toán theo Quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.07.05]**.

Để đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, trong kế hoạch trọng tâm hằng năm Nhà trường, kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học đều được xác định qua chỉ tiêu KPIs) **[H6.06.07.06]**; Sổ tay NCKH **[H6.06.07.07]**; giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối thực hiện công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ, hướng dẫn thực hiện công tác **[H6.06.07.08]**;

Ngoài ra, HĐKH&ĐT được thành lập, kiện toàn hằng năm bao gồm các thành viên và thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH **[H6.06.07.09]**; định kỳ tổ chức các hội nghị, hội thảo nghiên cứu khoa học **[H6.06.07.10]**;

Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của giảng viên được giám sát và đối sánh hằng năm để cải tiến chất lượng hoạt động NCKH: Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh giữa các năm, từ đó, có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NCKH cũng như các chính sách khen thưởng cho giảng viên **[H6.06.07.11]**. Để tăng cường các hoạt động trao đổi chuyên môn, tăng cơ hội cho giảng viên tham gia các hoạt động viết bài báo khoa học, Nhà trường thường xuyên tìm kiếm đối tác cùng nhóm ngành để thông báo mời giảng viên tham gia viết bài Hội thảo khoa học **[H6.06.07.12]**; **[H6.06.07.13]**.

Đặc biệt để hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo; giúp cho các giảng viên có thêm điều kiện công bố kết quả nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, thông tin giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao ứng dụng về Giáo dục thể chất, TDTT;

Trao đổi, phổ biến kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực khoa học, giáo dục đào tạo về Giáo dục thể chất, TDTT trong nước và thế giới; Nghiên cứu phục vụ hoạch định phát triển kinh tế xã hội.... Nhà trường đã thành lập Tạp chí khoa học Giáo dục thể chất và thể thao trường học [H6.06.07.14].

Với việc thực các chính sách đó đã góp phần nâng cao chất lượng của các đề tài các cấp. Trong chu kỳ đánh giá

Bảng 6.4. Thống kê số lượng, loại hình hình nghiên cứu khoa học của CB, GV và người học giai đoạn 2019-2023

Năm/Năm học	Số lượng Đề tài cấp Bộ triển khai thực hiện	Số lượng Đề tài cơ sở triển khai thực hiện	Bài đăng Hội nghị/ Hội thảo khoa học	Bài đăng tạp chí khoa học
2019-2020	01	16	10	61
2020-2021	01	07	7	77
2021-2022	03	03	49	66
2022-2023	02	03	19	73
2023-2024	02	04	15	70
Tổng	09	33	100	347

Bảng 6.5. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm (2019-2024)

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Sách chuyên khảo	0	1	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1	1	0	0	6	3
	Tổng cộng	1	2	0	0	6	3

Từ việc xác định các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, nhiều giảng viên được Nhà trường đánh giá ghi nhận khen thưởng các cấp độ [H6.06.07.15].

2. Điểm mạnh

Giảng viên tham gia NCKH các khoa có đội ngũ cán bộ giảng viên cơ bản đáp ứng đủ năng lực giảng dạy và NCKH. Trước khi tham gia giảng dạy các giảng viên mới đều được tập huấn và hướng dẫn bởi các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm của Khoa. Các giảng viên luôn coi NCKH là một trong các nhiệm vụ quan trọng nhất của người giảng viên. Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng giảng viên được thống kê và xác định rõ ràng để làm cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn. Số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành có chỉ số đều tăng qua các năm.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động giảng viên làm chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp còn ít; giảng viên tham gia các buổi hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu các chính sách, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí hỗ trợ tương xứng, cũng như khen thưởng hoạt động NCKH đối với những giảng viên, SV có thành tích cao, nhằm khuyến khích tốt nhất cho giảng viên	BGH; Phòng TCCB; P.QLĐTKH &HTQT	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chú trọng đẩy mạnh các nghiên cứu định hướng phát triển KHCN; xác lập rõ về số lượng (các chỉ tiêu cơ bản KPIs)	BGH; P.QLĐTKH &HTQT	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Nhìn chung phần lớn các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 6 mới chỉ đạt ở mức độ đạt (4/7). Nguyên nhân là phần lớn lực lượng giảng viên còn trẻ, thời gian chưa đủ để tích lũy những năng lực và phẩm chất để đạt được những kết quả cao hơn. giảng viên được đảm bảo quyền học tập nâng cao trình độ, NCKH, tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, PVCD. Nhà trường có chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên hoàn thành luận án tiến sĩ hay trả một phần kinh phí cho giảng viên nâng cao học ngoại ngữ đạt chứng chỉ quốc tế; Đội ngũ giảng viên tham gia ĐT ngành GDTC còn khá trẻ, vì vậy đây là cơ hội để ĐT, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

Tuy nhiên chính sách tuyển dụng giảng viên chưa tạo được sức hút hấp dẫn từ ngoài vào, chưa xây dựng được giải pháp đột phá nâng cao sự cạnh tranh thu hút nguồn giảng viên chất lượng cao; Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ còn hạn chế. Công tác ĐT, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn đã được chú trọng, nhưng chất lượng giảng viên vẫn còn khoảng cách khá thấp so với trình độ khu vực và quốc tế; tỷ lệ giảng viên/SV còn thấp, phần lớn giảng viên phải dạy nhiều do lực lượng mỏng vì vậy chất lượng giảng dạy bị ảnh hưởng. Thời gian dành cho nghiên cứu, trao đổi kiến thức và NCKH còn hạn chế. Các khoa chuyên môn sẽ tạo điều kiện hơn nữa về thời gian, môi trường làm việc nhằm khuyến khích công tác NCKH, học tập nâng cao trình độ để nâng cao năng lực của giảng viên.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí; trong đó cả 07 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Bên cạnh việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên (GV), Nhà trường ý thức rất rõ vai trò hết sức quan trọng của đội ngũ nhân viên (NV) hỗ trợ. Vì vậy luôn xác định việc xây dựng và phát triển đội ngũ NV hỗ trợ là nhiệm vụ then chốt, chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên nói chung, nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nói riêng; đảm bảo các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ

nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai; xác định rõ các tiêu chí năng lực của đội ngũ nhân viên, kết hợp với việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đáp ứng nguồn nhân lực đội ngũ cho yêu cầu thực hiện vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, trong đó xác định một trong những chỉ tiêu chính của chiến lược là công tác phát triển đội ngũ **[H7.07.01.01]**; trong giai đoạn đánh giá chương trình, Nhà trường ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030 **[H7.07.01.02]**; kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 **[H7.07.01.03]**. Trong chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ Nhà trường đã đánh giá thực trạng về cơ cấu, đội ngũ như thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của nhân viên; phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên đặt ra mục tiêu về nguồn nhân lực như chuẩn hóa, chuyên môn hóa đội ngũ GV, NV các phòng ban và khoa chuyên môn theo vị trí công việc, đảm bảo sự tương thích về số lượng và chất lượng đội ngũ theo quy định hiện hành. Hằng năm ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ NV, trong đó nội dung đào tạo, bồi dưỡng được tập trung chú trọng vào kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính, cán sự...tin học, ngoại ngữ và kiến thức chuyên ngành từng lĩnh vực...nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng Đồng thời ban hành đề án vị trí việc làm, trong đó xác định các vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực đội ngũ để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của tất cả các đơn vị trong Nhà trường **[H7.07.01.04]**, **[H07.07.01.05]**. Vì vậy đội ngũ NV phòng ban và tại các khoa đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác.

Đối với việc thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư

viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Nhà trường có các chính sách cụ thể về đối tượng ưu tiên trong thi tuyển, xét tuyển viên chức; chính sách tiếp nhận vào làm viên chức đối với các trường hợp như: Người đang là cán bộ, công chức cấp xã; Người đăng ký hợp đồng lao động làm công việc Chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật; Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu; Người đang làm việc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Người đang làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống... được quy định tại Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H07.07.01.06]**. Hằng năm, ban hành các kế hoạch, thông báo tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên **[H7.07.01.07]**. Nội dung các kế hoạch, thông báo được cụ thể hóa các tiêu chí, mô tả vị trí việc làm rõ ràng. Bên cạnh đó nhằm thu hút nguồn nhân lực, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ NV, Nhà trường đã có các chính sách cụ thể như: tạo điều kiện về thời gian, thủ tục hồ sơ, kinh phí cho NV học tập được đưa vào kế hoạch hàng năm.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, cũng như nhằm phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức như: Thông báo gửi tới các đơn vị tiến hành phân tích tình hình nhân sự của đơn vị, sự biến động nhân sự, rà soát đội ngũ... để đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức **[H7.07.01.08]**; hằng năm các đơn vị giao cho đơn vị phòng Tổ chức cán bộ- đơn vị chức năng tiến hành khảo sát, đánh giá/phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên **[H7.07.01.09]**. Căn cứ kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên để phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên; cử nhân viên đi học tập bồi dưỡng; luân chuyển, điều động nhân

viên phục vụ để đảm bảo đáp ứng các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu. Trong giai đoạn từ năm 2019-2024 đã tiến hành cử đi học tập bồi dưỡng 110 nhân viên **[H7.07.01.10]**.

Do làm tốt việc quy hoạch đội ngũ, nên đội ngũ nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hiện Nhà trường có 172 viên chức, người lao động làm việc trong khối hành chính, trong đó nhân viên trực tiếp làm công tác hỗ trợ cho CTĐT gồm mỗi khoa có 01 giáo vụ khoa là giảng viên được phân công kiêm nhiệm công tác giáo vụ khoa **[H7.07.01.11]**; bố trí 02 thư viện viên phục vụ; phân công 03 chuyên viên làm công tác quản lý sinh viên chuyên trách hỗ trợ người học các công tác liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động phong trào của NH; 01 chuyên viên làm công tác hệ thống công nghệ thông tin; 03 nhân viên quản lý, phục vụ kho dụng cụ, giảng đường; Bên cạnh đó còn được hỗ trợ thông qua đội ngũ nhân viên từ các phòng ban khác như: Phòng ĐBCL - Thanh tra và pháp chế; Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Quản trị - Thiết bị; Phòng Quản lý đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế; Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và bồi dưỡng; Ban chủ nhiệm sinh viên. Các phòng, ban được bố trí đủ số lượng viên chức, nhân viên đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, về NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

3. Điểm tồn tại

Trình độ tin học, ngoại ngữ của một số NV còn hạn chế, do vậy khả năng hiệu quả hỗ trợ công tác hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu chưa được như mong muốn; nhất là mảng phục vụ thư viện để tiến hành chuyển đổi số.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai việc đẩy mạnh cử nhân viên học tập, bồi dưỡng về: tin học và chuyển đổi số	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, về NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thực hiện công tác quản lý cán bộ, viên chức, nhân viên Nhà trường ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên, trong đó Đề án vị trí việc làm được xây dựng với yêu cầu của đề án gồm: (1) Bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, trên cơ sở các quy định hiện hành và mục tiêu cần đạt được trong từng giai đoạn để đề xuất giải pháp cụ thể đảm bảo tính khả thi của Đề án; (2) Đánh giá đúng thực trạng việc sử dụng biên chế, quản lý viên chức và người lao động trong các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường trong thời gian qua, những kết quả đã đạt được, những mặt còn hạn chế và chỉ ra được nguyên

nhân của những hạn chế này. (3) Xác định đúng, đủ, chính xác danh mục vị trí việc làm trong từng đơn vị thuộc, trực thuộc Trường (4) ; có bản mô tả công việc và khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm; (5) xác định rõ cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo tỷ lệ đối với từng đơn vị; nêu rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trực thuộc khi thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với đơn vị **[H7.07.02.01]**. Đồng thời điều chỉnh, bổ sung Quy định tuyển dụng, quản lý viên chức, người lao động **[H7.07.02.02]**, trong đó quy định về điều kiện cụ thể đối với viên chức hành chính như, ngoài điều kiện chung như: Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; Từ đủ 18 tuổi trở lên; Có đơn đăng ký dự tuyển; Có lý lịch rõ ràng; Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm; Có phẩm chất đạo đức tốt; Có tâm huyết với nghề nghiệp và nguyện vọng làm việc lâu dài theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển; Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ; Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do Trường xác định nhưng không trái với quy định của pháp luật... còn phải đảm bảo như: (-) Đối với Chức danh Chuyên viên và tương đương: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên(đối với ngành/Chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đăng ký dự tuyển(Có năng lực Chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh Chuyên viên hoặc tương đương (nếu chưa có, ứng viên phải bổ sung trong thời gian tập sự). (-) Đối với Chức danh cán sự và tương đương: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên, ngành/Chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm đăng ký dự tuyển; Có năng lực Chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. (-) Đối với Chức danh nhân viên: Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên. Riêng đối với trường hợp thực hiện nhiệm vụ lái xe thì chỉ yêu cầu có giấy phép lái xe được cơ quan có thẩm quyền cấp; Có năng lực Chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Quy định về trình tự, thủ tục bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự như: (1) Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 26 Quy định này; (2) Trường đơn vị thuộc Trường quản lý viên chức tập sự tổ chức đánh

giá quá trình phấn đấu và kết quả công việc của viên chức tập sự, lập hồ sơ xét hết tập sự báo cáo Hiệu Trưởng (qua phòng Tổ chức Cán bộ).

Trình tự: Chậm nhất 15 ngày trước khi kết thúc thời gian tập sự, viên chức tập sự phải làm báo cáo kết quả tập sự và đơn xin xét hết tập sự; Người hướng dẫn tập sự nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện tập sự của viên chức tập sự bằng văn bản và báo cáo cho Trường đơn vị; Đơn vị cấu thành đơn vị thuộc Trường/đơn vị thuộc Trường không có đơn vị cấu thành hợp toàn thể đơn vị đánh giá viên chức tập sự. Tập thể lãnh đạo đơn vị hợp nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện tập sự của viên chức tập sự. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xét hết tập sự, phòng Tổ chức Cán bộ và có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá tập sự của các đơn vị đối với viên chức tập sự trình Hiệu Trưởng xem xét, quyết định công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức được tuyển dụng. Ngoài ra trong sổ tay nhân viên cũng được cung cấp đầy đủ các thông tin về quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên **[H7.07.02.03]**. Đặc biệt trong các văn bản thông báo tuyển dụng viên chức, hợp đồng lao động đều được Nhà trường có những tiêu chí đảm bảo đối với người được tuyển dụng ngoài việc phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức theo quy định chung, còn có các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác **[H7.07.02.04]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong nhà trường nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm **[H7.07.02.05]**. Để tiến hành tuyển dụng, nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, nêu rõ quy trình các bước, mốc thời gian cho từng bước một cách chi tiết **[H7.07.02.06]**. Đối với việc điều chuyển được xác định và phổ biến công khai trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động. Cụ thể: Chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động trong các trường hợp:

- Khi gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố điện, nước hoặc do nhu cầu sản xuất, kinh doanh thì người sử dụng lao động được quyền

tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động nhưng không được quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm; trường hợp chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm thì chỉ được thực hiện khi người lao động đồng ý bằng văn bản. Người sử dụng lao động quy định cụ thể trong nội quy lao động những trường hợp do nhu cầu sản xuất, kinh doanh mà người sử dụng lao động được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động.

- Khi tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động quy định tại khoản a Điều này, người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất 03 ngày làm việc, thông báo rõ thời hạn làm tạm thời và bố trí công việc phù hợp với sức khỏe, giới tính của người lao động

- Người lao động chuyển sang làm công việc khác so với hợp đồng lao động được trả lương theo công việc mới. Nếu tiền lương của công việc mới thấp hơn tiền lương của công việc cũ thì được giữ nguyên tiền lương của công việc cũ trong thời hạn 30 ngày làm việc. Tiền lương theo công việc mới ít nhất phải bằng 85% tiền lương của công việc cũ nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu.

- Người lao động không đồng ý tạm thời làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm mà phải ngừng việc thì người sử dụng lao động phải trả lương ngừng việc theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật lao động.... Ngoài ra, nhằm đảm bảo việc tuyển đúng người, đúng việc hiệu quả, kết thúc mỗi hợp đồng thỏa thuận, đơn vị sử dụng người lao động đề nghị người lao động có nhu cầu làm việc tiếp theo phải tiến hành kiểm điểm quá trình công tác; căn cứ vào bản tự kiểm điểm và kết quả công việc thực hiện được, đơn vị hợp đánh giá, nhận xét và đề nghị phòng TCCB làm thủ tục ký tiếp HĐLĐ.

Để đảm bảo công khai, minh bạch đối với việc xây dựng, triển khai các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự nói chung, nhân viên nói riêng; Nhà trường tiến hành phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức qua qua các phương tiện phổ biến văn bản tại hội nghị; tại bảng tin trường; đăng tải trên Website của Nhà trường và trên trang báo của ngành Giáo dục **[H7.07.02.07]**.

Trong giai đoạn từ năm 2019-2024 có đã tiến hành:

- Điều chuyển, sắp xếp lại 04 vị trí nhân viên phục vụ **[H7.07.02.08]**.
- Tuyển dụng 21 nhân viên **[H7.07.02.09]**.

Chính việc đảm bảo các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai, nên mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV giúp cho phục vụ hỗ trợ ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ của Nhà trường thực hiện có hiệu quả **[H7.07.02.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển, tạo nguồn đội ngũ nhân viên về công nghệ thông tin chưa thực sự thu hút được ứng viên có trình độ công nghệ thông tin cao tham gia dự tuyển.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát các chính sách thu hút nguồn đội nhân lực có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực CNTT	BGH; Phòng TCCB	01/2025- 12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước để điều chỉnh, bổ sung ban hành hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên; các tiêu chí	Đảng ủy, Hội đồng trường; BGH; Phòng	01/2025- 12/2030	

		tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên ..và phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	TCCB		
--	--	---	------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Xác định đánh giá năng lực trong quản trị nhân sự nói chung, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên là một hoạt động quan trọng, giúp lãnh đạo đơn vị quản lý hiểu rõ hơn về đội ngũ nhân viên của mình, từ đó đưa ra các quyết định phù hợp về tuyển dụng, đào tạo, phát triển và đãi ngộ, Nhà trường có các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua hệ thống văn bản được cụ thể trong Đề án vị trí việc làm (Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm), trong đó quy định từng vị trí, thể hiện qua công cụ (1) Mục tiêu vị trí việc làm; đối với các công việc và tiêu chí đánh giá gồm: Các nhiệm vụ, công việc; Nhiệm vụ, mảng công việc; Công việc cụ thể; Tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc. Các mối quan hệ công việc: bên trong, bên ngoài; phạm vi quyền hạn; các yêu cầu về trình độ, năng lực; Các tiêu chí được thể hiện qua vị trí việc làm cho từng chức danh, từng nhóm công việc; Nhiệm vụ, mảng công việc; Công việc cụ thể xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ [H7.07.03.01]. Trong Quy định đánh giá, xếp loại viên chức, sĩ quan, người lao động, Nhà trường cũng cụ thể hóa quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên như: (1) Tiêu chí chung gồm: Tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; tác phong lề lối làm việc; định mức lao động... tương ứng với các mức

đánh giá gồm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Phương pháp đánh giá đảm bảo thực hiện nguyên tắc: (1). Bảo đảm khoa học, chính xác, khách quan, nghiêm túc, công bằng, công khai, minh bạch, công tâm và không mang tính hình thức, nể nang, trù dập, thiên vị. (2). Phù hợp với hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và tình hình thực tế tại đơn vị. Trường hợp viên chức, người lao động không hoàn thành nhiệm vụ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được xem xét trong quá trình đánh giá, xếp loại chất lượng. (3). Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, quản lý, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, chuẩn hóa và xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tự giác trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. (4). Viên chức, người lao động kiêm nhiệm nhiều chức danh, chức vụ, vị trí việc làm khác nhau thì thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng theo chức danh, chức vụ, vị trí việc làm chính đang đảm nhiệm hoặc chức danh, chức vụ, vị trí việc làm đang được hưởng lương theo quy định pháp luật **[H7.07.03.02]**. Ngoài ra trong Quy định về thi đua khen thưởng, Nhà trường cũng quy định hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng đối với cá nhân, từ Giấy khen; Bằng khen; Kỷ niệm chương; Bằng then của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương **[H7.07.03.03]**.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc, vào đầu năm học hằng năm, Nhà trường yêu cầu trưởng các đơn vị tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên; xác định sự phù hợp công việc được phân công vào các vị trí phù hợp với khả năng, kỹ năng **[H7.07.03.04]**; căn cứ công việc được giao, hằng tháng từng nhân viên phải tiến hành báo cáo kết quả thực hiện, dựa kết quả đó nhân viên, cán bộ hỗ trợ được đánh giá nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao **[H7.07.03.05]**. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá quá trình tự học nâng cao trình độ, được thông qua bằng cấp và lý lịch viên chức được cập nhật hằng năm **[H7.07.03.06]**. Để đánh giá hiệu suất, đánh giá năng lực giúp đo lường hiệu suất làm việc của nhân viên, từ đó tạo điều kiện cho việc đề

xuất các biện pháp cải thiện và đánh giá đóng góp vào mục tiêu, căn cứ quy định, hằng năm tiến hành tổ chức đánh giá phân loại viên chức **[H7.07.03.07]**, và tổ chức bình xét thi đua, khen thưởng **[H7.07.03.08]**, dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ; đánh giá về khối lượng, chất lượng, hiệu quả, thời gian đảm bảo của từng nhiệm vụ.

Việc tổ chức đánh giá, bình xét được đảm bảo công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình như: các thành viên viết bản báo cáo tự đánh giá theo mẫu thống nhất của nhà trường và trình bày trước cuộc họp đơn vị; các thành viên đóng góp ý kiến, dựa trên phân tích mặt mạnh, mặt yếu chỉ ra những tồn tại hạn chế để cá nhân được đánh giá rút kinh nghiệm; các ý kiến được ghi vào biên bản và tổng hợp gửi về phòng TCCB, tại đây phòng TCCB có trách nhiệm tổng hợp các nội dung chính được định lượng cụ thể để trình trước Hội đồng; Căn cứ vào bản tổng hợp Hội đồng đánh giá trường xem xét mức độ hoàn thành từng tiêu chí của cá nhân để thống nhất mức đánh giá phân loại **[H7.07.03.09]**.

Kết quả đánh giá xếp loại chất lượng nhân viên giai đoạn từ năm 2019-2024:

- Năm học 2019-2020: có 16 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 49 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 07 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; 0 nhân viên được đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm học 2020-2021: có 12 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 60 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 01 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; 0 nhân viên được đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm học 2021-2022: có 22 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 44 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 02 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ ; 01 nhân viên được đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm học 2022-2023: có 21 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 47 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 02 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; 0 nhân viên được đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm học 2023-2024 có 08 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 75 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 01 nhân viên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; 0 nhân viên được đánh giá xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với nội dung thi đua giai đoạn từ năm 2019-2024

- Năm 2019-2020: có 07 nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; 58 nhân viên được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến;

- Năm 2020-2021: có 06 nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; 66 nhân viên được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến;

- Năm 2021-2022: có 08 nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; 58 nhân viên được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến;

- Năm 2022-2023: có 09 nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; 59 nhân viên được công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến **[H7.07.03.10]**.

Từ việc xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên/cán bộ hỗ trợ theo chất lượng công việc; sự liên thông, liên kết, sự đổi mới trong việc thực hiện bộ công cụ quản lý của Nhà trường đã gắn kết hiệu quả, sản phẩm; đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân trong thực thi đảm bảo có các cá nhân có động lực phấn đấu thi đua hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, trong đó nhiều cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được Hiệu trưởng tặng giấy khen. Trong giai đoạn từ năm 2019-2024 có 27 nhân viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen **[H7.07.02.11]**, 86 nhân viên được Hiệu trưởng tặng Giấy khen **[H7.07.03.12]**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành quy định bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên theo tháng, chưa ứng dụng công nghệ thông tin về theo dõi thời gian, giờ giấc và hiệu quả công việc đối với đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu ban hành quy định bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên theo tháng; tập trung ứng dụng công nghệ thông tin vào theo dõi thời gian, giờ giấc và hiệu quả công việc đối với đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc	BGH; Phòng TCCB; Phòng QTTB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát bộ công cụ đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, để có đội ngũ CB hỗ trợ tích cực trong hoạt động của Trường.	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Trong công tác xây dựng đội ngũ, Nhà trường chú trọng toàn diện cả ba khâu tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng và sử dụng lao động. Coi đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh, vì vậy xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức và người lao động là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên và đã được thể hiện rõ trong Kế hoạch phát triển đội ngũ của Trường [H7.07.04.01]; Quy

định về đào tạo bồi dưỡng của Trường **[H7.07.04.02]**; Trong kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 **[H7.07.04.03]** và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm **[H7.07.04.04]**, Nhà trường khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Trước khi xây dựng kế hoạch tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ (về cơ cấu, độ tuổi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, những yếu tố tác động ngoại cảnh, môi trường ... có ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển đội ngũ...) để đưa ra dự báo, quy hoạch cho sự phát triển đội ngũ, gắn với yêu cầu công việc.

Đồng thời để có cơ sở xác định nhu cầu học tập, bồi dưỡng, hằng năm Nhà trường giao cho phòng TCCB tham mưu BGH thông báo gửi tới các đơn vị trong nhà trường đăng ký nhu cầu học tập bồi dưỡng của viên chức, người lao động **[H7.07.04.05]**; trên cơ sở thông báo, các đơn vị phòng khoa, trung tâm có trách nhiệm rà soát đội ngũ nhân viên của đơn vị mình, phổ biến tới nhân viên về chủ trương về công tác đào tạo, bồi dưỡng, gợi ý, đề xuất các vị trí để nhân viên phát huy tinh thần tự giác đăng ký tham gia lớp bồi dưỡng. Đồng thời nhằm có thêm thông tin cho việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, Phòng TCCB tiến hành khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLD của Trường **[H7.07.04.06]**. Việc triển khai đảm bảo thông tin minh bạch, phổ biến rộng rãi trong toàn trường, trên các phương tiện truyền thông của nhà trường như niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên trang thông tin điện tử trường. Đơn vị chức năng sau khi tổng hợp các ý kiến, nhu cầu khảo sát có báo cáo thống kê cụ thể **[H7.07.04.07]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức bồi dưỡng về Ngoại ngữ và công nghệ thông tin cho các VC và NLD tham gia **[H7.07.04.08]**. Cử 58 lượt nhân viên đi bồi dưỡng chuyên môn như: Nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính; an toàn lao động; các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên; các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng và có nhiều cán bộ hỗ trợ tham gia. **[H7.07.04.09]**. Kết quả của Nhà trường có đội ngũ NV có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có tư duy đổi mới, năng động, sáng tạo, có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, có trình độ văn hóa, chuyên môn, năng lực để

làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao **[H7.07.04.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc; kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thể hiện rõ ràng; có nhiều chính trong thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thấp; một số ít nhân viên còn tư tưởng ngại học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nghiên cứu tạo nguồn kinh phí để hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thấp; tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho nhân viên về tự học.	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có các hoạt động xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên

cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Thực hiện chủ trương lấy chất lượng làm thước đo hiệu quả công việc, coi quản trị theo kết quả công việc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường ban hành quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với viên chức, sĩ quan, người lao động về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, như: Quy định về đánh giá, phân loại viên chức, sĩ quan, người lao động **[H7.07.05.01]**; Nội quy lao động **[H7.07.05.02]**; Quy định về chế độ báo cáo định kỳ **[H7.07.05.03]**; Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động **[H7.07.05.04]**. Để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh, ban hành các văn bản liên quan đến đánh giá kết quả như: Quy định về thi đua, khen thưởng **[H7.07.05.05]**. Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm **[H7.07.05.06]**; Quy định về đào tạo bồi dưỡng viên chức **[H7.07.05.07]**; Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động **[H7.07.05.08]**; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý **[H7.07.05.09]**; Quy chế tổ chức và hoạt động **[H7.07.05.10]**... Các quy định đều được gắn kết với các vị trí việc làm **[H7.07.05.11]**..., giúp cho việc đánh giá phục vụ cho mỗi cá nhân phát triển và giúp nhân viên nhận ra những tồn tại, hạn chế để có hướng khắc phục, phục vụ cho mục tiêu hiện thực hóa chiến lược, gắn kết giữa kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân với mục tiêu chiến lược.

Việc giám sát, đánh giá các quả công việc của nhân viên được nhà trường quản lý chặt chẽ thông qua quy trình đánh giá chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ: đầu mỗi năm học Nhà trường yêu cầu từng đơn vị xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho cá nhân trong năm học **[H7.07.05.12]**; trong quá trình thực hiện đơn vị chức năng thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện thời gian, giờ giấc (đơn vị Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công. Để giám sát công khai, minh bạch, Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công

việc của đội ngũ NV bằng thêm hệ thống Camera được lắp đặt các vị trí để theo dõi việc đi làm đúng giờ; hàng tháng các đơn vị tổ chức họp việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng kết kết quả hoạt động của từng nhân viên qua chính khối lượng từng đầu việc, yêu cầu từng cá nhân thực hiện báo cáo kết quả nhiệm vụ (nêu rõ từng kết quả, những tồn tại, nguyên nhân tồn tại và phương hướng khắc phục **[H7.07.05.13]**). Trên cơ sở đó phòng HCTH tổng hợp báo cáo giao ban tháng để Hội nghị đánh giá kết quả công việc của từng đơn vị và nhân viên **[H7.07.05.14]**; cuối học kỳ mỗi năm học tiến hành sơ kết năm học nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý, xác định phương hướng học kỳ tiếp theo; Kết thúc năm học tổ chức tổng kết năm học theo 2 cấp: cấp đơn vị; cấp trường **[H7.07.05.15]**.

Đặc biệt là tiến hành đánh giá, phân loại NV, trước khi tổ chức đánh giá, nhà trường ban hành kế hoạch để triển khai **[H7.07.05.16]**; phân công nhiệm vụ cho Phòng TCCB tổng hợp, thống kê các trường hợp vi phạm về thời gian làm việc, nghỉ hợp,... (nếu có); Phòng Quản lý Đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế tổng hợp các nhân viên có bài báo khoa học, SKKN, đề tài (nếu có) để làm cơ sở BGH quyết định mức đánh giá phân loại đảm bảo đúng với khối lượng, chất lượng từng cá nhân **[H7.07.05.17]**. Từ việc đánh giá phân loại, căn cứ đó để tiến hành bình xét thi đua, khen thưởng nhằm khích lệ, động viên tinh thần, ghi nhận kết quả lao động của nhân viên **[H7.07.05.18]**.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đã đo lường kết quả công việc của nhân viên, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; nên giai đoạn đánh giá, đội ngũ viên chức nhà trường nói chung, đội ngũ nhân viên Nhà trường nói riêng luôn đảm bảo chất lượng, hiệu quả, nhiều nhân viên, người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù về công tác phục vụ, nên định lượng công việc còn chưa cụ thể KPI; chưa có hệ thống công nghệ thông tin để giám sát thời gian lao động của nhân viên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bộ công cụ để định lượng công việc KPI đánh giá hiệu quả NV.	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, đã đo lường kết quả công việc của nhân viên, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	BGH; Phòng TCCB	01/2025-12/2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Công tác phát triển đội ngũ nói chung, đội ngũ nhân viên nói riêng được Nhà trường chú trọng toàn diện, từ việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đến việc xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai; việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, đến triển khai nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.. và quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Mặc dù còn một số tồn tại cần khắc phục xong về cơ bản, đội ngũ NV hỗ trợ đào tạo ngành GDTC đảm bảo được đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí; trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Với giá trị cốt lõi “**Chất lượng - Mô phạm - Sáng tạo - Phát triển**” do vậy chủ đề về người học và hoạt động hỗ trợ người học luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Điều này được thể hiện xuyên suốt từ công tác tuyển sinh cho đến toàn bộ quá trình người học, học tập tại trường. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi cho quá trình học tập và sinh hoạt. Cùng với đó là hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, đẩy mạnh hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ hoạt động học tập và rèn luyện của người học được xây dựng và tổ chức hoạt động tương đối hiệu quả.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Thí sinh đăng ký dự thi vào Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT

và được xác định rõ ràng tại Đề án tuyển sinh của Nhà trường, cụ thể: ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo đối tượng chính sách; thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia về lĩnh vực Thể dục Thể thao thuộc diện được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, hưởng điểm thưởng cho môn Năng khiếu thể dục thể thao. Đề án tuyển sinh đã xác định rõ các tiêu chí tuyển sinh đại học chính quy theo hình thức xét tuyển kết hợp thi năng khiếu dựa trên thực tế yêu cầu của ngành học nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng **[H8.08.01.01]**.

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, quy chế tuyển sinh và quy chế tổ chức thi năng khiếu TDTT của Trường do đó luôn có sự cập nhật, điều chỉnh đảm bảo phù hợp và đúng chỉ tiêu được Bộ GD&ĐT giao **[H8.08.01.02]**, **[H8.08.01.03]**, **[H8.08.01.04]**, **[H8.08.01.05]**, **[H8.08.01.06]**. Đề án, kế hoạch, chính sách tuyển sinh hàng năm được xây dựng đầy đủ dựa trên năng lực đào tạo của Nhà trường. Các thông tin như đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển/thi tuyển, các chính sách ưu tiên và kế hoạch xét tuyển được điều chỉnh trên thông tư của Bộ GD&ĐT và thể hiện trên Thông báo tuyển sinh hàng năm **[H8.08.01.07]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn cho thí sinh để giúp các thí sinh chọn đúng ngành, nghề phù hợp với năng lực và đáp ứng nhu cầu xã hội, cử bộ phận tư vấn trả lời, giải đáp thắc mắc cho tất cả các đối tượng quan tâm. Đồng thời truyền tải các thông tin về giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan **[H8.08.01.08]**, **[H8.08.01.09]**.

Chính sách tuyển sinh hàng năm được công khai trên website của Nhà trường bao gồm đầy đủ các thông tin: đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,... Ngoài ra, nhằm giới thiệu và quảng bá chính sách, quy trình tuyển sinh, Nhà trường còn tăng cường công tác truyền thông với nhiều hình thức khác nhau như: xây dựng các video giới thiệu ngành học tại Nhà trường đăng tải trên web và Fanpage trường **[H8.08.01.10]**.

Hàng năm, Nhà trường đánh giá công tác tuyển sinh, qua công tác đánh giá tuyển sinh đã rút ra nhiều ưu điểm và tồn tại trong công tác tổ chức tuyển sinh các trình độ, từ đó rút kinh nghiệm tổ chức tốt công tác tuyển sinh năm sau của Nhà trường [H8.08.01.11].

Bảng 8.1. Thống kê tổng số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm	Chỉ tiêu	Số SV nhập học	Điểm trúng tuyển	Ghi chú
2019	330	361	16,5 KV1 - UT1	
2020	800	382	15,5 KV1 - UT1 18,25 KV3 không UT	
2021	296	317	18 KV1 - UT1 20,75 KV3 không UT	
2022	346	353	29,42 KV3 không UT	
2023	161	162	37,20 KV3 không UT	

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, minh bạch và được cập nhật hàng năm phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát của người học về chính sách tuyển sinh chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng về hình thức, nội dung lấy ý kiến khảo sát người học, đặc biệt là về chính sách	phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm	

		tuyển sinh			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường xác định rõ ràng, các tiêu chí tuyển sinh đại học chính quy theo hình thức xét tuyển kết hợp thi năng khiếu dựa trên thực tế yêu cầu của ngành học nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng, được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh **[H8.08.02.01]**, kế hoạch tuyển sinh **[H8.08.02.02]**.

Đối với tuyển sinh Đại học các tiêu chí để tuyển chọn được thể hiện trong thông báo tuyển sinh các năm. Nhà trường đưa ra hình thức xét tuyển học bạ lớp 12 hoặc xét theo điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông với nhóm các tổ hợp môn văn hóa gồm môn Toán - Sinh; Văn - Sinh; Toán - GD&CD; Văn - GD&CD và kết hợp thi tuyển năng khiếu do Nhà trường tổ chức. Đối tượng tuyển sinh là người đã tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Thí sinh được hưởng đầy đủ các chính sách ưu tiên theo quy chế tuyển sinh và quy định của nhà trường, đặc biệt là chính sách ưu tiên, tuyển thẳng dành cho thí sinh đạt thành tích cao ở các giải thi đấu TDTT cấp quốc gia và quốc tế **[H8.08.02.03]**. Hội đồng tuyển sinh căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh **[H8.08.02.04]**, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào **[H8.08.02.05]** và kết quả của thí sinh để xác định điểm trúng tuyển **[H8.08.02.06]**,

[H8.08.02.07].

Năm 2019, 2020 Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh sử dụng hình thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển các tổ hợp môn văn hóa gồm môn Toán - Sinh; Văn - Sinh; Toán - GDCD; Văn - GDCD và kết hợp thi tuyển năng khiếu (chạy 100m hoặc chạy nhanh khéo, bật xa tại chỗ và kiểm tra thể hình).

Năm 2021 Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh sử dụng hình thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển các tổ hợp môn văn hóa gồm môn Toán - Sinh; Văn - Sinh; Toán - GDCD; Văn - GDCD và kết hợp thi tuyển năng khiếu theo hình thức thi trực tuyến do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh COVID-19 tại thời điểm tuyển sinh (nhảy dây 1 phút (tính số lần), nằm ngửa gập bụng 1 phút và kiểm tra thể hình).

Năm 2022 Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh sử dụng hình thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển các tổ hợp môn văn hóa gồm môn Toán - Sinh; Văn - Sinh; Toán - GDCD; Văn - GDCD và kết hợp thi tuyển năng khiếu (bật xa tại chỗ, chạy 60m/Chạy nhanh khéo và kiểm tra thể hình).

Năm 2023 Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh sử dụng hình thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển các tổ hợp môn văn hóa gồm môn Toán - Sinh; Văn - Sinh; Toán - GDCD; Văn - GDCD và kết hợp thi tuyển năng khiếu (bật xa tại chỗ, chạy 100m và kiểm tra thể hình).

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh đại học của Nhà trường đánh giá, rút kinh nghiệm dựa trên kết quả tuyển sinh và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm **[H8.08.02.08]**. Hằng năm nhà trường tổ chức hội nghị công tác tuyển sinh nhằm đánh giá những kết quả đạt được và xây dựng phương hướng tuyển sinh trong năm học tiếp theo **[H8.08.02.09]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được xây dựng rõ ràng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được đánh giá, cập nhật thường xuyên dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tình hình thực tế.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.	P.Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học để đảm bảo phù hợp với quy định và thực tiễn.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được nhà trường thiết lập Quy chế đào tạo và Quy chế công tác sinh viên [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Cụ thể việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế về giảng dạy, học tập và thi kiểm tra trên lớp của người học theo quy chế hiện hành; theo dõi kiểm tra đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của người học, cảnh báo học vụ, bảo lưu kết quả học tập,...do Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, các khoa, bộ môn chuyên môn chịu trách nhiệm [H8.08.03.03]. Ngoài ra còn có cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, giảng

viên,... tổ chức đoàn thanh niên, cũng tham gia quản lý việc học tập và rèn luyện của sinh viên.

Việc giám sát quá trình học tập: Các khoa, bộ môn giảng viên trực tiếp giảng dạy phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế trong đó có bộ phận CTSV thường xuyên giám sát việc học tập của sinh viên ở mỗi học phần. Sau mỗi học kỳ, dựa vào kết quả học tập được tổng hợp trên hệ thống quản lý học tập Nhà trường tổ chức xét xử lý học vụ để đưa ra cảnh báo học tập với những sinh viên có kết quả học tập yếu kém. Theo quy chế đào tạo của Nhà trường thì cuối mỗi học kỳ, Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, GVCN và ban cố vấn học tập sẽ họp xét và tư vấn cho sinh viên xây dựng kế hoạch học lại, học cải thiện điểm **[H8.08.03.04]**.

Căn cứ quy chế đánh giá điểm rèn luyện, điểm rèn luyện của SV cũng được theo dõi, giám sát của lớp, giáo viên trực tiếp giảng dạy, GVCN-CVHT và chuyên viên công tác sinh viên. Điểm rèn luyện của SV được đánh giá theo từng học kỳ với 5 bước thực hiện gồm: (i) SV tự đánh giá (phiếu chấm), (ii) cán bộ lớp và GVCN đánh giá, (iii) ban chủ nhiệm sinh viên và CVHT đánh giá, (iv) Hội đồng cấp phòng họp đánh giá, (iiii) Nhà trường lập hội đồng đánh giá và ra quyết định công nhận **[H8.08.03.05]**. Bên cạnh đó cuối mỗi học kỳ, Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế sẽ gửi kết quả học tập cho người học và lập hồ sơ xét cảnh báo học vụ đối với sinh viên các khóa **[H8.08.03.06]**.

Cơ sở dữ liệu theo dõi kết quả học tập và rèn luyện; tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của người học được Nhà trường quản lý bằng phần mềm quản lý đào tạo và được thông báo thường xuyên cho các bên liên quan (khoa, GVCN-CVHT, sinh viên); Ban chủ nhiệm sinh viên GVCN-CVHT được cấp tài khoản của hệ thống quản lý học tập và rèn luyện để theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, từ đó kịp thời có phương án hỗ trợ người học **[H8.08.03.07]**.

Từ năm học 2020-2021 đến hết năm học 2023-2024 có trên 97% sinh viên các khoa đạt kết quả rèn luyện loại khá trở lên. Trong đó năm học 2020-2021 và 2021-2022 có 100% sinh viên đạt kết quả rèn luyện loại khá trở lên **[H8.08.03.08]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bộ phận chuyên trách và quy định cụ thể về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Nhà trường đã hình thành được một hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa, Ban chủ nhiệm sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Một số GVCN-CVHT chưa phát huy cao vai trò trong quá trình tư vấn, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện.

Vẫn còn nhiều sinh viên nợ học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc kết quả học tập, rèn luyện ở từng học kỳ, từng năm học chưa cao, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn còn thấp một phần do năng lực và một phần do các em là vận động viên thời gian thi đấu cho các đội tuyển của tỉnh và quốc gia chiếm phần lớn thời gian học tập, ý thức của bản thân người học còn hạn chế. Mặt khác, Ban CVHT chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ về học tập, rèn luyện cho hơn 100 người học dẫn đến việc tư vấn, hỗ trợ cho người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng mạng lưới cán bộ tư vấn chuyên nghiệp hơn, phát huy cao vai trò của người tư vấn, giám sát chặt chẽ sự tiến bộ của người học; - Nghiên cứu điều chỉnh mẫu phiếu và phương pháp lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT;	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Theo định kỳ các khóa, chỉnh sửa theo QĐ của trường	
2	Phát huy điểm mạnh	Bám sát phát huy tối đa quyền hạn chức năng nhiệm vụ của từng ban, phòng, từ	Phòng Quản lý Đào tạo -	Theo định kỳ các khóa, chỉnh	

		đó đưa ra những kế hoạch cụ thể cho từng kỳ học cụ thể	Khoa học và Hợp tác Quốc tế, giáo viên chủ nhiệm, Ban cố vấn học tập	sửa theo QĐ của trường	
--	--	--	--	------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có các cá nhân và đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của người học như: Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trung tâm hỗ trợ đào tạo và Bồi dưỡng, Đoàn thanh niên, giảng viên. Cố vấn học tập tổ chức các cuộc họp lớp định kỳ. Các cố vấn học tập cho SV thường là các giảng viên có nhiều kinh nghiệm sẽ tư vấn các vấn đề liên quan đến các mặt của người học như chương trình đào tạo, rèn luyện, kế hoạch học tập, lựa chọn hình thức học cho phù hợp với từng cá nhân. Các em có thể trao đổi bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua số điện thoại, zalo... **[H8.08.04.01]**.

Ngoài ra, Nhà Trường cung cấp cho sinh viên các các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học: phổ biến chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, quy định đào tạo, quy định thi kiểm tra, hoạt động của trường, cơ hội tuyển dụng,.. thông qua các phương tiện khác nhau, như Sổ tay sinh viên, trang web của Trường. **[H8.08.04.02]**, **[H8.08.04.03]**, trong đó đại diện của trường nói chuyện với sinh viên về chương trình đào tạo, những gì SV cần chú ý và

trả lời các câu hỏi của sinh viên, thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động phục vụ đào tạo theo từng năm học.

Nhà Trường chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa để giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng trải nghiệm và tổ chức hoạt động ngoại khóa ở trường phổ thông sau khi tốt nghiệp như: hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, bóng chuyền, khiêu vũ thể thao, bóng rổ, đá cầu các hội thi văn hóa văn nghệ, hội thi tiếng hát thầy và trò... do Đoàn Thanh niên và các khoa tổ chức. Hàng năm Nhà trường tổ chức tập huấn kỹ năng tìm kiếm việc làm, trả lời phỏng vấn xin việc cho người học thông qua ngày hội việc làm **[H8.08.04.04]**, **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**, **[H8.08.04.07]**.

Để tăng cường kỹ năng mềm và kiến thức cho người học, trong thời gian học, SV được bố trí thời gian đi kiến tập chuyên môn, thực tập sư phạm ở các trường THCS, THPT. Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế liên hệ với các Trường THCS, THPT để tổ chức hoạt động trải nghiệm. Các khoa thường xuyên mời các trọng tài Quốc gia về tập huấn cho SV trong Khoa về một số môn thể thao khi có luật mới. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức cuộc thi nghiệp vụ Sư phạm, nghiên cứu Khoa học SV... Hàng năm, dưới sự hướng dẫn của các thầy cô, SV đã tham gia giải thể thao và NCKH SV do ngành và các cấp tổ chức. Các hoạt động ngoại khóa, tư vấn hỗ trợ học tập đã giúp SV rèn luyện kỹ năng mềm, thúc đẩy việc học tập. Nhiều SV đạt kết quả tốt nghiệp loại khá, giỏi, nâng cao cơ hội tìm kiếm việc làm khi tốt nghiệp. Công tác này được triển khai có hiệu quả đáp ứng nhu cầu tư vấn về CTĐT, lựa chọn môn học, xu hướng việc làm, tâm lý lứa tuổi, về tổ chức các hoạt động rèn luyện năng lực sư phạm, năng lực hoạt động tập thể, tìm kiếm các nguồn tài trợ, nguồn tín dụng. Nhằm tăng cơ hội việc làm cho sinh viên, Nhà trường và Khoa triển khai các hoạt động trao đổi thông tin với nhà tuyển dụng. Hoạt động này nhận được sự hưởng ứng, tham gia nhiệt tình và phản hồi tích cực của người học.

Kết quả lấy ý kiến người học của CTĐT ngành GDTC cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của CBGV trong Nhà trường đã giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học **[H8.08.04.08]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học nhằm tăng tỉ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp được triển khai đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức các hoạt động Khởi nghiệp cho SV ngành GDTC

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tiến công tác dự báo nhu cầu tuyển dụng của các trường phổ thông các cấp, trọng tâm là nhu cầu tuyển dụng nhân lực tốt nghiệp chuyên ngành GDTC.	Bộ phận Đào tạo	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tổ chức các buổi giao lưu, tọa đàm, định hướng nghề nghiệp giữa nhà tuyển dụng và người học. Tăng cường tổ chức ngày hội việc làm nhằm thu hút nhiều nhà tuyển dụng biết đến nguồn nhân lực	Bộ phận công tác HSSV, các Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển trường Đại học sư phạm TDTT

Hà Nội giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 là đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu đào tạo theo quy mô phát triển của nhà trường, do đó CSVC của Trường đáp ứng việc học tập và rèn luyện cho người học đã và đang được nâng cấp trên mọi phương diện, từ khu tự học tới Nhà thi đấu thể dục thể thao, Hội trường lớn để tổ chức sự kiện, các phương tiện thiết bị để SV học tập đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của GV và SV **[H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03]**.

Qua đó đã tạo môi trường xã hội và tâm lý thích hợp cho SV lựa chọn thời gian biểu và tiến độ học tập phù hợp. Nhà trường có đầy đủ các văn bản hướng dẫn và tư vấn cho SV các ngành đào tạo trong việc lựa chọn các hoạt động ngoại khóa do các đơn vị tổ chức, cũng như các hoạt động tương tự nhằm phát triển và nâng cao năng lực bản thân ngay khi SV nhập học. SV được khuyến khích sáng tạo trong học tập, NCKH và chủ động tiếp cận đề tài NCKH yêu thích; được trao đổi học thuật tại các hội nghị, đối thoại, thư giấy và email, khảo sát trực tuyến. Sinh viên được khuyến khích lựa chọn và tham gia các hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giải trí trong và ngoài trường **[H8.08.05.04], [H8.08.05.05]**.

Bên cạnh sức khỏe tinh thần, Nhà trường còn đảm bảo SV đủ sức khỏe thể chất với các hoạt động của Trạm Y tế như chăm sóc sức khỏe, quản lý hồ sơ bảo hiểm y tế cho SV. Trạm y tế của Trường có đầy đủ hồ sơ và danh sách các SV khám sức khỏe, điều trị tại chỗ cho SV và đã trình kết quả khám sức khỏe nhập học của SV để Ban giám hiệu và các khoa, phòng có thông tin cần thiết để hỗ trợ SV trong suốt quá trình học tập. Ngoài ra nhà trường đã ban hành, phổ biến những quy định, hướng dẫn, quyết định về phòng chống dịch bệnh Covid 19 **[H8.08.05.06], [H8.08.05.07]**. Trường cũng ban hành các quy tắc ứng xử như quy định về đeo thẻ SV, quy định trang phục, quy định sử dụng mạng xã hội, nội quy phòng học, nội quy phòng máy tính, quy định nhà thi đấu TDTT **[H8.08.05.08]**. Thư viện được nâng cấp ngày càng hiện đại, số lượng đầu sách và tài liệu tham khảo của các chuyên ngành ngày càng, phong phú đa dạng đáp ứng yêu cầu của NH. Nhà trường chú trọng đầu tư cải tạo để xây dựng các không gian mở và sáng tạo cho SV như khu tự học, các kệ trao đổi sách, cây xanh, bàn ghế **[H8.08.04.09]**. Trường thường xuyên cho tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ để kịp thời sửa chữa và thay thế các trang thiết bị hỏng hóc, gặp sự cố

để đảm bảo chất lượng phục vụ dạy và học. Trang thiết bị giảng dạy và học tập được cải thiện **[H8.08.05.10]**. Nhà thi đấu đa năng của Nhà trường được nâng cấp cải thiện đáp ứng nhu cầu của NH **[H8.08.05.11]**. Đường truyền internet và hệ thống wifi của Nhà trường không ngừng được nâng cấp đáp ứng nhu cầu của NH **[H8.08.05.12]**, **[H8.08.05.13]**.

Cảnh quan sư phạm của trường được đảm bảo an toàn vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong học tập và nghiên cứu **[H8.08.05.14]**, **[H8.08.05.15]**, **[H8.08.05.16]**.

Phản hồi về chất lượng của các hoạt động hỗ trợ được tích hợp trong hệ thống khảo sát trực tuyến của Trường, được Phòng ĐBCL-TT&PC thực hiện khảo sát với các khóa SV đại học chính quy của Trường **[H8.08.05.17]**. Các hoạt động hỗ trợ đối với SV ngành GDTC được đánh giá đủ đáp ứng với nhu cầu.

2. Điểm mạnh

Nhiều giải pháp được triển khai đồng bộ ở cấp trường và cấp khoa nhằm tạo lập môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho việc học tập, NCKH và sinh hoạt của người học.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất còn bị xuống cấp do nhiều năm sử dụng: Đường chạy sân điền kinh, nhà tập đa năng, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, KTX. Việc sửa chữa cải thiện, thay đổi, điều chỉnh còn chưa được thực hiện liên tục nên hoạt động tập luyện của sinh viên đôi lúc bị ảnh hưởng

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các khoa cần tăng cường phối hợp với nhà trường đề xuất xây dựng phương án chăm sóc, vệ sinh các công trình thể thao tốt hơn.	Ban chủ nhiệm sinh viên và các khoa	Từ năm học 2020-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Thu thập phản hồi từ cả hai nhóm đối tượng (viên chức và người học) về môi trường tâm lý, xã hội để có căn cứ triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu của các đối tượng này.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm học 2024-2025	
---	--------------------	---	---	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Phương thức tuyển sinh các năm được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định, quy chế hiện hành, trường tuyển sinh theo đề án riêng được Bộ GD&ĐT phê duyệt và được công bố công khai, cập nhật thường xuyên. Từ khi nhập học cho đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở một kỳ. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp..., đã phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm trí của người học.

Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế cần chú ý, việc chuyển đổi hình thức tuyển sinh ưu tiên ngưỡng xét tuyển nghiêm về các nội dung môn thi năng khiếu. Vì vậy, trong những năm học tới Nhà trường cần có những chiến lược tốt hơn nữa để phát huy những thành tích đã đạt được và các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần xây dựng Nhà trường ngày càng phát triển.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí; trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, bổ sung và hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Hệ thống phòng học, phòng thực hành, sân tập và trang thiết bị đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và người học. Thư viện của Nhà trường cơ bản đáp ứng được nguồn học liệu phục vụ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Qua đó phục vụ hiệu quả, thuận lợi cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và người học, trên cơ sở đó, đảm bảo môi trường làm việc hiệu quả nhất cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

- Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đủ các trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu quản lí, điều hành, học tập, nghiên cứu kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng trong lĩnh vực giáo dục thể chất. Cụ thể:

Để phục vụ quản lý, điều hành và một số phòng hội họp, trực tuyến Nhà trường bố trí 01 tòa nhà điều hành trung tâm 9 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng là 4.940 m², được bố trí theo công năng sử dụng: các phòng làm việc, phòng chức năng cho các Khoa và một số phòng hội thảo, hội họp sử dụng chung.

Hệ thống phòng học lý thuyết (là trường năng khiếu nên phòng học lý thuyết diện tích chiếm tỷ trọng không nhiều) 3.703 m² (không tính giảng đường cho sinh viên trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh), được bố trí 40, 50, 100 chỗ phù hợp cho nhiều mục đích sử dụng. Với đặc thù đào tạo giáo dục Thể chất các môn học thực hành là một thành phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo và được sử dụng chung với hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường. Ngoài việc đáp ứng các học phần lý thuyết, hệ thống sân tập, nhà tập cũng là nơi thí nghiệm, thực hành và chiếm

tỷ trọng lớn gồm: nhà tập đa năng có diện tích 1.253 m²; nhà thi đấu thể thao đa năng diện tích 3.200 m²; 1 sân điền kinh có 6.500 m² đường chạy phủ chất dẻo tổng hợp; 01 bể bơi có diện tích 3.540 m² với 10 làn bơi và hệ thống khán đài, nhà học lý thuyết 02 tầng; 1 sân bóng đá cỏ nhân tạo, diện tích 10.800 m²; 05 sân bóng chuyền với diện tích 2.250 m²; 2 sân bóng rổ có diện tích 1.640 m²; 2 sân quần vợt có diện tích 1.040 m²; ngoài ra còn có các sân bóng ném, đá cầu...[H9.09.01.01].

Nhà thí nghiệm thể chất với diện tích xây dựng 750 m², diện tích sàn xây dựng 1400 m² được sử dụng làm khu vực nghiên cứu, ứng dụng Thể chất, thực hành và Trung tâm ngoại ngữ tin học. [H9.09.01.02].

Thư viện nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, diện tích 1.152 m² được bố trí 150 chỗ ngồi đảm bảo tỷ lệ 2,5m²/chỗ ngồi đọc. Hệ thống ký túc xá từ C1 đến C6: 10.827m² (không tính C7,8,9 cho SV trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh), được xây dựng từ 3 đến 5 tầng, vệ sinh khép kín với quy mô 3.000 SV, đáp ứng 100% nhu cầu của sinh viên trước mắt cũng như trong tương lai. [H9.09.01.03].

Tóm lại, với hệ thống cơ sở vật chất hiện tại, nhà trường đủ tỷ lệ diện tích và các trang thiết bị đáp ứng đào tạo đại học với quy mô trên 3000 sinh viên.

Bảng 9.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	143.477	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của trường, trong đó	72.183	x		
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	12.805	x		
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	1.152	x		
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	58.226	x		

- Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm khang trang, hiện đại, được từng bước hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Nhà trường có hệ thống giảng đường, phòng học gồm 38 phòng với diện tích 11.927,07 m², trong đó các phòng học được trang bị máy chiếu, màn chiếu, đèn chiếu sáng, quạt trần và hệ thống âm thanh với 4 loa treo tường, 4 giảng đường với sức chứa từ 80 -120 chỗ/giảng đường; có 03 phòng thực hành tin học gồm 95 máy vi tính được kết nối internet, 02 phòng thực hành ngoại ngữ trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, có cabin riêng và 01 máy chủ cho giáo viên. Ngoài ra, hệ thống máy tính, máy in, photocopy được trang bị đầy đủ, đúng định mức đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành và nghiên cứu của sinh viên, giảng viên. Hệ thống phòng thí nghiệm, các phòng luyện tập, thực tập được thiết kế theo công năng, trang thiết bị đầy đủ các dụng cụ chuyên ngành, hệ thống chiếu sáng ban ngày, ban đêm đảm bảo phục vụ tốt cho giảng dạy, học tập các học phần lý thuyết và phục vụ tốt cho việc nghiên cứu và ứng dụng thể chất và thể dục thể thao.**[H9.09.01.04].**

Để đảm bảo đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học: Nhà trường quản lý thông qua các công cụ như: các sổ theo dõi tần suất sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị mượn dụng cụ, sổ cấp phát dụng cụ, sổ theo dõi giảng dạy các môn lý thuyết, sổ phân công giảng dạy, rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hàng năm qua kế hoạch kiểm kê và báo cáo tài sản sau kiểm kê hàng năm. Thông qua các dữ liệu này nhà trường đánh giá hiệu quả sử dụng và hiệu quả đầu tư CSVC trang thiết bị .**[H9.09.01.05].**

Cải tiến cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được thực hiện qua việc nâng cao quản lý và mua sắm trang thiết bị kịp thời, nhà trường đã ban hành quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất; quy định hướng dẫn sử dụng CSVC tại các khu vực lớp học sân tập, nhà tập... quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và triển khai hiệu quả.

Các kế hoạch mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng cơ sở vật chất trang thiết bị hàng năm được căn cứ vào nhu cầu sử dụng, phòng Quản lý Đào tạo – Khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với các khoa rà soát xây dựng kế hoạch dự trù cơ sở vật chất

phục vụ giảng dạy và học tập . **[H9.09.01.06], [H9.09.01.07].**

Việc bố trí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị luôn được bổ sung, tăng cường thể hiện qua tỷ trọng đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất/ tổng chi của Nhà trường hàng năm **[H9.09.01.08].** qua bảng 9.2.

Bảng 9.2. Tỷ trọng Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giai đoạn 2019-2024

TT	Nội dung	2019		2020		2021		2022		2023	
		Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %
1	Đầu tư xây dựng	3,860,775,98	50	1,682,367,000	37	1,033,864,000	39	1,591,400,000	46	2,707,254,362	48
2	Mua sắm trang thiết bị	683,267,500	9	855,932,200	19	926,961,650	35	857,560,430	25	1,233,717,400	22
3	Đầu tư bảo dưỡng sửa chữa	3,203,028,297	41	2,013,942,000	44	686,828,880	26	1,028,165,392	30	1,735,488,196	31
	Tổng	7,747,080,495		4,552,241,200		2,647,654,530		3,477,125,822		5,676,459,958	

Năm học 2019 - 2020, Trường đã được Bộ Giáo dục và đào tạo phê duyệt đầu tư dự án 5 tỷ cho việc sửa chữa nhà tập thể dục và một số sân tập thể thao **[H9.09.01.09].** Ngoài ra, nhà trường đã lập dự án và được cấp trên phê duyệt đầu tư trung hạn 02 dự án: Dự án “Tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin

phục vụ công tác chuyển đổi số, mức đầu tư 22 tỷ, trong đó có trang bị phòng trực tuyến kết hợp hội thảo, hội nghị Seminar chuyên đề, Luận văn tốt nghiệp cho đối tượng học thạc sĩ - đến nay đang vận hành [H9.09.01.10] và đang chuẩn bị đầu tư dự án nhà thi đấu thể thao đa năng, mức đầu tư được phê duyệt 44 tỷ [H9.09.01.11].

Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi mức độ hài lòng của người học, cán bộ giảng viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các phòng học thông qua phiếu khảo sát Bên cạnh đó, Trường cũng thực hiện lấy ý kiến người học thông qua các buổi đối thoại với SV, lấy kiến của GV thông qua Hội nghị công chức viên chức hàng năm và đồng thời trong các buổi hội nghị này GV cũng có các đề xuất kiến nghị duy tu, sửa chữa để cho hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng ngày càng tốt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu đào tạo. Thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học, đa số các ý kiến phản ánh hài lòng với cơ sở vật chất. Tuy nhiên, vẫn còn 12% ý kiến đánh giá chưa hài lòng về cơ sở vật chất (theo báo cáo kết quả khảo sát) [H9.09.01.12].

2. Điểm mạnh

Các phòng, Khoa có đầy đủ hệ thống phòng làm việc; Các phòng học và các phòng chức năng, nghiên cứu, thực hành... với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu chương trình đại học, sau đại học.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư mới chưa được đồng bộ. một số công trình xuống cấp chưa được bảo trì do thiếu kinh phí. một vài môn học thể thao còn học ngoài trời bị ảnh hưởng bởi thời tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đầu tư kinh phí trong việc phát triển, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng cơ sở vật chất;	Phòng Quản trị Thiết bị; phòng Kế hoạch tài chính	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác tốt công năng sử dụng cơ sở vật chất hiện	Phòng Quản trị Thiết bị;	Hàng năm	

		có; Lập đề án khai thác hệ thống sân tập ngoài giờ vừa đảm bảo cho học viên luyện tập ngoài giờ, vừa tăng cường thêm nguồn kinh phí để bảo dưỡng CVSC.	Kế hoạch Tài chính và các Khoa, bộ môn		
3	Đầu tư mới CSVC	Đối với các công trình có kinh phí dự toán sửa chữa lớn Trình Bộ chủ quản đầu tư kinh phí	Đầu tư trung hạn	2025-2030	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Để phục vụ công tác đào tạo, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội có Thư viện lớn với tổng diện tích 1.152m² trong đó có: 02 phòng đọc, 02 phòng lưu trữ thông tin, sách báo, giáo trình 300m², 01 phòng tra cứu, mượn trả và quầy thông tin, góc trưng bày, giới thiệu tài nguyên thông tin và các khu phụ trợ khác phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Phòng đọc được bố trí lên đến 150 chỗ ngồi, đảm bảo định mức 2,4 m²/01 chỗ, khu hành chính nghiệp vụ đảm bảo đủ diện tích để cán bộ Thư viện làm việc và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ thư viện. Sơ đồ bố trí hệ thống thư viện trường được sắp xếp, bố trí hợp lý phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tại các phòng chức năng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu được kiểm kê, thay mới, sửa chữa hàng năm để phục vụ hoạt động như quạt trần, quạt thông gió, giá kệ để sách, bàn ghế; phòng làm việc của cán bộ thư viện được trang bị máy điều hòa không khí, máy tính, máy in. Hệ thống mạng wifi phục vụ truy cập khai thác

các tài nguyên Thư viện. **[H9.09.02.01], [H9.09.02.02].**

Để đảm bảo cho công tác vận hành, Thư viện có quy định hoạt động thư viện trong đó có quy định về thẻ thư viện, quy định mượn sách, quy định sử dụng máy tính thư viện, quy định phòng đọc; hướng dẫn đọc tài liệu tại chỗ; hướng dẫn mượn tài liệu về nhà, hướng dẫn tra cứu trực tuyến... được đặt ngay tại khu vực tra cứu; văn bản hướng dẫn quy trình tra cứu tại quầy thông tin và sổ theo dõi việc sử dụng tài liệu của bạn đọc tại thư viện **[H9.09.02.03].**

Thư viện có đầy đủ học liệu bao gồm: giáo trình, tài liệu, sách tham khảo được xuất bản theo đúng các quy định về sở hữu trí tuệ phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tính đến tháng 12/2024, tài liệu phục vụ bạn đọc là 2587 đầu sách, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung. Thư viện cũng lưu trữ đầy đủ hệ thống đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo. Việc quản lý nguồn tài liệu, học liệu tại Thư viện được lưu trữ bằng 02 hình thức: truyền thống (sổ theo dõi nhập, sổ phân loại) và đổi mới (tổng hợp theo dõi trên máy tính). **[H9.09.02.04], [H9.09.02.05].**

Hàng năm, Thư viện phối hợp với các đơn vị chuyên môn trong việc tu bổ tài liệu, bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo, xây dựng kế hoạch xuất bản mua giáo trình, sách tham khảo phục vụ người học. Sau khi bổ sung thêm nguồn tài liệu, Thư viện thông báo chi tiết các tài liệu mới tới toàn thể Cán bộ và Sinh viên được biết đến tham khảo và nghiên cứu. Ngoài ra, các tài liệu nội sinh được Thư viện thu nhận, phân loại và đưa vào phục vụ bạn đọc như: Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên đại học; Luận văn Thạc sỹ và Luận án Tiến sỹ,... **[H9.09.02.06], [H9.09.02.07].**

Hàng năm, Thư viện tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam với nhiều chủ đề khác nhau, nhằm khơi dậy tinh thần đọc sách của cán bộ giảng viên, sinh viên, học viên trong nhà trường và được sự ủng hộ nhiệt tình của tất cả các phòng, ban, khoa, bộ môn trong nhà trường. Việc tổ chức được thực hiện có Kế hoạch và Báo cáo kết quả gửi về cơ quan chủ quản. **[H9.09.02.08].**

Thư viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ CBGV và sinh viên về mức độ phù hợp của Thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và

nghiên cứu thông qua hình thức gửi phiếu khảo sát. Các kết quả khảo sát giúp Thư viện có thông tin để đề xuất cập nhật tài liệu, đầu tư CSVC và cải tiến các dịch vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, để tăng cường nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu Thư viện có trao đổi xuất bản phẩm với một số đơn vị. [H9.09.02.09], [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường được bố trí đầy đủ các phòng chức năng, với nguồn học liệu phong phú bao gồm cả tài liệu in và tài liệu điện tử, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và sinh viên. Tài liệu của Thư viện thường xuyên được cập nhật, bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên. Thư viện thường xuyên khảo sát sự hài lòng của bạn đọc để nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện đáp ứng công tác đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có phòng đọc được trang bị điều hòa phục vụ bạn đọc. Nguồn học liệu khác, trong đó có học liệu bằng tiếng nước ngoài hiện có tại Thư viện để phục vụ cho bạn đọc còn chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đầu tư kinh phí trang bị thêm một số CSVC như: điều hòa phòng đọc, tủ trưng bày sách, máy tính khai thác tài nguyên thư viện	Phòng Quản trị Thiết bị; phòng Kế hoạch tài chính	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác tốt công năng sử dụng cơ sở vật chất đang hiện có;	Thư viện	Hàng năm	

		Nghiên cứu, tìm hiểu thêm về các nguồn tài liệu, học liệu trong và ngoài nước để làm phong phú nguồn học liệu tại Thư viện			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu gồm: Nhà thí nghiệm thể chất diện tích 750 m², diện tích sàn xây dựng 1400 m², được bố trí đầy đủ các phòng học thực hành phục vụ chương trình đào tạo như: tin học, ngoại ngữ, Y học TDDT, các phòng trưng bày mô hình, các phòng thí nghiệm, phòng golf 3D [H9.09.03.01] Ngoài ra, đối với trường đào tạo đặc thù Giáo dục thể chất, hệ thống sân tập, nhà tập, nhà thi đấu cũng là nơi thực hành - hệ thống này đạt tiêu chuẩn tập luyện và thi đấu gồm: Nhà thi đấu đa năng, nhà tập đa năng, sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền và các sân phụ trợ khác... [H9.09.03.02].

Với mục tiêu hàng đầu là đảm bảo chất lượng đào tạo, các phòng, thí nghiệm thực hành phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu được trang bị đầy đủ máy, trang thiết bị hiện đại các phòng học được trang bị máy chiếu, màn chiếu, đèn, quạt trần và hệ thống âm thanh, màn hình hiển thị, bàn ghế, điều hòa...đảm bảo đáp ứng các yêu cầu. Các trang thiết bị này được trang bị phù hợp với các hoạt động đào tạo, cụ thể:

- 03 phòng thực hành tin học gồm 95 máy vi tính được kết nối internet, 02 phòng thực hành ngoại ngữ trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, có cabin riêng và 01 máy chủ cho giáo viên;

- Hệ thống phòng thí nghiệm Y sinh được trang bị đầy đủ: bộ xương người thật, các loại mô hình xương, cơ, nội tạng người, các thiết bị như đèn chiếu, kính hiển vi, các máy đo chỉ số huyết áp, tim mạch. máy đo lực tay, chân, máy chụp X quang phục vụ cho việc nghiên cứu trong luyện tập và ứng dụng thể dục thể thao; phòng tập đa năng được trang bị xe đạp điện tử, máy tập, máy chạy bộ, ...cho sinh viên luyện tập thể lực;

- Hệ thống sân tập, nhà tập, nhà thi đấu phục vụ các môn học như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng rổ, điền kinh, tennis ... được trang bị đầy đủ dụng cụ luyện tập như: thảm nhảy cao, thảm sàn nhà thi đấu, các loại xà đơn xà kép, thảm tập võ, cột cầu lông, bàn bóng bàn...[H9.09.03.03].

- Bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, công tác hướng dẫn sử dụng để phát huy công năng và sử dụng hiệu quả trang thiết bị luôn được coi trọng, do vậy, nhà trường đã xây dựng và ban hành các hướng dẫn sử dụng, nội quy, quy định của phòng thí nghiệm, thực hành các tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng chức năng đều được công khai [H9.09.03.04].

Phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch và hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, thiết bị, trong đó luôn ưu tiên các trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành.

Để đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa, tăng cường trang thiết bị ngày càng đầy đủ, hiện đại, hàng năm Nhà trường thông qua đề xuất của các đơn vị chức năng tổ chức mua sắm mới máy móc, trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, thực hành. [H9.09.03.05].

Đặc biệt, năm 2023 tại Quyết định số 2381/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt dự án “Tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu cho Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội”, với kinh phí đầu tư gần 22 tỷ đồng. Thực hiện dự án, Nhà trường được trang bị bổ sung đầy đủ các trang thiết bị để phục vụ thực hành đảm bảo cung cấp hạ tầng thông tin, kết nối

internet phục vụ thời điểm hiện tại cũng như khả năng mở rộng, nâng cấp khi tăng quy mô đào tạo dẫn đến tăng số lượng phòng thực hành. Các hệ thống được đầu tư bổ sung gồm: phòng máy chủ; 03 phòng đa năng đào tạo tin học-ngoại ngữ; 01 phòng trực tuyến thông minh; 03 phòng máy vi tính trang bị đủ bàn ghế, màn hình hiển thị, bộ máy tính, loa, micro, webcam... ; các trang thiết bị cho Hội trường đa năng phục vụ hội thảo, hội nghị, họp trực tuyến đông người; Phần mềm với đầy đủ các phân hệ phục vụ việc quản trị đại học ...**[H9.09.03.06]**.

Thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn với mục đích các môn học ngoài trời không bị ảnh hưởng bởi thời tiết và chuẩn hóa hiện đại nơi thực hành, nhà trường đã trình và được Bộ giáo dục và Đào tạo Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Nhà tập thể thao đa năng ...**[H9.09.03.07]**.

Để đảm bảo hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành vận hành tốt, Nhà trường đã phân cấp quản lý cho từng phòng, khoa, đơn vị đảm bảo mỗi đơn vị ít nhất có 01 lãnh đạo và 01 người chuyên phụ trách về quản lý tài sản, CSVC trang thiết bị, Ngoài ra, nhà trường bố trí nhân viên kỹ thuật phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành hỗ trợ mỗi khi có sinh viên, cán bộ và giảng viên sử dụng cần ...**[H9.09.03.08]**. Bên cạnh đó, nhà trường thông qua Sổ theo dõi tần suất sử dụng trang thiết bị và thông qua lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị để điều chỉnh kịp thời những hạn chế phát sinh...**[H9.09.03.09]** Theo báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của GV và sinh viên về CSVC, trang thiết bị các năm từ 2020 đến 2024 cho thấy hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, sân bãi dụng cụ tập ở mức hài lòng là từ 80- 90%. **[H9.09.03.10]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã trang bị đầy đủ cho các phòng thí nghiệm, sân thực hành như: thảm tập, dụng cụ tập luyện, máy tính và các máy văn phòng, hệ thống công nghệ thông tin... và được thường xuyên đánh giá, kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt. Các phòng thực hành, sân tập đều có nội quy quản lý, sử dụng đầy đủ đảm bảo hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại:

Hệ thống sân tập, nhà tập một số hạng mục xuống cấp chưa đủ kinh phí đầu tư sửa chữa kịp thời đôi khi còn làm ảnh hưởng đến phục vụ giảng dạy và học tập. Tại một số thời điểm, hệ thống loa máy, âm thanh phòng học chưa phục vụ tốt người học.

4. Kế hoạch hành động:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Áp dụng phần mềm thống kê, quản lý hư hỏng, cập nhật, sửa chữa kịp thời, đầu tư trang thiết bị theo mục tiêu cải tiến chất lượng giảng dạy	Phòng QLĐT- KH& HTQT; Các Khoa	2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn, ngắn hạn Mua sắm, cập nhật bổ sung hàng năm	Phòng QTTB, Phòng KHTC,	2025-2029 Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), bao gồm: hệ máy chủ (server), hệ thống máy tính tại các phòng làm việc của các đơn vị (65 máy), 02 phòng máy phục vụ học tập của sinh viên với 60 máy tính, các phần mềm, hệ thống mạng

internet với 6 gói thuê bao đường truyền tốc độ cao phục vụ cho truy cập internet của CBGV trong toàn trường và có trang thông tin điện tử của trường tại địa chỉ www.hupes.edu.vn nhằm cung cấp các thông tin cần thiết cho GV và SV để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu **[H9.09.04.01]**.

Ngoài hệ thống máy tính, phần mềm, mạng internet phục vụ công tác quản lý và công tác chuyên môn, để đảm bảo hỗ trợ người học và giảng viên trong tra cứu và học tập trực tuyến, nhà trường đã tiến hành lắp đặt wifi tại các khu vực giảng đường, Nhà thí nghiệm thể chất, Hội trường... **[H9.09.04.02]**.

Năm 2022 Trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt Dự án “Tăng cường trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu cho Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội” tại Quyết định số 2381/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2022. Hiện dự án đã được bàn giao cho Trường sử dụng vận hành phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Để tăng hoạt động hiệu quả phòng máy chủ Nhà trường đã đầu tư hệ thống cáp quang nội bộ nối mạng từ phòng máy chủ đến hệ thống các phòng ban, khoa, bộ môn. **[H9.09.04.03]**.

Để hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin hệ thống mạng máy tính của Trường và ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng CNTT, bao gồm bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa. **[H9.09.04.04], [H9.09.04.05]**.

Ngoài ra, để hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Nhà trường đã ban hành Quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội **[H9.09.04.06]**.

Công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống CNTT phục vụ hỗ trợ công tác dạy và học tập được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. **[H9.09.04.07], [H9.09.04.08]**.

Để làm căn cứ nâng cao chất lượng phục vụ, hàng năm Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của GV, người học về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Kết quả đánh giá của GV và người học cho thấy, trên 80% người được hỏi hài lòng với chất lượng của hệ thống thông tin.

[H9.09.04.09].**2. Điểm mạnh**

Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ từ phòng máy chủ, máy tính các đơn vị, đến hệ thống mạng LAN, Cổng thông tin của trường đảm bảo hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; Hạ tầng mạng internet đảm bảo, đội ngũ kỹ thuật phản hồi kịp thời khi có sự cố.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống CNTT của Nhà trường mặc dù được quản lý, cập nhật, tuy nhiên tính hiệu quả chưa cao, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, tất cả đều là kiêm nhiệm và không có đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực CNTT.

Hệ thống CNTT còn chưa đồng bộ và toàn diện giữa toàn trường, chưa có Internet miễn phí cho sinh viên dẫn đến sự liên kết giữa người học còn một số hạn chế.

Việc bảo trì, sửa chữa các lỗi mạng truy cập thông tin nhà trường có lúc, có nơi còn chậm phần nào ảnh hưởng đến chất lượng quản lý đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên cải tiến, nâng cấp hệ thống mạng, đảm bảo yêu cầu về tốc độ và tính bảo mật của hệ thống. Chuẩn hóa các hoạt động CNTT của đơn vị, ban hành quy trình cụ thể để thuận tiện theo dõi và thực hiện.	Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội		

2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tốt hệ thống CNTT hiện có từ dự án đầu tư phục vụ chuyển đổi số nhằm tăng cường CSVC thiết bị công nghệ thông tin cho Nhà trường để nâng cao quản lý, giảng dạy và nghiên cứu đáp ứng thời đại công nghệ 4.0	Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội	Năm 2025	
---	--------------------	---	------------------------------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội có diện tích sử dụng là 143.477m², trong đó có 1 tòa nhà điều hành trung tâm 9 tầng, 1 nhà thí nghiệm thể chất, 1 Trạm y tế, 9 dãy nhà KTX cao tầng, 1 nhà ở cán bộ sỹ quan, 1 nhà thi đấu đa năng, 1 nhà tập luyện TĐTT, 1 nhà thư viện, 2 giảng đường, 1 sân bóng đá cỏ nhân tạo tiêu chuẩn thi đấu, 1 sân điền kinh tiêu chuẩn thi đấu, 2 sân tennis, 5 sân bóng chuyền, 2 sân bóng rổ, 1 bể bơi tiêu chuẩn thi đấu, 02 nhà xe, nhà ăn SV còn lại là đường đi và diện tích trồng cây xanh **[H9.09.05.01]**. Có thể nói, diện tích chung của Trường rộng rãi, môi trường thoáng mát, với diện tích rộng lớn cùng với nguồn lực hiện có về con người, CSVC,... đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của người học.

Nhà trường có các văn bản quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường (bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) cho cán bộ, GV, người học bằng việc ban hành Quy định đảm bảo công tác Y tế trong trường học **[H9.09.05.02]**, Nội quy an toàn lao động **[H9.09.05.03]**, Nội quy, quy định về công tác Phòng cháy chữa cháy

và Cứu nạn cứu hộ **[H9.09.05.04]** nhằm hướng đến việc xây dựng một môi trường giáo dục sư phạm an toàn, thân thiện, lành mạnh.

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn bằng những hành động cụ thể:

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và sinh viên, Nhà trường có Trạm Y tế riêng, với diện tích sàn xây dựng 1650 m², diện tích đất xây dựng 550 m², chiều cao 3 tầng với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu sơ cấp cứu kịp thời của SV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Nhà trường thành lập ban chăm sóc sức khỏe CB, GV, SV **[H9.09.05.05]** hàng năm, xây dựng kế hoạch công tác chăm sóc sức khỏe, y tế cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ y tế đảm bảo công tác khám sức khỏe cho cán bộ, giảng viên, công nhân nhân viên và sinh viên nhà trường theo quy định **[H9.09.05.06]**.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho CBGV SV là trách nhiệm của Trạm Y tế trường. Trạm y tế với nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBGV, SV trong toàn trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại Nhà ăn và phối hợp với Trung tâm Y tế Dự phòng thường xuyên kiểm tra An toàn vệ sinh thực phẩm, nguồn nước của trường. Phối hợp tổ chức triển khai khám sức khỏe hàng năm cho CBGV, khám và chữa các bệnh thông thường cho sinh viên. Trạm y tế thực hiện tốt công tác quản lý hồ sơ sức khỏe, sổ Y bạ của CB, GV SV, sổ cấp phát thuốc. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và y tế trường học luôn được Trạm y tế của trường thực hiện tốt **[H9.09.05.07]**.

Để đảm bảo công tác phòng chống thiên tai, bão lụt và phòng cháy - chữa cháy, Nhà trường thành lập Ban chỉ huy và đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ **[H9.09.05.08]** có phương án hoạt động và trang thiết bị theo quy định. Nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC Hà Nội tập huấn cho CB, GV, SV về kiến thức, pháp luật PCCC, thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục ngay những thiếu sót về PCCC tại cơ sở. Hàng năm tổ chức tự thực tập các phương án với sự giám sát của lực lượng cảnh sát PCCC. Trong những năm qua, không có sự cố mất an toàn về người và tài sản do cháy nổ **[H9.09.05.09]**.

Công tác vệ sinh môi trường luôn được Nhà trường quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là an toàn vệ sinh trong KTX sinh viên. Hàng ngày Trạm Y tế thường xuyên kiểm tra

vệ sinh an toàn thực phẩm, nguồn thực phẩm đầu vào tại Nhà ăn; Định kỳ kiểm tra an toàn vệ sinh tại các kiot bán hàng **[H9.09.05.10]**. Qua các đợt kiểm tra có sự tham gia của Trung tâm Y tế dự phòng huyện và các đơn vị có liên quan cho thấy môi trường và vệ sinh trong toàn trường được đảm bảo. Định kỳ hàng năm Nhà trường đều tiến hành phun thuốc diệt côn trùng cho toàn bộ khu làm việc, ký túc xá và các khu vực xung quanh trường **[H9.09.05.11]**. Báo cáo công tác vệ sinh y tế trường học các năm cho thấy Nhà trường đều đảm bảo yêu cầu vệ sinh trường học theo yêu cầu **[H9.09.05.12]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ phân công trực 24/24h bảo đảm an toàn về người và tài sản cho CB, GV, người học. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng chức năng nhiệm vụ của Bảo vệ được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động nhà trường. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị công an xã, huyện và thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường. **[H9.09.05.13]**.

Nhà trường thực hiện lấy dữ liệu phản hồi từ người học về việc đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn. năm học 2023-2024 có 75,91% sinh viên phản hồi ở mức hài lòng trở lên. **[H9.09.05.14]**.

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn được nhà trường quan tâm chú trọng xác định và triển khai có hiệu quả trong toàn trường.

3. Điểm tồn tại:

Việc hỗ trợ nhu cầu người khuyết tật chủ yếu tập trung hỗ trợ SV bị chấn thương trong quá trình học tập, thi đấu mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học tầng 1.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục	Tham mưu xây đường dốc	Phòng	Khắc	

	tồn tại	các lối đi lên mỗi tòa nhà dạy học giúp cho SV chấn thương dễ dàng di chuyển vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người xung quanh.	QTTB	phục tồn tại	
2	Phát huy điểm mạnh	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện việc đảm bảo an toàn, sức khỏe cho GV, SV.	Trường	Phát huy điểm mạnh	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống giảng đường, sân tập, nhà tập, phòng thí nghiệm, thực hành và cơ sở vật chất khác đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động đào tạo và NCKH. Các phòng, Khoa có hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ quản lý, điều hành góp phần tăng cường hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường có hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin như: phòng máy chủ, các máy tính, phòng trực tuyến, phòng bảo vệ luận văn, luận án...để phục vụ cho công tác đào tạo đại học và sau đại học.

Thư viện khang trang, có phòng đọc, khu lưu trữ sách báo riêng biệt. Quản lý hệ thống tài liệu một cách khoa học và tạo điều kiện tốt nhất cho người sử dụng; có đủ tài liệu, học liệu phục vụ việc nghiên cứu của học viên.

Công tác hỗ trợ người học như: ban cố vấn, tổ chức các hội nghị khoa học, thảo luận chuyên đề được triển khai; các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh, cảnh

quan môi trường được thực hiện tốt.

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội có môi trường cảnh quan sạch, đẹp và an toàn. Công tác đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, kiểm soát và ứng phó với dịch bệnh, công tác khám chữa bệnh được tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

Điểm tồn tại, hạn chế

Hệ thống sân tập, nhà tập một số hạng mục xuống cấp chưa đủ kinh phí đầu tư sửa chữa kịp thời đôi khi còn làm ảnh hưởng đến phục vụ giảng dạy và học tập; một số trang thiết bị chuyên sâu phục vụ nghiên cứu khoa học và giảng dạy cho học viên sau đại học còn chưa cập nhật theo các chương trình đào tạo tiên tiến.

Thư viện của Nhà trường cần có liên kết nhiều hơn với thư viện của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để gia tăng nguồn học liệu cho học viên.

Kết quả cải tiến từ thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và một số nhu cầu về sửa chữa mặc dù được thực hiện đầy đủ tuy nhiên chưa đạt tính kịp thời.

Kế hoạch hành động:

Tiếp tục đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị khang trang, hiện đại; Hoàn thiện việc đầu tư phòng băng hình, phòng LAP và một số thiết bị Y sinh phục vụ nghiên cứu; cải tiến khâu sửa chữa, mua sắm đảm bảo tính kịp thời.

Tăng cường liên kết nhiều hơn với thư viện của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để gia tăng nguồn học liệu cho học viên.

Tiếp tục khai thác nguồn kinh phí từ Bộ chủ quản, các dự án khác để tiến tới đầu tư thêm một số các môn học thực hành học trong nhà để một số môn học không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí; trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng giáo dục và đào tạo là yếu tố quan trọng của một cơ sở giáo dục. Chất lượng giáo dục và đào tạo được thể hiện qua các sản phẩm đào tạo đáp ứng mục

tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã đưa ra, đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu của xã hội. Do vậy, nâng cao chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm và đặt lên hàng đầu.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường luôn tham vấn các ý kiến phản hồi các bên liên quan. Năm 2018, Nhà trường Ban hành Quy định về công tác Đảm bảo chất lượng đào tạo Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội **[H10.10.01.01]**. Văn bản quy định về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, trong đó quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học, cán bộ giảng viên và khảo sát ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động. Quy định nêu rõ trách nhiệm của các phòng, khoa, bộ môn, Trung tâm liên quan đến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và của nhà tuyển dụng (Điều 12 chương 3). Năm 2021, Nhà trường ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó mở rộng đối tượng lấy ý kiến gồm: chuyên gia, viên chức quản lý, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp; mở rộng nội dung lấy ý kiến phản hồi (Điều 5). Văn bản xây dựng quy trình tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan có 7 bước (Điều 7) và quy định rõ trách nhiệm của các bên liên quan đến hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi (Điều 8) **[H10.10.01.02]**.

Năm 2020 và 2022, Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT **[H10.10.01.03]**, **[H10.10.01.04]**; xây dựng hướng dẫn rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ **[H10.10.01.05]**, **[H10.10.01.06]**. Để thực hiện quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan với hình thức khảo sát bằng phiếu hỏi và khảo sát online **[H10.10.01.07]**, **[H10.10.01.08]**; phiếu hỏi gồm nhiều câu hỏi với các thang đo khác nhau, tập trung các nội dung về chuẩn đầu ra, cấu trúc CTĐT và một số nội dung khác **[H10.10.01.09]**. Các phiếu khảo sát được xử lý và tổng hợp thành Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT năm 2020

và năm 2022 [H10.10.01.10], [H10.10.01.11].

Trên cơ sở báo cáo tổng hợp ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT, Nhà trường tiến hành họp Hội đồng Khoa học đánh giá, phân tích và tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.12], [H10.10.01.13]. Cụ thể:

- Năm 2020: Điều chỉnh số tín chỉ từ 126 tín chỉ lên 132 tín chỉ, bổ sung CĐR ngoại ngữ và tin học theo quy định. Với CĐR bổ chứng nhận Nghiệp vụ công tác đoàn đội. Xây dựng quy định đánh mã học phần cho các môn học trong chương trình. Thay đổi một số học phần, bổ sung thêm chuyên ngành Y học TDTT và bổ sung các học phần vào chương trình: Lý luận thể thao quần chúng, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong giáo dục, môn Golf và PP giảng dạy... Đổi tên một số học phần cho phù hợp, giảm bớt một số học phần, gộp 03 học phần “Võ cổ truyền và PP giảng dạy, võ Taekwondo và PP giảng dạy, Karate và PP giảng dạy” thành 01 học phần “Võ thuật và PP giảng dạy”; chuyển học phần tiếng anh chuyên ngành 1, 2 và Y học TDTT về phần kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

- Năm 2022: Tăng thời lượng cho các môn chuyên ngành (chuyên sâu). Đổi tên học phần: "Lý luận & Phương pháp Thể dục thể thao 1" thành "Lý luận và Phương pháp Giáo dục thể chất 1"; học phần: "Lý luận & Phương pháp Thể dục thể thao 2" thành "Lý luận và Phương pháp Giáo dục thể chất 2"; học phần "Lý luận thể thao thành tích cao" thành "Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao"; học phần "Giải phẫu TDTT" thành "Giải phẫu học TDTT"; học phần “Toán thống kê trong TDTT” thành “Phương pháp toán học thống kê trong TDTT”.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo; Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai có hiệu quả hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm giảng viên, người học, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). Thông tin phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường sử dụng để thiết kế và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng nhà sử dụng lao động tham gia ý kiến đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường chưa nhiều. Do vậy, cơ sở dữ liệu thu thập được thông qua ý kiến

phản hồi của người sử dụng lao động còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch mở rộng phạm vi và tăng số lượng lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động đối với chất lượng đào tạo của SV tốt nghiệp.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CDR, CTĐT.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; khoa/bộ môn	Theo định kỳ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 10.2: việc thiết kế và phát triển ctdh được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Theo quy định của Nhà trường, CTDH ngành GDTC được định kỳ điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan sau mỗi năm học. CTDH ngành GDTC nói riêng và các CTDH của nhà trường được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Trước năm 2018, Quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH được thực hiện theo

quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ngành GDTC thực hiện theo điều 6, điều 7 và điều 8 của quy định này. Trên cơ sở đó năm 2020 và 2022, Trường đã xây dựng và ban hành Quyết định xây dựng, rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, trong đó quy định rõ các bước thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị liên quan **[H10.10.02.01]**.

Năm 2020, 2022, Trường thực hiện triển khai kế hoạch, Ban hành Quyết định thành lập Ban rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTDH, trong đó vẫn giữ nguyên các bước thực hiện quy định, tuy nhiên có điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các biểu mẫu về Chương trình đào tạo, mẫu bản mô tả chương trình đào tạo, mẫu đề cương chi tiết học học phần **[H10.10.02.02]**, **[H10.10.02.03]**. Quá trình rà soát được triển khai theo các bước:

- + Thành lập Ban chỉ đạo, các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT.
- + Xây dựng kế hoạch rà soát
- + Xây dựng bộ công cụ khảo sát các bên liên quan
- + Khảo sát các bên liên quan về CDR và CTĐT; Xử lý kết quả khảo sát
- + Cập nhật, chỉnh sửa CDR và CTĐT sau khảo sát; Đối sánh CTĐT đã xây dựng với ít nhất 1 trường trong nước hoặc Quốc tế
- + Hội đồng KH&ĐT trường thẩm định CDR và CTĐT
- + Tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định
- + Phê duyệt CDR và CTĐT
- + Cập nhật, điều chỉnh, ĐCCT cá học phần theo CDR các học phần trong CTĐT
- + Hoàn thiện và ban hành CTĐT

Trên căn cứ kế hoạch kế hoạch, Ban hành Quyết định thành lập Ban rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTDH, Nhà trường triển khai lấy ý kiến khảo sát các khoa, Bộ môn, Trung tâm, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên; các bên liên quan về CTDH **[H10.10.02.04]**. Đồng thời so đối sánh CTĐT trình độ đại học ngành GDTC của Nhà trường với trường ĐHSP TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, trường ĐHTDTT Thượng Hải, Trung Quốc năm 2020 và trường ĐHTDTT Bắc Ninh, trường ĐHTDTT Đà Nẵng năm 2022 **[H10.10.02.05]**

Căn cứ vào kết quả khảo sát, đối sánh CTĐT, Hội đồng khoa học thông qua [H10.10.02.06], Nhà trường ra quyết định ban hành CTĐT trình độ Đại học theo hệ thống tín chỉ giai đoạn 2020 – 2022 **[H10.10.02.06]**.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng chương trình GDPT 2018 và thực tiễn hiện nay, trong mỗi học kỳ, Nhà trường giao nhiệm vụ cho các khoa, bộ môn, Trung tâm phân công giảng viên rà soát, chỉnh sửa đề cương học phần của khoa, Bộ môn, Trung tâm năm học 2020 – 2022 **[H10.10.02.07]**. Bên cạnh đó, Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của SV và cựu sinh viên sau tốt nghiệp, nhà tuyển dụng lao động về CTDH. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp, căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm về CTDH, Nhà trường và Khoa đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội **[H10.10.02.08]**. Đồng thời, thông qua những ý kiến của chuyên gia đầu ngành, những hội thảo do khoa kết hợp với đơn vị khác tổ chức, gắn lý luận và thực tiễn về CTĐT ngành GDTC để phù hợp hơn với nhu cầu của xã hội. Dựa vào các phân tích, thảo luận và đánh giá ở trên, CTĐT ngày càng tiệm cận với yêu cầu xã hội hơn, đáp ứng kịp thời các tiêu chí chuẩn nghề nghiệp của SV khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, trong xây dựng và phát triển CTĐT ngành GDTC cần bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Việc xây dựng ĐCCT các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Quy trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần; Khoa/Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Căn cứ vào kết quả rà soát, điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật, Nhà trường ban hành Đề cương học phần trong chương trình ĐT **[H10.10.02.09]**, Thông tin về chương trình khóa học trình độ đại học ngành GDTC được phổ biến rộng rãi cho CB, GV, NLD và sinh viên toàn trường **[H10.10.02.10]**.

Cải tiến quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học đã được nhà trường triển khai thực hiện. Căn cứ khoản 10 Điều 2 Thông tư 12 Quy định Chương trình dạy học (Curriculum) của một chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần;

nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần. Điều đó cho thấy, chương trình dạy học là nội dung quan trọng cần xây dựng quy trình thiết kế và phát triển để đáp ứng yêu cầu. Từ căn cứ trên năm 2020 nhà trường ban hành hướng dẫn, rà soát đánh giá và cập nhật chương trình dạy học ngành giáo dục thể chất (Theo hướng dẫn 10/3/2020). Trong quá trình triển khai thực hiện đến năm 2022 nhà trường tiến hành cập nhật, rà soát, bổ sung quy trình thiết kế và cập nhật nội dung quy trình nhằm cải tiến chương trình dạy học đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh đánh giá bổ sung CTDH, đề cương chi tiết học phần và định kỳ được rà soát cập nhật, có sự tham gia của các bên liên quan. Việc đánh giá và cải tiến đã đưa CTĐT của ngành Giáo dục thể chất tiệm cận với yêu cầu xã hội, đáp ứng kịp thời các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp của sinh viên khi ra tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức được các Hội thảo đánh giá sự cải tiến của CTĐT; CTĐT cần có cải tiến rõ rệt hơn thể hiện được sự phù hợp cao hơn với Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn GDTC.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tổ chức hội thảo đánh giá sự cải tiến của một số học phần trong CTĐT. Từ đó, điều chỉnh một số điểm chưa phù hợp. Trường chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTĐT. Việc cải tiến và phát triển CTĐT sẽ được căn cứ theo chiến lược của Trường và ý kiến phản hồi của các bên liên quan đáp ứng cao hơn nữa	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
		trình GDPT 2018 môn GDTC		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy trình rà soát, cập nhật, điều chỉnh đánh giá bổ sung CTDH, đề cương chi tiết học phần và định kỳ được rà soát cập nhật, có sự tham gia của các bên liên quan để phù hợp với các quy định, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành nhiều văn bản quy định cụ thể gồm: Quy chế đào tạo đại học nhằm tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, trong đó quy định một số về nội dung cụ thể: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên [H10.10.03.01]. Quy chế làm việc của giảng viên nhằm tạo cơ sở để đánh giá công tác hằng năm của giáo viên để đảm bảo chất lượng giảng dạy cũng như hoàn thành các công tác được giao [H10.10.03.02]. Bên cạnh đó, nhà trường có văn bản quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong đó có quy định kiểm tra, giám sát quá trình dạy học của giảng viên, phòng đào tạo phối hợp các khoa kiểm tra quá trình dạy học lên lớp của giảng viên. Trong quy chế đào tạo có quy định kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động dạy học của học sinh theo

quy định của Bộ GD&ĐT và quy chế đào tạo của nhà trường. việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, trong CTĐT đang triển khai, chỉ rõ các phương pháp dạy và học, hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, bài tự học, đánh giá giữa kỳ và thi cuối kỳ ... đảm bảo sự tương thích với CDR của CTĐT và của HP.

Theo chu kỳ, năm 2020 và 2022 Nhà trường xây dựng và ban hành và triển khai kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới CTĐT nhằm hoàn thiện và chuẩn hóa các CTĐT. Định kỳ 02 năm/lần, Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với các Khoa chuyên môn để thực hiện việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh để đổi mới CTĐT. Việc cập nhật, điều chỉnh phải đảm bảo CTĐT được giữ tương đối ổn định cho toàn khóa học. Trong đó quy định cụ thể các bước triển khai từ đó định hướng và điều chỉnh việc biên soạn, rà soát ĐCCTHP nhằm đảm bảo việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh ĐCCTHP tại trường được thực hiện đúng trình tự, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, đồng thời có sự điều chỉnh cần thiết về phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá người học cũng có sự thay đổi **[H10.10.03.03]**.

Quy định kiểm tra đánh giá kết quả học phần nhằm đảm bảo việc tổ chức thi kết thúc học phần được diễn ra nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính khách quan công bằng cho SV, tránh các tiêu cực có thể xảy ra, trong đó quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân trong công tác chuẩn bị và tổ chức kỳ thi: ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, phúc khảo; công bố, lưu trữ, báo cáo và giải quyết khiếu nại về điểm thi; trách nhiệm của cán bộ coi thi và sinh viên dự thi **[H10.10.03.04]**. Trường thường xuyên triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Hoạt động dạy và học được giám sát chặt chẽ thông qua kế hoạch giảng dạy mỗi học kỳ do nhà trường ban hành **[H10.10.03.05]**. Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế sắp xếp thời khóa biểu hợp lý và phù hợp với điều kiện của nhà trường theo dõi kiểm soát việc thực hiện kế hoạch

giảng dạy dựa trên bảng ký xác nhận sau mỗi giờ dạy của giáo viên **[H10.10.03.06]**. Kết thúc mỗi học kỳ đều được phòng chức năng tổng hợp và gửi các khoa rà soát có tổng kết, nhận xét và đánh giá công tác dạy học được ghi nhận thông qua các biên bản họp tổng kết năm học ở các Khoa, Trung tâm **[H10.10.03.07]**. Điều này giúp cho việc quản lý dạy và học được sát sao và chính xác. Bên cạnh đó, hoạt động dự giờ là một kênh giám sát giúp quản lý khoa, bộ môn đánh giá hiệu quả hoạt động dạy của GV, kịp thời góp ý, điều chỉnh để giảng viên cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động dạy **[H10.10.03.08]**

Trong quá trình dạy học, hoạt động đánh giá được thực hiện thường xuyên và liên tục nhằm đảm bảo đạt các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Tất cả các môn học mà SV tích lũy trong suốt quá trình đào tạo (từ khối kiến thức giáo dục đại cương đến khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp) đều được GV tổ chức đánh giá điểm quá trình (30%) và nhà trường tổ chức thi cuối kỳ (70%). Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra, đánh giá và trong đề thi kết thúc học phần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà trường như phải bám sát ĐC môn học, kiến thức cốt lõi và nâng cao nhằm đáp ứng được CDR của từng môn học, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của SV đối với chuyên ngành **[H10.10.03.09]**. Kết quả đánh giá từng học phần của sinh viên được thể hiện qua bảng điểm học phần và bảng điểm tổng hợp kết quả học tập trong học kỳ, năm học. Kết quả xếp loại học tập của SV được tổng hợp trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hằng năm **[H10.10.03.10]**. Việc thống kê xếp loại này là nền tảng để giảng viên nắm được số lượng sinh viên chưa hoàn thành môn học, đồng thời cũng đánh giá quá trình dạy học cần phải điều chỉnh như thế nào cho phù hợp với thực tiễn.

Để phân tích đánh giá loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá mức độ phù hợp, Trường thường xuyên tiến hành khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát SV năm cuối về chất lượng toàn khoá học, trong đó có nội dung lấy ý kiến SV về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá. Bên cạnh đó, hằng năm trường cũng tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại SV để lắng nghe những tâm tư nguyện vọng cũng như những ý kiến, góp ý của sinh viên đối với CTĐT, những quy định và các phương thức, hình thức đánh giá học phần... Kết quả khảo sát, đối thoại

sinh viên sẽ gửi về các khoa, trung tâm và từng GV làm cơ sở cho GV điều chỉnh về các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập **[H10.10.03.11]**, **[H10.10.03.12]**.

Việc rà soát phương pháp kiểm tra đánh giá NH, các hình thức thi kết thúc học phần được rà soát, điều chỉnh và được thể hiện cụ thể trong ĐCCTHP **[H10.10.03.13]**. Các Khoa/bộ môn/GV có nhiệm vụ nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các nội dung rà soát và điều chỉnh được thể hiện cụ thể trong các biên bản rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần **[H10.10.03.14]**.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức được các hội thảo, hội nghị, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội thảo hoặc tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Các khoa, Trung tâm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí: 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn 2019-2023, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và người học của Nhà trường được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức như tham gia nghiên cứu các đề tài KH&CN các cấp [H10.10.04.01], viết bài tham gia các Hội nghị/Hội thảo khoa học chuyên ngành, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước [H10.10.04.02].

Giai đoạn này, hoạt động NCKH luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng và khuyến khích các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện bằng các chế độ, chính sách khuyến khích như tính giờ NCKH, giờ giảng dạy cho cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, hỗ trợ kinh phí cho các nhóm nghiên cứu, các công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế; Công nhận điểm khuyến khích môn học, thưởng điểm tốt nghiệp/chi giải thưởng cho sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải tại các Hội nghị khoa học tại trường và tại các Hội nghị khoa học sinh viên khối các cơ sở đào tạo về lĩnh vực thể dục thể thao [H10.10.04.03].

Là một cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học của Cán bộ, giảng viên và người học Nhà trường có nhiều nội dung nghiên cứu liên quan đến việc dạy và học, trong đó có một số kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy thông qua các giáo trình/ tập bài giảng/ tài liệu tham khảo [H10.10.04.04]; được phổ biến tại các Hội nghị, Hội thảo khoa học [H10.10.04.05]; Có một kết quả nghiên cứu tiêu biểu được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học [H10.10.04.06], được chuyển giao kết quả nghiên cứu về các đơn vị sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng

viên và hoạt động học tập của người học **[H10.10.04.07]**.

Ngoài việc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên NCKH, viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị/hội thảo khoa học chuyên ngành, việc biên soạn các giáo trình, tập bài giảng các môn học, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo cũng được coi là một hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường và được tính giờ nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên. Hoạt động này giúp tăng nguồn giáo trình/ tập bài giảng cho giảng viên và học liệu cho người học, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Là một cơ sở giáo dục đại học, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường, các kết quả NCKH của Nhà trường có nhiều nội dung liên quan đến việc dạy và học, được áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập tại trường giúp nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường còn hạn chế do nguồn lực Nhà trường hạn hẹp, chưa thành lập được nhóm nghiên cứu mạnh hay đầu tư trọng điểm vào các đề tài lớn, do vậy, chưa khuyến khích được đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học tham gia nghiên cứu, cũng như chất lượng các đề tài nghiên cứu chưa thực sự cao.

- Kết quả nghiên cứu khoa học của Nhà trường tuy áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập giúp cải tiến việc dạy và học nhưng lại không tạo ra sản phẩm thương mại hóa, không tạo ra doanh thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Để nâng cao chất lượng dạy và học, trong thời gian tới, Nhà trường đã đề ra một số mục tiêu thực hiện như sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Tăng nguồn kinh phí đầu tư cho	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và	Thực hiện từ năm 2024	

	điểm tồn tại	nghiên cứu khoa học	Hợp tác Quốc tế phối hợp với phòng Kế hoạch Tài chính nghiên cứu tham mưu; BGH phê duyệt		
		Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, phấn đấu tạo ra sản phẩm có thể thương mại hóa, tăng nguồn thu cho nghiên cứu khoa học	Nhà trường đặt hàng với các nhóm nghiên cứu các đề tài cơ sở ưu tiên	Thực hiện từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường sự chỉ đạo, giám sát của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị đối với hoạt động NCKH của CB, GV và người học	BGH, HĐT, Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Nhà trường	Tiếp tục thực hiện từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí: 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV và chất lượng CTĐT. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về chất

lượng CTĐT tập trung vào các nội dung như: Mục tiêu, nội dung CTĐT; hoạt động giảng dạy trong khóa học; tổ chức đào tạo và đánh giá sinh viên; tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập; tư vấn hỗ trợ SV và đánh giá chung về khóa học. Trên cơ sở đó, hằng năm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV và đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua hệ thống phản hồi. Việc khảo sát được thực hiện trực tiếp thông qua phiếu khảo sát và có hướng dẫn cụ thể các bước để thực hiện, xử lý số liệu, viết báo cáo và lưu trữ tài liệu. Các Khoa trực thuộc trường triển khai đầy đủ nội dung Kế hoạch khảo sát tới toàn thể SV để thực hiện. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ sinh viên của trường hài lòng về hoạt động tư vấn hỗ trợ sinh viên; tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập rất cao với các nội dung khảo sát đều trên 80% hài lòng và rất hài lòng **[H10.10.05.01]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức Hội nghị đối thoại giữa SV và lãnh đạo Trường và các phòng/ban/khoa để SV đánh giá, phản ánh mức độ đáp ứng các dịch vụ của Trường (dịch vụ giảng đường, ký túc xá, thư viện, phòng thí nghiệm, các chính sách dành cho SV,...). Trên cơ sở ý kiến của SV tại hội nghị, Hiệu trưởng Trường và lãnh đạo các phòng/ban/khoa đã giải đáp những thắc mắc của SV và nghiên cứu thực hiện các giải pháp để đáp ứng yêu cầu của SV **[H10.10.05.02]**.

Trường cũng đã thực hiện đánh giá tổng thể mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin đối với hoạt động đào tạo và NCKH. Đề án xây dựng Thư viện điện tử; Đề án xây dựng nhà đa năng; Đề án Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Trường **[H10.10.05.03]**. Dựa trên những kết quả này, một số cải tiến đã được thực hiện như đầu tư thiết bị mới, cải thiện nâng cấp máy chủ, tốc độ truy cập internet **[H10.10.05.04]**.

2. Điểm mạnh:

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

3. Điểm tồn tại

Một số nhu cầu của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.	Trường	2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá định kỳ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, tiến hành cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.	Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Quản trị thiết bị, Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống để nâng cao chất lượng chương trình đại học, ngoài việc đánh giá việc dạy - học, ứng dụng NCKH, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích thì việc thu thập thông tin phản hồi từ các đối tượng là

SV, GV nhà tuyển dụng cần phải được chú trọng. Do đó trường đã xây dựng cơ chế phản hồi của các bên liên quan theo hệ thống. Theo đó trường đã ban hành quyết định quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế trong việc thiết lập cơ chế thu thập phản hồi của các bên liên quan và chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội **[H10.10.06.01]**.

Nhà trường đã ban hành các Quy định về công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, trong đó quy định về mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi **[H10.10.06.02]**. Quy định nêu rõ công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo định kỳ với nhiều hình thức thu thập như thông qua việc lấy ý kiến trên Google Form, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, điện thoại... sử dụng phần mềm Excel để phân tích dữ liệu khảo sát, viết báo cáo và gửi kết quả khảo sát đến các bên liên quan đề xuất biện pháp và lưu trữ thông tin, dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu. Để vận hành công tác ĐBCL bên trong nhà trường ban hành sổ tay ĐBCL để triển khai tới toàn thể cán bộ, nhân viên, giảng viên và người học của nhà trường nhằm hỗ trợ thực hiện có chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ, công việc, thực hiện các hoạt động về đảm bảo, tự đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo **[H10.10.06.03]**.

Để thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan. Nội dung lấy ý kiến khảo sát gồm các hoạt động giảng dạy của giảng viên các khóa đại học chính quy - thạc sỹ, khảo sát hoạt động phục vụ đào tạo, khảo sát đánh giá của sinh viên trước khi tốt nghiệp, khảo sát tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp 3-6 tháng, khảo sát về chương trình đào tạo, khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng cựu sinh viên đang làm việc tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, khảo sát hiệu quả và chất lượng phục vụ của thư viện, khảo sát hoạt động nghiên cứu khoa học của GV- SV, khảo sát về hoạt động công tác Đoàn và phong trào Thanh niên, khảo sát về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng **[H10.10.06.04]**, **[H10.10.06.05]**, **[H10.10.06.06]**, **[H10.10.06.07]**, **[H10.10.06.08]**, **[H10.10.06.09]**.

Để thiết lập và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng nhà trường đã ban hành

kế hoạch đảm bảo chất lượng các năm học để phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân, đơn vị phụ trách có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao. Là cơ sở để các đơn vị trong trường thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và cải tiến nâng cao chất lượng là minh chứng triển khai các hoạt động ĐBCL, tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài (ĐGN) theo tiêu chuẩn của bộ **[H10.10.06.10]**.

Mỗi học kỳ, của năm học nhà trường và các phòng, khoa phối hợp để tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ; Khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH của giảng viên, sinh viên và hiệu quả chất lượng phục vụ của thư viện nhằm rà soát đánh giá một cách khoa học, khách quan, chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua việc tìm hiểu cảm nhận của những đối tượng tham gia trực tiếp. Kết quả khảo sát là cơ sở để nhà trường xác định nhu cầu, nguyện vọng của các bên liên quan để có những cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, đáp ứng ngày càng tốt hơn **[H10.10.06.11]**, **[H10.10.06.12]**, **[H10.10.06.13]**, **[H10.10.06.14]**, **[H10.10.06.15]**.

Trong quá trình điều chỉnh CTDH, nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về điều chỉnh CDR và chương trình đào tạo **[H10.10.06.16]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan và giao cho các đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Kế hoạch được triển khai hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Các kết quả khảo sát được xử lý, đánh giá và làm cơ sở để cải tiến liên tục, thường xuyên tất cả các hoạt động của trường nhằm duy trì nâng cao chất lượng CTĐT và các hoạt động dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế các công cụ khảo sát còn chưa đồng bộ, chưa có tính hệ thống cao,

việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa thể đối sánh được.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phân tích các thông tin phản hồi về mức độ hiệu quả và mức độ tin cậy của thông tin Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, phục vụ đào tạo, trước khi TN và các đơn vị liên quan	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của trường Định kỳ đánh giá, cải tiến về hoạt động khảo sát các bên liên quan	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo của ngành GDTC được Nhà trường hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, GV, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù

hợp với CDR.

Hoạt động NCKH ngày càng được quan tâm lan toả cả về số lượng và chất lượng các GV, SV các khoa đã tích cực tham gia NCKH. Các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng và lồng ghép vào chương trình giảng dạy các môn học thông qua đề tài, bài viết cho hội nghị, hội thảo luôn được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và người học trong dạy-học và NCKH.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ dựa trên kết quả rà soát và phản hồi của các bên liên quan như cán bộ, giảng viên, nhân viên và SV. Nhà trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí; trong đó cả 06 tiêu chí đều đạt

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nói chung và Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội nói riêng. Hàng năm nhà trường đã thực hiện giám sát việc đạt Chuẩn đầu ra, thời gian hoàn thành chương trình học, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp...Ngoài ra nhà trường cũng triển khai việc

thu thập thông tin, khảo sát, phân tích sự hài lòng của người học, giảng viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động. Qua đó sẽ có các biện pháp, phương án cải tiến chương trình đào tạo cho phù hợp đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo dõi kết quả học tập, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của ngành GDTC và đối sánh trong trường và với các cơ sở giáo dục khác là cơ sở quan trọng để cải tiến chất lượng CTĐT. Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học tập cho sinh viên ngành GDTC được thực hiện theo Quy định về công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy chế công tác sinh viên của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội [H11.11.01.01], H11.11.01.02].

Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế là đơn vị có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng triển khai công tác Đào tạo. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, trong đó xác định một số chỉ tiêu phấn đấu như: tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của sinh viên ngành GDTC trình độ đại học [H11.11.01.03].

Căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên vào cuối mỗi học kỳ, cuối mỗi năm học Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế thống kê số lượng sinh viên, học viên thi lại, học lại, số lượng đủ điều kiện lên lớp và thôi học. Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành GDTC thông qua hệ thống các khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và tiến hành xét kỷ luật đối với những sinh viên vi phạm quy chế [H11.11.01.04]. Bên cạnh đó cuối mỗi học kỳ, Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế sẽ gửi kết quả học tập cho người học và lập hồ sơ xét cảnh báo học vụ đối với sinh viên các khóa [H11.11.01.05].

Căn cứ vào số lượng sinh viên bị cảnh báo học vụ và số sinh viên vi phạm quy chế bị buộc thôi học hàng năm, nhà trường ra quyết định buộc thôi học và lập sổ theo dõi gửi về các đơn vị liên quan [H11.11.01.06].

Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học của sinh viên qua các năm học (Hệ ĐH)

Năm học	Tổng số SV toàn trường	Số SV thôi học	Tỷ lệ %
2018-2019	804	18	2.24 %
2019-2020	976	51	5.23%
2020-2021	1149	60	5.22%
2021-2022	1210	59	4.88%
2022-2023	1307	63	4.82%

Qua bảng 11.1 cho thấy số lượng sinh viên thôi học chiếm tỷ lệ 2,24 đến 5,23% do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó một số sinh viên chưa xác định được mục đích học tập nên còn nghỉ học nhiều. Nhà trường cũng đã tiến hành nhiều biện pháp để giảm tỷ lệ sinh viên thôi học như: phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm với cán bộ lớp, giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình. Ban chủ nhiệm sinh viên, ban cố vấn học tập chủ động tư vấn cho sinh viên.

Căn cứ vào CTĐT từng khóa học Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế sẽ đề nghị thành lập Hội đồng tiến hành xét công nhận tốt nghiệp đối với những sinh viên, học viên đã hoàn thành các học phần theo kế hoạch học tập và hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra kèm theo. Các số liệu liên quan đến việc tốt nghiệp của người học được thể hiện trong báo cáo tổng kết khóa học **[H11.11.01.07]**. Sau khi xét công nhận tốt nghiệp Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế sẽ lập hồ sơ để cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo đúng quy chế đào tạo **[H11.11.01.08]**.

Bảng 11.2. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên qua các năm

Năm	ĐHCQ	ĐHLTCQ	ĐHLT VLVH	Ghi chú
2019	187 (93%)	130 (96.3%)	16 (100%)	
2020	168 (95.5%)	93 (98.9%)	0	
2021	113 (92.6%)	74 (100%)	128 (100%)	
2022	130 (70.7%)	237 (100%)	241 (94.9%)	
2023	193 (65%)	0	213 (100%)	

Qua bảng 11.2 cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên, học viên hàng năm hầu hết đạt từ 90% trở lên. Riêng năm 2022 và 2023 số sinh viên hệ ĐHCQ tốt nghiệp đạt

dưới 70% là do trong khóa có nhiều sinh viên là vận động viên tham gia tập huấn và thi đấu nên chưa hoàn thành các môn học theo kế hoạch. Bên cạnh đó có nhiều sinh viên đã hoàn thành các học phần theo kế hoạch nhưng còn nợ các điều kiện về chuẩn đầu ra như: Tiếng Anh, Tin học, Giáo dục quốc phòng và đăng cấp vận động viên.

Để đảm bảo chất lượng của CTĐT Nhà trường đã ban hành quy định đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của trường [H11.11.01.09]. Căn cứ vào quy định đối sánh, so chuẩn của Nhà trường, phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế thực hiện đối sánh về tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp giữa các khóa học ngành GDTC và đối sánh kết quả tốt nghiệp, thôi học của ngành GDTC với một số trường đại học trong nước [H11.11.01.10], [H11.11.01.11]. Qua đó sẽ thấy được tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp qua các năm, từ đó sẽ có các biện pháp điều chỉnh và cải tiến công tác giảng dạy và đào tạo, nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm được thực hiện liên tục và đồng bộ. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp hàng năm được theo dõi, thống kê đầy đủ, giúp Nhà trường điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Vai trò của cố vấn học tập trong việc hỗ trợ giám sát và cảnh báo cho sinh viên trong học tập còn thụ động, chưa linh hoạt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục cải tiến công tác cố vấn học tập theo hướng chủ động trong việc giám sát tình hình học tập của sinh viên. Đề xuất các biện pháp để	P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc	Từ năm học 2025-2026	

		giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp.	tế		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm.	P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát và theo dõi thời gian tốt nghiệp của sinh viên chính quy ngành Giáo dục thể chất nói riêng và toàn Trường nói chung **[H11.11.02.01]**. Theo quy định công tác đào tạo đại học đang áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thời gian học tập trung bình của sinh viên đại học chính quy ngành Giáo dục thể chất là 4 năm, tối đa là 8 năm **[H11.11.02.02]**.

Hàng năm, vào đầu năm học trong kế hoạch đào tạo của trường ban hành, đều dự kiến thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho các hệ đào tạo đại học chính quy, liên thông đại học **[H11.11.02.03]**.

Căn cứ kế hoạch đào tạo, cuối mỗi học kỳ, Trường và Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế thống kê, quản lý, xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên, kịp thời cảnh báo đến những sinh viên có tiến độ học chậm, nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học **[H11.11.02.04]**. Đồng thời giao nhiệm vụ cho lãnh đạo các đơn vị, cố vấn học tập, Ban chủ nhiệm tìm hiểu nguyên nhân và đề ra các biện pháp hỗ trợ sinh viên kịp thời.

Hàng năm nhà trường tổ chức các đợt xét tốt nghiệp cho sinh viên tùy thuộc vào số lượng sinh viên hoàn thành các học phần theo kế hoạch đào tạo và các điều kiện chuẩn đầu ra tốt nghiệp kèm theo [H11.11.02.05]. Trước mỗi đợt xét công nhận tốt nghiệp, Trường ra Quyết định thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp cho các đợt xét. Sau khi Hội đồng họp xét tốt nghiệp cho sinh viên, Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế có biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp để làm căn cứ ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo đúng quy chế.

Sau mỗi đợt xét công nhận tốt nghiệp Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế tiến hành làm báo cáo tổng kết khóa học, trong đó thể hiện các dữ liệu tuyển sinh đầu vào, số lượng sinh viên theo học đến cuối khóa học, số sinh viên còn nợ môn, số sinh viên nợ các điều kiện chuẩn đầu ra, số sinh viên đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học [H11.11.02.06].

Hàng năm, phòng QLĐT-KH&TQT sẽ tiến hành đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa và đối sánh với Trường DHSP TDTT Thành phố Hồ Chí Minh để từ đó có các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, hạn chế tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp chậm so với kế hoạch đào tạo [H11.11.02.07], [H11.11.02.08].

Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV qua các năm

Trình độ đào tạo	Khóa học	Thời gian tốt nghiệp theo CTĐT thiết kế (năm)	Thời gian tốt nghiệp TB (năm)
Đại học chính quy	2015-2019	4	4.06
	2016-2020	4	4.02
	2017-2021	4	4.03
	2018-2022	4	4.04
	2019-2023	4	4.03
Tỷ lệ chung			4.04

Theo số liệu Bảng 11.3 thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên gần đúng với thiết kế chương trình đào tạo. Đây là tỷ lệ tương đối tốt cho thấy đa số sinh viên ra trường đúng hạn, đồng nghĩa với việc các chính sách quản lý của nhà trường và sự

hỗ trợ sinh viên kịp thời và hiệu quả. Nhà trường chỉ đạo phòng Quản lý đào tạo-KH&HTQT sắp xếp lịch học lại, thi kịp thời song song cùng với học kỳ chính để giúp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn. Các hoạt động này góp phần giảm số thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên đảm bảo sinh viên ra trường đúng hạn.

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được Nhà trường và Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế xác lập và giám sát chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Giáo dục thể chất với các cơ sở giáo dục đại học khác .

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành GDTC của trường với các cơ sở giáo dục đại học khác.	P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì công tác xác định, giám sát tỷ lệ SV theo thời gian tốt nghiệp trung bình hàng năm.	P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp là một trong những nội dung mà Nhà trường đặc biệt quan tâm, giám sát để có cơ sở đối sánh và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội. Do đó, Nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Trường đã phân công Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế là đơn vị theo dõi, liên hệ và khảo sát việc làm của sinh viên **[H11.11.03.01]**.

Căn cứ Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Nhà trường **[H11.11.03.02]**. Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế là đầu mối theo dõi, liên hệ và khảo sát việc làm của sinh viên có việc làm trong vòng 6 tháng đến 12 tháng sau khi tốt nghiệp **[H11.11.03.03]** của sinh viên các khóa đại học chính quy, để thực hiện khảo sát gồm việc lập kế hoạch, tiến hành khảo sát, xử lý dữ liệu, thống kê và làm báo cáo khảo sát, thực hiện lưu trữ báo cáo, theo dõi danh sách SV tốt nghiệp có việc làm/chưa có việc làm để hỗ trợ khi cần thiết.

Hằng năm Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với Trung tâm hỗ trợ Đào tạo và Bồi dưỡng xây dựng kế hoạch tổ chức “Ngày hội việc làm”, tư vấn khởi nghiệp cho sinh viên. Hoạt động này đã giúp sinh viên có dịp tiếp xúc với các doanh nghiệp, người sử dụng lao động và tìm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp **[H11.11.03.04]**. Ngoài ra trên trang thông tin điện tử, facebook, Fanpage của Nhà trường, đăng tải thông tin tuyển dụng việc làm cho sinh viên được cập nhật thường xuyên, giúp sinh viên có thể nhanh chóng tìm được việc làm phù hợp **[H11.11.03.05]**.

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục thể chất đã được Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế tự đối sánh trong trường và đã thực hiện đối sánh tỷ lệ người học có việc làm với trường Đại học TDTT Bắc Ninh, ĐHSP TDTT TP Hồ Chí Minh sau tốt nghiệp giai đoạn 2019 - 2024 để Nhà trường thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng **[H11.11.03.06]**.

Bảng 11.4. Bảng đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp (%)

Đơn vị	Năm/Tỷ lệ có việc làm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	80.93%	94.12%	70.30%	94.40%	95.61%
Trường Đại học Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh	81.33%	82.35	84.08%		74.00%
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	69.89%	67.00%	60.90%	73.10%	78.80%

Từ số liệu ở Bảng 11.4 cho thấy trong khoảng thời gian từ 2019 – 2023, tỉ lệ sinh viên ngành GDTC của Trường có việc làm sau khi tốt nghiệp được duy trì ở mức cao (từ 70.30% trở lên). Trên cơ sở tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm, Nhà trường đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, thông qua đó đưa vào kế hoạch hành động để cải thiện tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, chỉnh sửa CTĐT, đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo ngành GDTC, qua đó tiếp nhận các ý kiến trao đổi của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên, học viên về tính đáp ứng của từng chương trình đào tạo với tiêu chí tuyển dụng của các cơ sở giáo dục, từ đó có cơ sở rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, giúp SV tốt nghiệp có thể tiệm cận với nhu cầu của các đơn vị tuyển dụng **[H11.11.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Thông tin về tỷ lệ có việc làm của sinh viên được xác lập rõ ràng, chi tiết. Nhà trường có thành lập đơn vị hỗ trợ công tác đạo.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khởi nghiệp chưa được chú trọng, việc tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp giữa CTĐT ngành GDTC trong nước và quốc

tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước cùng ngành để đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm.	Phòng P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hệ thống khảo sát dữ liệu và nâng cao hiệu quả chức năng của đơn vị hỗ trợ đào tạo	Phòng ĐT, P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí: 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH của SV luôn được Nhà trường tuân thủ theo quy định về hoạt động KHCN trong các cơ sở GDĐH của Bộ GDĐT, công tác quản lý, thực hiện và giám sát các hoạt động NCKH của Trường giám sát chặt chẽ dựa trên hệ thống các văn bản hướng dẫn quản lý, tổ chức hoạt động NCKH với hệ thống văn bản và hướng dẫn cụ thể và chi tiết **[H11.11.04.01]**.

Hàng năm, phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị sinh viên NCKH cấp trường và trình Ban Giám hiệu phê

duyet. Kế hoạch sau đó sẽ được thông báo về các Khóa, lớp, các đơn vị chuyên môn và SV đăng kí GV hướng dẫn. Danh sách các đề tài SV NCKH đã đăng kí sẽ được Hội đồng khoa học trường tổ chức góp ý cho các đề cương nghiên cứu và phê duyệt lập sách gửi về phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế để phê duyệt **[H11.11.04.02]**. Người học khi tham gia NCKH cấp trường, cấp toàn quốc thực hiện các đề tài được hưởng kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **[H11.11.04.03]**.

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu, phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế xây dựng kế hoạch triển khai, quản lí, điều chỉnh và cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hoạt động NCKH của sinh viên được triển khai với nhiều loại hình phong phú như: tham gia thực hiện đề tài NCKH dành cho sinh viên **[H11.11.04.04]**; đăng ký tham gia và báo cáo khóa luận tốt nghiệp dành cho sinh viên năm cuối **[H11.11.04.05]**; tham gia các sản phẩm khoa học cùng giảng viên **[H11.11.04.06]**, hằng năm sinh viên tham gia NCKH và đã đạt được một số giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học các cấp **[H11.11.04.07]**. Các hoạt động NCKH của SV đã được triển khai hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội và CĐR của CTĐT ngành Giáo dục thể chất.

Hoạt động NCKH của sinh viên đã có tác động tích cực đến cả GV và sinh viên trong học tập và NCKH. Tuy nhiên, việc nghiên cứu đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên ngành GDTC về loại hình nghiên cứu và số lượng với các cơ sở GDĐH khác vẫn chưa được thực hiện. Bảng dưới đây cung cấp thông tin về số đề tài NCKH của SV trong 5 năm gần đây.

Bảng 11.5. Các loại hình, số lượng NCKH của sinh viên

Loại hình NCKH	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Tổng cộng
Đề tài SV NCKH	11	0	16	19	17	63
Các công bố khoa	0	0	1	11	11	23

học của giảng viên có SV tham gia						
Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp	53	27	127	147	125	479
Giải thưởng SV NCKH cấp trường	7	0	11	19	10	47
Giải thưởng sinh viên NCKH cấp toàn quốc	2	0	3	3	2	10

Qua bảng 11.5 cho thấy SV ngành Giáo dục thể chất của Nhà trường giai đoạn từ 2019 – 2024 đã tham gia nghiên cứu: 63 đề tài SV NCKH, 479 đề tài khóa luận tốt nghiệp (trong đó có 47 đề tài đạt giải thưởng cấp trường, 10 đề tài đạt giải cấp toàn quốc khối các cơ sở đào tạo về lĩnh vực thể dục thể thao), công bố 23 bài báo khoa học. Việc tham gia nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển toàn diện của sinh viên, giúp các em mở rộng kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng phân tích và tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo cơ hội học tập và phát triển, góp phần không nhỏ vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

Đặc biệt, Nhà trường tiến hành đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học của người học với các trường có cùng chuyên ngành đào tạo trong khối các cơ sở đào tạo về lĩnh vực TDTT toàn quốc như Trường Đại học Sư phạm TDTT TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh [H11.11.04.08] để có cái nhìn tổng thể và khách quan về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học, nhằm đề ra các định hướng, các giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học, lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH (trong đó có hoạt động NCKH của SV). Kinh phí dành cho hoạt động SV NCKH được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; trong đó phần lớn được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp của nhà nước và nguồn thu học phí hằng năm.

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của sinh viên đã được quy định rõ ràng và được giám sát.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện việc đối sánh về loại hình và số lượng SV NCKH với các cơ sở GDĐH nước ngoài. Số lượng sinh viên tham gia NCKH cùng giảng viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của người học, để tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu.	P.Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế P.KHTC tham mưu, BGH phê duyệt	Từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì có hiệu quả hoạt động NCKH của người học.	P.Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Từ năm 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
			X			

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, làm cơ sở để cải tiến chất lượng, Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình với đầy đủ các công cụ khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi các bên liên quan và giao nhiệm vụ xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng cho từng đơn vị thực hiện **[H11.11.05.01]**.

Hằng năm Nhà trường giao cho các đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch thực hiện

khảo sát sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên về nhiều lĩnh vực hoạt động của Trường như cơ sở vật chất, CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ khác từ đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng CTĐT; mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT; Nội dung chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy; khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT; chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; CSVC của Nhà trường,... được phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo, làm cơ sở để nhà trường thực hiện điều chỉnh cải tiến căn tiến chương trình đào tạo [H11.11.05.04], [H11.11.05.05].

Bảng 11.6. Mức độ hài lòng của sinh viên về công tác phục vụ đào tạo

ST T	Nội dung phản hồi	2019	2020	2021	2022	2023
1	Chương trình đào tạo	86.07	93.36	87.36	88.85	94.96
2	Đội ngũ giảng viên	88.45	97.18	89.15	84.25	96.12
3	Tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo	83.81	96.90	87.14	87.71	94.50
4	Kiểm tra đánh giá	87.19	97.53	86.71	87.33	96.82
5	Cơ sở vật chất	72.12	96.61	80.60	74.30	83.10
6	Công tác tài chính	78.88	97.89	84.21	80.14	90.84
7	Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của trường	87.96	97.88	85.56	83.79	95.07
8	Đánh giá chung về khóa học	95.93	96.24	86.57	89.04	96.24

Kết quả đánh giá tổng hợp ở bảng trên cho thấy đánh giá của sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo các mặt đều ở mặt tích cực và có xu hướng tăng dần qua các năm từ 72.12% - 97.89%.

Hàng năm, Trường đều tổ chức đối thoại trực tiếp với các sinh viên để ghi nhận ý kiến của sinh viên về những khó khăn, vướng mắc mà sinh viên gặp phải trong học tập và các hoạt động khác. Để qua đó, chỉ đạo các đơn vị liên quan kịp thời điều chỉnh các quy định, kế hoạch CTĐT và các hoạt động phù hợp hơn.

Nhà trường cũng đã đối sánh chương trình đào tạo 2020 và 2022 với một số trường có cùng ngành đào tạo như Trường Đại học Sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, ... cho thấy Chương trình đào tạo áp dụng một số học phần mới giúp cho sinh viên định hướng được hướng phát triển của bản thân. Thay đổi và tăng thêm các môn tự chọn giúp sinh viên gắn liền với thực tế giảng dạy khi ra trường và nghiên cứu khoa học đào tạo áp dụng một số học phần mới giúp cho sinh viên định hướng được hướng phát triển của bản thân. Thay đổi và tăng thêm các môn tự chọn giúp sinh viên gắn liền với thực tế giảng dạy khi ra trường và nghiên cứu khoa học [H11.11.05.06].

2. Điểm mạnh

Ý kiến của các bên liên quan được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, hỗ trợ người học và điều chỉnh chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Số liệu khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT chưa nhiều. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh ngoài về các hoạt động khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho khoa và các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng Thực hiện đối sánh ngoài kết quả khảo sát các bên liên quan với các cơ sở trong nước	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	Hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì hoạt động thu thập thông tin và cập nhật về mức độ hài lòng của các bên liên quan.	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	Hàng năm	
---	--------------------------	---	--	-------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
			X			

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Chất lượng đầu ra của sinh viên đã được xã hội thừa nhận, được thể hiện qua tỉ lệ sinh viên có việc làm. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp được Nhà trường xác định, giám sát chặt chẽ. Mặt khác, các hoạt động ngày hội việc làm và sáng tạo của sinh viên cũng được chú trọng cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị có liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin về tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; loại hình và số lượng hoạt động của NCKH của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT đã được đối sánh với các khóa trong trường và các trường đại học trong nước khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng.

Những tồn tại cơ bản: Các thông tin về tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp; loại hình và số lượng hoạt động của NCKH của sinh viên; mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT đã được đối sánh với các trường có cùng ngành đào tạo và ngoài nước khác nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng còn hạn chế. Hoạt động khởi nghiệp chưa được chú trọng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí; trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC dựa trên các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành có ý nghĩa quan trọng, góp phần nhận diện thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH; qua đó thấy được những mặt mạnh, mặt tồn tại trong công tác quản lý, hoạt động đào tạo, chuyên môn của P. Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT trong quá trình hoạt động của mình.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC:

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTC được xác định rõ gồm mục tiêu chung và 6 mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTC phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.

Mục tiêu của CTĐT đã phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động trên cơ sở tham vấn của các bên liên quan.

CĐR của CTĐT mô tả được rõ ràng những yêu cầu chung và chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

- CĐR của CTĐT cử nhân GDTC được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

- CĐR của CTĐT được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin của Nhà trường giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1.2. Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội có đầy đủ thông tin và nội dung cần thiết hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được rà soát và cập nhật định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường.

Các ĐCHP của CTĐT ngành GDTC được xây dựng đảm bảo các bước theo quy định, thể hiện đầy đủ các thông tin, được định kì rà soát, điều chỉnh và cập nhật phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và ĐCPH được nhà trường công bố công khai với nhiều hình thức khác nhau cho phép các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đề cương học phần được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

1.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Nhà trường đã xây dựng CTDH ngành GDTC trình độ đại học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được xây dựng có sự tham gia góp ý của các giảng viên, hội đồng khoa học và chuyên gia. Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá NH phù hợp, góp phần đạt được CĐR học phần trong CTDH

Tất cả các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành GDTC có sự tương thích và thể hiện được mức đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá rõ ràng, phù hợp và có mối liên kết để đảm bảo đạt CĐR

Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức, giúp SV có khả năng tiếp nhận kiến thức và rèn luyện năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế về nguồn nhân lực của xã hội. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh, cập nhật theo chu kỳ 2 năm 1 lần. Qua mỗi lần điều chỉnh có tiến hành đối sánh với các chương trình trong nước và nước ngoài.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, Luật Giáo dục đại học, và chiến lược phát triển của Trường. Phổ biến qua hội nghị, tuần sinh hoạt, sổ tay giảng viên, sổ tay sinh viên, website, fanpage, pano, đạt hiệu quả cao với GV và SV (91.6% hiểu rõ, đồng ý). Triết lý được cụ thể hóa trong CTĐT, định hướng đào tạo gắn với thực tiễn ngành GDTC.

Hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp, theo hướng phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học để đạt được CĐR của của từng học phần hướng đến đạt được CĐR của CTĐT.

CTĐT và hoạt động dạy học chú trọng kỹ năng tự học, thực hành, ứng dụng công nghệ (trên 70% SV tham gia NCKH). Tổ chức hoạt động ngoại khóa, huấn luyện thường xuyên, câu lạc bộ đa dạng tạo môi trường học tập tích cực cho sinh viên. Các đề tài NCKH của giảng viên có sinh viên tham gia (23 đề tài) để giúp sinh viên nâng cao chất lượng trong công tác NCKH nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của HP hướng tới đạt CĐR của CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, tiêu chí đánh giá rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy và đảm bảo tính công bằng

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định và kịp thời.

Nhà trường có quy định rõ ràng về khiếu nại kết quả học tập và sinh viên dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại kết quả học tập.

1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường luôn quan tâm phát triển năng lực và phẩm chất đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH. Với quy trình tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm công khai minh bạch. Bên cạnh đó nhà trường đã có chiến lược về công tác quy hoạch cán bộ từ rất sớm. Do đó, việc xây dựng đội ngũ giảng viên có chiến lược, kế hoạch rõ ràng căn cứ đối chiếu và điều chỉnh bám sát tình hình thực tế phát triển của trường. Việc tuyển dụng, thu hút, luân chuyển và phát triển viên chức giảng dạy và giảng viên hợp đồng được thực hiện tốt và theo đúng các quy định và hướng dẫn của liên bộ, Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giảng viên học tập nâng cao trình độ, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Cụ thể từ năm 2018 đến 2023, Nhà trường tạo điều kiện cho tất cả các giảng viên đủ điều kiện đều được cử đi dự thi

thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Giảng viên của CTĐG tích cực trong các hoạt động giảng dạy. Hoàn thành đủ định mức giảng dạy và NCKH. Cơ cấu đội ngũ đảm bảo các độ tuổi, nhiệt huyết, đảm bảo về trí lực và sức khỏe, cống hiến hết mình trong công tác giảng dạy và nghiên cứu. Nhà trường có quy định rõ ràng về số giờ giảng, khối lượng công việc tối thiểu và tối đa đối với đội ngũ giảng viên; có các biện pháp giám sát khối lượng giảng để cải tiến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; Tỷ lệ SV/giảng viên đảm so với quy định.

Nhà trường đã có các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên được xác định và được phổ biến công khai. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như quy định của nhà trường. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

Nhà trường luôn xác định rõ ràng về năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng.

Nhà trường luôn chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên nên việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực được đặt lên hàng đầu; có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các CTĐT tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...) và tích cực triển khai hiệu quả các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho giảng viên

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên, không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt. Toàn thể giảng viên của các khoa đều hoàn thành vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc được giao (nghiên cứu, giảng dạy và các công việc khác).

Giảng viên tham gia NCKH các khoa có đội ngũ cán bộ giảng viên cơ bản đáp ứng đủ năng lực giảng dạy và NCKH. Trước khi tham gia giảng dạy các giảng viên mới đều được tập huấn và hướng dẫn bởi các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm của Khoa. Các giảng viên luôn coi NCKH là một trong các nhiệm vụ quan trọng nhất của người giảng viên. Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng giảng viên được thống kê và xác định rõ ràng để làm cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn. Số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành có chỉ số đều tăng qua các năm.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, về NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên; việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện có hiệu quả.

Nhà trường thực hiện nhiều hoạt động khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc; kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thể hiện rõ ràng; có nhiều chính trong thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đã đo lường kết quả công việc của nhân viên, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; nên giai đoạn đánh giá, đội ngũ viên chức nhà trường nói chung, đội ngũ nhân viên Nhà trường nói riêng luôn đảm bảo chất lượng, hiệu

quả, nhiều nhân viên, người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được khen thưởng

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường rõ ràng, minh bạch và được cập nhật hằng năm phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được xây dựng rõ ràng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được đánh giá, cập nhật thường xuyên dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tình hình thực tế.

Nhà trường có bộ phận chuyên trách và quy định cụ thể về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học; Nhà trường đã hình thành được một hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa, Ban chủ nhiệm sinh viên.

Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học nhằm tăng tỉ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp được triển khai đa dạng.

Nhiều giải pháp được triển khai đồng bộ ở cấp trường và cấp khoa nhằm tạo lập môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho việc học tập, NCKH và sinh hoạt của người học.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng, Khoa có đầy đủ hệ thống phòng làm việc; Các phòng học và các phòng chức năng, nghiên cứu, thực hành... với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu chương trình đại học, sau đại học.

Thư viện nhà trường được bố trí đầy đủ các phòng chức năng, với nguồn học liệu phong phú bao gồm cả tài liệu in và tài liệu điện tử, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và sinh viên. Tài liệu của Thư viện thường xuyên được cập nhật, bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên. Thư viện thường xuyên khảo sát sự hài lòng của bạn đọc để nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện đáp ứng công tác đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường đã trang bị đầy đủ cho các phòng thí nghiệm, sân thực hành như: thảm tập, dụng cụ tập luyện, máy tính và các máy văn phòng, hệ thống công nghệ

thông tin... và được thường xuyên đánh giá, kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt. Các phòng thực hành, sân tập đều có nội quy quản lý, sử dụng đầy đủ đảm bảo hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ từ phòng máy chủ, máy tính các đơn vị, đến hệ thống mạng LAN, Cổng thông tin của trường đảm bảo hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; Hạ tầng mạng internet đảm bảo, đội ngũ kỹ thuật phản hồi kịp thời khi có sự cố.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn luôn được nhà trường quan tâm chú trọng xác định và triển khai có hiệu quả trong toàn trường.

1.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo; Quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và triển khai có hiệu quả hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm giảng viên, người học, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). Thông tin phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường sử dụng để thiết kế và phát triển CTDH.

Trường có kế hoạch rà soát, cập nhật, điều chỉnh đánh giá bổ sung CTDH, đề cương chi tiết học phần và định kỳ được rà soát cập nhật, có sự tham gia của các bên liên quan. Việc đánh giá và cải tiến đã đưa CTĐT của ngành Giáo dục thể chất tiệm cận với yêu cầu xã hội, đáp ứng kịp thời các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp của sinh viên khi ra tốt nghiệp.

Trường có hệ thống quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR.

Là một cơ sở giáo dục đại học, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường, các kết quả NCKH của Nhà trường có nhiều nội dung liên quan đến việc dạy và học, được áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập tại trường giúp nâng cao chất lượng dạy và học.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội

ngợi và thông qua phiếu khảo sát, Trường đã tiến hành cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

Nhà trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan (BLQ) và giao cho các đơn vị chuyên trách thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan (BLQ). Kế hoạch được triển khai hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường; Các kết quả khảo sát được xử lý, đánh giá và làm cơ sở để cải tiến liên tục, thường xuyên tất cả các hoạt động của trường nhằm duy trì nâng cao chất lượng CTĐT và các hoạt động dạy học.

1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm được thực hiện liên tục và đồng bộ. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp hàng năm được theo dõi, thống kê đầy đủ, giúp Nhà trường điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được Nhà trường và Phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế xác lập và giám sát chặt chẽ.

Thông tin về tỷ lệ có việc làm của sinh viên được xác lập rõ ràng, chi tiết. Nhà trường có thành lập đơn vị hỗ trợ công tác đạo.

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của sinh viên đã được quy định rõ ràng và được giám sát.

Ý kiến của các bên liên quan được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, hỗ trợ người học và điều chỉnh chương trình đào tạo.

2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu của CTĐT.

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng CDR của CTĐT.

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan còn chưa đa dạng

2.2. Bản mô tả CTĐT

Hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan còn chưa đa dạng. Ý kiến phản hồi về chương trình dạy học còn ít.

Một số ĐCHP học phần năm 2022, tính cập nhật về hình thức kiểm tra đánh giá chưa đa dạng, nguồn học liệu còn hạn chế bởi những tài liệu chuyên ngành hẹp; Ý kiến của các bên liên quan về các nội dung của ĐCHP chưa nhiều.

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các cơ sở giáo dục nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành GDTC còn chưa hiệu quả.

2.3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Việc xác định các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong các ĐCHP còn chưa được phong phú và đa dạng.

Nội dung xin ý kiến góp ý của các bên liên quan về ĐCHP còn ít. Các ý kiến góp ý đối với các ĐCHP trong CTDH còn chưa nhiều và chưa rõ ràng.

Việc đối sánh với số lượng CTĐT cùng ngành của nước ngoài còn chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Chưa ban hành quy định cụ thể về truyền tải triết lý giáo dục, dẫn đến thiếu tính hệ thống khi phổ biến tới nhà tuyển dụng và cựu SV. Hình thức phổ biến chưa đa dạng đối với các bên liên quan bên ngoài.

Các hoạt động dạy và học tuy đã đổi mới và thiết kế phù hợp nhưng còn chưa phong phú và đa dạng.

Một số giảng viên còn chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng khả năng học tập suốt đời và ngoại khoá cho sinh viên.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Phương pháp kiểm tra đánh giá còn chưa được đa dạng.

Hình thức công khai kết quả học tập chưa được công nghệ hóa.

Công tác rà soát nội dung đề cương học phần, phương pháp kiểm tra đánh giá cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù học phần.

Việc công bố kết quả kiểm tra đánh giá của người học mới được thực hiện trực tiếp thông qua bảng tin, chưa đưa được lên cổng thông tin do phần mềm quản lý đào tạo đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Hiện nay, người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp do chưa tích hợp quy trình khiếu nại trực tuyến hoặc tích hợp với các phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường

2.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Mặc dù Nhà trường đã tích cực trong việc thông báo, tuyển dụng giảng viên có trình độ cao về công tác tại các Khoa, để tham gia giảng dạy ngành Giáo dục thể chất. Tuy nhiên, do nhân sự về Giáo dục thể chất có học hàm, học vị chưa cao, khan hiếm, sự cạnh tranh lớn trong ngành nên việc tuyển dụng còn gặp nhiều khó khăn.

Lực lượng giảng viên cơ hữu của ngành giáo dục thể chất đảm bảo, do đặc thù ngành giáo dục thể chất nên số giảng viên có trình độ từ tuyển sinh còn thấp. Điều này ảnh hưởng đến tính chủ động trong hoạt động trong công tác nghiên cứu khoa học, trong đó công trình nghiên cứu khoa học còn thấp, bài báo có công trình quốc tế theo thang điểm chức danh còn chưa nhiều.

Việc tuyển đặc cách các ứng viên có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đào tạo của Trường còn thấp do nguồn kinh phí hạn hẹp nên chưa có chế độ đãi ngộ, thu hút.

Mặc dù năng lực đội ngũ giảng viên đã được xác định và đánh giá, nhưng Nhà trường chưa xây dựng được các chính sách hiệu quả nhằm thu hút cán bộ giảng dạy có trình độ cao cho ngành giáo dục thể chất.

Một số giảng viên trong quy hoạch NCS chưa thực hiện đúng kế hoạch đi học, một số NCS phải kéo dài thời gian đào tạo, nhất là đối với các trường hợp được cử đi học tập tại nước ngoài.

Nguồn kinh phí của Nhà trường cho hoạt động khen thưởng đối với các công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế chưa cao Nguồn kinh phí của Nhà trường cho hoạt động khen thưởng đối với các công trình nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế chưa cao

Hoạt động giảng viên làm chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp còn ít; giảng viên tham gia các buổi hội thảo quốc tế còn hạn chế.

2.7. *Đội ngũ nhân viên*

Trình độ tin học, ngoại ngữ của một số NV còn hạn chế, do vậy khả năng hiệu

quả hỗ trợ công tác hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu chưa được như mong muốn; nhất là mảng phục vụ thư viện để tiến hành chuyển đổi số.

Chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển, tạo nguồn đội ngũ nhân viên về công nghệ thông tin chưa thực sự thu hút được ứng viên có trình độ công nghệ thông tin cao tham gia dự tuyển.

Nhà trường chưa ban hành quy định bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên theo tháng, chưa ứng dụng công nghệ thông tin về theo dõi thời gian, giờ giấc và hiệu quả công việc đối với đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc.

Nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thấp; một số ít nhân viên còn tư tưởng ngại học tập.

Do đặc thù về công tác phục vụ, nên định lượng công việc còn chưa cụ thể KPI; chưa có hệ thống công nghệ thông tin để giám sát thời gian lao động của nhân viên

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của ngành GDTC.

Trường chưa tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học

Một số GVCN-CVHT chưa phát huy cao vai trò trong quá trình tư vấn, giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện.

Vẫn còn nhiều sinh viên nợ học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc kết quả học tập, rèn luyện ở từng học kỳ, từng năm học chưa cao, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn còn thấp một phần do năng lực và một phần do các em là vận động viên thời gian thi đấu cho các đội tuyển của tỉnh và quốc gia chiếm phần lớn thời gian học tập, ý thức của bản thân người học còn hạn chế.

Nhà trường chưa tổ chức các hoạt động Khởi nghiệp cho SV ngành GDTC

Cơ sở vật chất còn bị xuống cấp do nhiều năm sử dụng: Đường chạy sân điền kinh, nhà tập đa năng, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, KTX. Việc sửa chữa cải thiện, thay đổi, điều chỉnh còn chưa được thực hiện liên tục nên hoạt động tập luyện của sinh viên đôi lúc bị ảnh hưởng

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư mới chưa được đồng bộ. một số công trình xuống cấp chưa được bảo trì do thiếu kinh phí. một vài môn học thể thao còn học ngoài trời bị ảnh hưởng bởi thời tiết.

Chưa có phòng đọc được trang bị điều hòa phục vụ bạn đọc. Nguồn học liệu khác, trong đó có học liệu bằng tiếng nước ngoài hiện có tại Thư viện để phục vụ cho bạn đọc còn chưa phong phú.

Hệ thống sân tập, nhà tập một số hạng mục xuống cấp chưa đủ kinh phí đầu tư sửa chữa kịp thời đôi khi còn làm ảnh hưởng đến phục vụ giảng dạy và học tập. Tại một số thời điểm, hệ thống loa máy, âm thanh phòng học chưa phục vụ tốt người học

Hệ thống CNTT của Nhà trường mặc dù được quản lý, cập nhật, tuy nhiên tính hiệu quả chưa cao, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, tất cả đều là kiêm nhiệm và không có đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực CNTT; Hệ thống CNTT còn chưa đồng bộ và toàn diện giữa toàn trường, chưa có Internet miễn phí cho sinh viên dẫn đến sự liên kết giữa người học còn một số hạn chế; Việc bảo trì, sửa chữa các lỗi mạng truy cập thông tin nhà trường có lúc, có nơi còn chậm phần nào ảnh hưởng đến chất lượng quản lý đào tạo.

Việc hỗ trợ nhu cầu người khuyết tật chủ yếu tập trung hỗ trợ SV bị chấn thương trong quá trình học tập, thi đấu mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học tầng 1.

2.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng nhà sử dụng lao động tham gia ý kiến đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường chưa nhiều. Do vậy, cơ sở dữ liệu thu thập được thông qua ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động còn hạn chế.

Chưa tổ chức được các Hội thảo đánh giá sự cải tiến của CTĐT; CTĐT cần có cải tiến rõ rệt hơn thể hiện được sự phù hợp cao hơn với Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn GDTC

Nhà trường chưa tổ chức được các hội thảo, hội nghị, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá.

Kết quả nghiên cứu khoa học của Nhà trường tuy áp dụng vào thực tiễn giảng dạy và học tập giúp cải tiến việc dạy và học nhưng lại không tạo ra sản phẩm thương

mại hóa, không tạo ra doanh thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học.

Một số nhu cầu của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan

Việc thiết kế các công cụ khảo sát còn chưa đồng bộ, chưa có tính hệ thống cao, việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan chưa thể đối sánh được

2.11. Kết quả đầu ra

Vai trò của cố vấn học tập trong việc hỗ trợ giám sát và cảnh báo cho sinh viên trong học tập còn thụ động, chưa linh hoạt.

Nhà trường chưa thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Giáo dục thể chất với các cơ sở giáo dục đại học khác .

Hoạt động khởi nghiệp chưa được chú trọng, việc tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp giữa CTĐT ngành GDTC trong nước và quốc tế còn hạn chế.

Nhà trường chưa thực hiện việc đối sánh về loại hình và số lượng SV NCKH với các cơ sở GDDH nước ngoài. Số lượng sinh viên tham gia NCKH cùng giảng viên còn hạn chế.

Số liệu khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT chưa nhiều. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh ngoài về các hoạt động khảo sát.. Số lượng sinh viên tham gia NCKH cùng giảng viên còn hạn chế.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC

- Tiêu chuẩn 1

Bổ sung thêm các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu, CDR và CTĐT.

Bổ sung thêm các đối tượng tham gia hội thảo của Nhà trường về xây dựng mục tiêu.

Bổ sung thêm các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CDR của CTĐT: Tổ chức các hội nghị, hội thảo.

- Tiêu chuẩn 2

Bổ sung các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan CTĐT. Xây dựng phiếu lấy ý kiến phù hợp hơn.

Điều chỉnh ĐCHP về hình thức kiểm tra, đánh giá, nguồn học liệu; Bổ sung vào phiếu hỏi phỏng vấn các bên liên quan các nội dung liên quan đến ĐCHP.

Tăng cường sử dụng đa dạng các biện pháp để thu thập được nhiều thông tin phản hồi về CTĐT và đề cương học phần

- Tiêu chuẩn 3

Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá người học nhằm đáp ứng CDR của học phần.

Xây dựng nội dung xin ý kiến của các bên liên quan về ĐCHP cần cụ thể; Mở rộng đối tượng và tăng số lượng góp ý cho ĐCHP.

Lập kế hoạch nghiên cứu, cập nhật, đối sánh với các CTDH của nước ngoài.

- Tiêu chuẩn 4

Từ năm học 2025-2026 Ban hành Quy định về truyền tải triết lý giáo dục mở rộng kênh phổ biến: lập Zalo, tổ chức 2 hội nghị/năm với nhà tuyển dụng và cựu SV

Từ năm học 2025-2026 Rà soát đề cương học phần, bổ sung phương pháp dạy học tích cực cho 30% các học phần trong CTDH; Thường xuyên tổ chức Seminar ở cấp khoa/TT để đổi mới, cập nhật các phương pháp, kỹ thuật và cách thức tổ chức hoạt động dạy học tiên tiến.

Rà soát đề cương học phần, bổ sung nội dung tự học cho SV; Thường xuyên tổ chức semina cấp Khoa/TT để nâng cao khả năng học tập suốt đời cho sinh viên.

- Tiêu chuẩn 5

Các khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để rà soát, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Phòng chức năng xây dựng hệ thống quản lý học tập thông qua phần mềm

Định kỳ thực hiện rà soát để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung đề cương học phần để phù hợp hơn với thực tiễn và đặc thù môn học.

Từ năm học 2025 – 2026 Hoàn thiện phần mềm quản lý đào tạo; Trang bị phần mềm quản lý sinh viên

Từ năm học 2025 – 2026 Nhà trường nghiên cứu, triển khai tích hợp quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học với phần mềm quản lý đào tạo, qua đó giúp người học gửi đi nhanh chóng các yêu cầu về khiếu nại kết quả học tập, tiết kiệm thời

gian và rút ngắn các công đoạn hành chính qua đó kịp thời đảm bảo quyền lợi cho người học.

- Tiêu chuẩn 6

Đảm bảo chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ cao về giảng dạy, trong đó tiếp tục rà soát và có chiến lược thu hút tốt hơn nhân sự có trình độ về giảng dạy. Hợp tác với các sở giáo dục và đào tạo, nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy và tạo điều kiện tốt nhất cho SV được tiếp cận và thực tập trong môi trường có tính thực tế, đồng thời nâng cao chất lượng dạy và NCKH cho đội ngũ giảng viên.

- Tiếp tục tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các giảng viên có trình độ ThS học lên tuyển sinh, giảng viên có trình độ tiến sĩ phấn đấu để được phong hàm PGS trong thời gian sớm nhất; Tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí đào tạo cho giảng viên tham gia vào các khóa học tiếng Anh nếu đạt được kết quả thi IEL tuyển sinh từ 6.0 trở lên hoặc tương đương.

Nghiên cứu ban hành các chính sách đãi ngộ, để thu hút giảng viên có trình độ cao từ tiến sĩ trở lên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Nghiên cứu cải tiến cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ giảng dạy cho CTĐT ngành GDTC, trong đó chú ý đến những đặc thù về nhân sự trong lĩnh vực GDTC hiện nay.

Nghiên cứu đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro đối với các đối tượng được cử đi học tập, bồi dưỡng do chính sách các đơn vị đào tạo thay đổi.

Cân đối nguồn tài chính để tăng mức khen thưởng đối với các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí quốc tế nhằm động viên, khuyến khích hơn nữa cho các giảng viên trong NCKH.

Có chính sách, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí hỗ trợ tương xứng, cũng như khen thưởng hoạt động NCKH đối với những giảng viên, SV có thành tích cao, nhằm khuyến khích tốt nhất cho giảng viên.

- Tiêu chuẩn 7

Triển khai việc đẩy mạnh cử nhân viên học tập, bồi dưỡng về: tin học và chuyển đổi số.

Rà soát đề án vị trí việc làm để tiến hành xây dựng mức lương từng vị trí NV nhằm thu hút ứng viên tham gia dự tuyển.

Đề cao trách nhiệm của trưởng đơn vị trong việc quản lý nhân viên, lấy hiệu quả làm thước đo năng lực.

Nghiên cứu ban hành quy định bộ công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên theo tháng; tập trung ứng dụng công nghệ thông tin vào theo dõi thời gian, giờ giấc và hiệu quả công việc đối với đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc

Nghiên cứu tạo nguồn kinh phí để hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thấp; tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho nhân viên về tự học.

Xây dựng bộ công cụ để định lượng công việc KPI đánh giá hiệu quả NV

- Tiêu chuẩn 8

Khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Xây dựng kế hoạch tiến hành khảo sát đầy đủ các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

Xây dựng mạng lưới cán bộ tư vấn chuyên nghiệp hơn, phát huy cao vai trò của người tư vấn, giám sát trật chẽ sự tiến bộ của người học; Nghiên cứu điều chỉnh mẫu phiếu và phương pháp lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT.

Cải tiến công tác dự báo nhu cầu tuyển dụng của các trường phổ thông các cấp, trọng tâm là nhu cầu tuyển dụng nhân lực tốt nghiệp chuyên ngành GDTC.

Các khoa cần tăng cường phối hợp với nhà trường đề xuất xây dựng phương án chăm sóc, vệ sinh các công trình thể thao tốt hơn.

- Tiêu chuẩn 9

Hàng năm tăng cường đầu tư kinh phí trong việc phát triển, cải tạo, nâng cấp, bảo dưỡng cơ sở vật chất;.

Tăng cường đầu tư kinh phí trang bị thêm một số CSVC như: điều hòa phòng đọc, tủ trưng bày sách, máy tính khai thác tài nguyên thư viện

Áp dụng phần mềm thống kê, quản lý hư hỏng, cập nhật, sửa chữa kịp thời, đầu tư trang thiết bị theo mục tiêu cải tiến chất lượng giảng dạy.

Thường xuyên cải tiến, nâng cấp hệ thống mạng, đảm bảo yêu cầu về tốc độ và tính bảo mật của hệ thống; Chuẩn hóa các hoạt động CNTT của đơn vị, ban hành quy trình cụ thể để thuận tiện theo dõi và thực hiện

Tham mưu xây đường dốc các lối đi lên mỗi tòa nhà dạy học giúp cho SV chân thương dễ dàng di chuyển vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người xung quanh.

- Tiêu chuẩn 10

Xây dựng kế hoạch mở rộng phạm vi và tăng số lượng lấy ý kiến phản hồi của người sử dụng lao động đối với chất lượng đào tạo của SV tốt nghiệp.

Nhà trường tổ chức hội thảo đánh giá sự cải tiến của một số học phần trong CTĐT. Từ đó, điều chỉnh một số điểm chưa phù hợp; Trường chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTĐT. Việc cải tiến và phát triển CTĐT sẽ được căn cứ theo chiến lược của Trường và ý kiến phản hồi của các bên liên quan đáp ứng cao hơn nữa trình GDPT 2018 môn GDTC.

Tổ chức hội thảo hoặc tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

Tăng nguồn kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học; Tăng cường chất lượng nghiên cứu khoa học, phấn đấu tạo ra sản phẩm có thể thương mại hóa, tăng nguồn thu cho nghiên cứu khoa học.

Xây dựng Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

Tăng cường phân tích các thông tin phản hồi về mức độ hiệu quả và mức độ tin cậy của thông tin; Tăng cường tuyên truyền cho người học về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên, phục vụ đào tạo, trước khi TN và các đơn vị liên quan.

- Tiêu chuẩn 11

Tiếp tục cải tiến công tác cố vấn học tập theo hướng chủ động trong việc giám sát tình hình học tập của sinh viên; Đề xuất các biện pháp để giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp.

Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành GDTC của trường với các cơ sở giáo dục đại học khác.

Tăng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của người học.

Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước cùng ngành để đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm.

Tăng kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH của người học, để tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu.

Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho khoa và các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng; Thực hiện đối sánh ngoài kết quả khảo sát các bên liên quan với các cơ sở trong nước.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo

Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Mã trường: TDH

Tên CTĐT: Giáo dục thể chất

Mã CTĐT: 7140206

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								4	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								4	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3								4	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4	3	100
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						

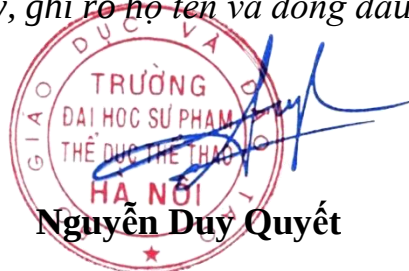
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4	5	100
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								4	5	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4	5	100
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,4	5	100
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4	6	100

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT GDTC								4,04	50	100

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nguyễn Duy Quyết**

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 7. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi University Of Physical Education and Sports

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: TDH

Tiếng Anh: HUPES

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Trung cấp Thể dục Thể thao (năm 1961); Trường Sư phạm Trung cấp Thể dục Thể thao (năm 1967); Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương (năm 1971); Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương (năm 1981); Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1 (năm 1985); Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây (năm 2003)

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Phụng Châu - Chương Mỹ - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (024) 33866 058. Số fax (024) 33866 599

E-mail: tdh@moet.edu.vn Website: <https://hupes.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): Thành lập năm 2023 tại Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2023

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 2007

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập): Thành lập năm 2023 tại Quyết định số 302/QĐ/TCCB-CTCT ngày 24/12/2003, của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây.

- Tiếng Việt: Phòng Quản lý đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế

- Tiếng Anh: Department of Training Management - Science and International Cooperation

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Phòng Quản lý đào tạo-Khoa học và hợp tác quốc tế

- Tiếng Anh: Department of Training Management - Science and International Cooperation

14. Tên trước đây (nếu có): Phòng Đào tạo

- Tiếng Việt: Giáo dục thể chất

- Tiếng Anh: Physical Education

15. Mã CTĐT: 7140206

16. Tên trước đây: của CTĐT (nếu có)

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phụng Châu - Chương Mỹ - Hà Nội.

18. Số điện thoại liên hệ: (024) 33866 058 Số fax: (024) 33866 599

E-mail:tdh@moet.edu.vn.Website: <https://hupes.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn: Thành lập năm 2023 tại Quyết định số 302/QĐ/TCCB-CTCT ngày 24/12/2003, của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây.

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

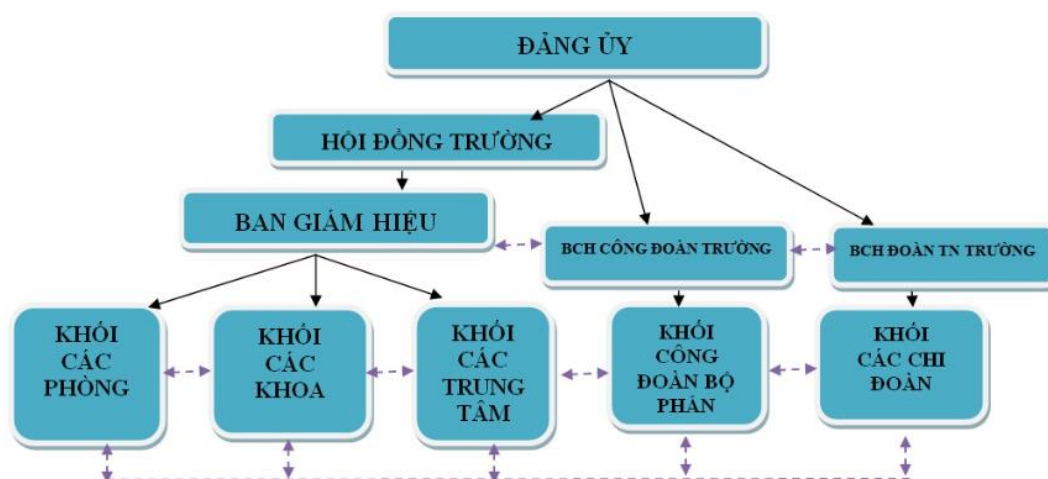
22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý chuyên môn về công tác đào tạo trình độ đại học; quản lý, giáo dục sinh viên; quản lý khoa học và các hoạt động hợp tác quốc tế. Đơn vị được thành lập ngay từ khi Nhà trường hình thành, gắn liền xuyên suốt với quá trình xây dựng và phát triển Nhà trường. Năm 2023 sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây, trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung ương số 1, Nhà trường đã kiện toàn phòng Quản lý đào tạo tại Quyết định số 302/QĐ/TCCB-

CTCT ngày 24/12/2003. Năm 2018 tại Quyết định số 258/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 09/6/2018, Nhà trường hợp nhất Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Sinh viên thành: Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên. Năm 2023 tổ chức lại Phòng Quản lý đào tạo và Công tác sinh viên; Phòng Quản lý khoa học và Thư viện thành Phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị liên tục được công nhận tập thể lao động xuất sắc, được Bộ trưởng tặng nhiều bằng khen; liên tục nhiều năm liền được Hiệu trưởng tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT vẽ Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội .



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT. (Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng trường	Phùng Xuân Dũng	1984	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng trường	0966006768	Pxdung.tdh@moet.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Nguyễn Duy Quyết	1972	PGS.TS. Hiệu trưởng	0989531668	Ndquyet.tdh@moet.edu.vn
		Hương Xuân Nguyên	1971	TS. Phó Hiệu trưởng	0948762589	Hxnguyen.tdh@moet.edu.vn
		Nguyễn Mạnh Toàn	1979	TS. Phó Hiệu trưởng	0914821979	Nmtoan.tdh@moet.edu.vn
I	Đơn vị thực hiện CTĐT					
	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Phòng Quản lý Đào tạo-	Nguyễn Thị Hằng	1976	ThS. Phó trưởng phòng, phụ trách	0982102876	Nthang.tdh@moet.edu.vn

2	Khoa học và hợp tác quốc tế	Ngô Xuân Đức	1980	ThS. Phó trưởng phòng	0915678956	Nxduc.tdh@moet.edu.vn
II Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Chi bộ hành chính 1	Đỗ Mạnh Hưng	1973	TS, Bí thư	0904171689	Dmhung.tdh@moet.edu.vn
2	Công đoàn bộ phận hành chính 1	Nguyễn Thị Hoa	1984	ThS, Chủ tịch	0936799384	Nthoa.tdh@moet.edu.vn
III Các phòng, ban/trung tâm						
1	Phòng Tổ chức cán bộ	Nguyễn Thành Chung	1982	ThS, Trưởng phòng	0868969938	Ntchung.tdh@moet.edu.vn
2	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nguyễn Minh Tư	1970	CN, Trưởng phòng	0961421970	mtu.tdh@moet.edu.vn
3	Phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế	Lê Học Liêm	1973	ThS, Trưởng phòng	0934388388	lhliem.tdh@moet.edu.vn
4	Phòng Kế hoạch tài chính	Lê Quốc Trung	1979	ThS, Trưởng phòng	0973954445	Lqtrung.tdh@moet.edu.vn
5	Phòng Quản trị - Thiết bị	Trịnh Duy Bình	1973	CN, Trưởng phòng	0914992369	Tdbinh.tdh@moet.edu.vn
6	Trung tâm GDQP&AN	Nguyễn Duy Quyết	1972	PGS.TS. Giám đốc	0989531668	Ndquyet.tdh@moet.edu.vn
7	Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Bồi dưỡng	Nguyễn Văn Hoàng	1965	ThS, Giám đốc	0904228933	Nvhoang.tdh@moet.edu.vn
8	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUPES	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	1980	ThS, Giám đốc	0985426959	Nxduc.tdh@moet.edu.vn
Các khoa						
1	Khoa Đào tạo sau đại học	Đỗ Mạnh Hưng	1973	TS, Trưởng khoa	0904171689	Dmhung.tdh@moet.edu.vn
2	Khoa	Mai Tú Nam	1969	TS, Trưởng	0932451111	Mtnam.tdh@moet.edu.vn

	Huấn luyện thể thao			khoa		
3	Khoa Y học TDTT	Đỗ Anh Tuấn	1973	TS, Trưởng khoa	0983372996	Datuan.tdh@moet.edu.vn
4	Khoa Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trần Văn Cường	1982	TS, Trưởng khoa	0983887282	Tvcuong.tdh@moet.edu.vn
5	Khoa Lý luận chính trị	Lê Văn Liêm	1981	ThS, Trưởng khoa	0973563856	Lvliem.tdh@moet.edu.vn
6	Khoa Cầu lông - Bóng bàn - Quần vợt	Mai Thị Ngoãn	1974	ThS, Trưởng khoa	0773225888	Mtngoan.tdh@moet.edu.vn
7	Khoa Điền kinh - Thể dục	Phạm Anh Tuấn	1976	TS, Trưởng khoa	0963999296	Patuan.tdh@moet.edu.vn
8	Khoa Võ - Bơi - Cờ	Trần Dũng	1976	TS, Trưởng khoa	0912418488	Tdung.tdh@moet.edu.vn
9	Khoa Bóng chuyền - Bóng đá - Bóng rổ	Trần Ngọc Minh	1980	TS, Trưởng khoa	0902036333	Tnminh.tdh@moet.edu.vn
10	Khoa Lý luận chuyên ngành và Nghiệp vụ sư phạm	Nguyễn Thu Nga	1975	TS, Trưởng khoa	0978933070	Ntnga.tdh@moet.edu.vn

Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sỹ: 01 ngành (Giáo dục học)

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sỹ: 01 ngành (Giáo dục học)

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03 ngành (Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Huấn luyện thể thao).

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐

Từ xa ☐ ☒
 Liên kết đào tạo với nước ngoài ☐ ☒
 Liên kết đào tạo trong nước ☐ ☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình) Không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			64
I.1	Đội ngũ trong biên chế			3
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			67
	Tổng số			64

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	2	1	1	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	11	10	1	0	0	0
5	Thạc sĩ	54	45	3	6	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	67	46	5	6	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 67 người

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 45.9%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ tiến sĩ khoa học nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	2	1	1	0	0	0	6.0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	11	10	1	0	0	0	22
5	Thạc sĩ	1	54	45	3	6	0	0	49.8
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		67	46	5	6	0	0	

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02	1,37	1,37	0	0	0	0	0	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	11	7,5	7,5	1	0	3	5	1	1
5	Thạc sĩ	55	37,7	37,7	17	0	25	26	4	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	67		1,37	17	0	28	31	5	3

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 42,5 tuổi

36.2 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 8,87

36.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của

đơn vị thực hiện CTĐT: 37,7

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	1.2	34.1
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	3.5	34.7
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	16.3	18.5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	26.7	7.5
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	52.3	5.2
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2020-2021	1351	706	1/2	638	18.25/30	23.20	4
2021-2022	2140	436	1/5	323	20.75/30	23.90	7
2022-2023	1135	390	1/3	376	25.42/40	34.08	8
2023-2024	1962	313	1/6	312	30.55/40	30.57	6
2024-2025	2176	698	1/3	574	30.20/40	33.10	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	976	1.149	1.194	1.307	1.624
Hệ không chính quy	0	258	234	250	67
4. Khác.....					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
Số lượng (người)	04	07	08	06	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,41%	0,50%	0,56%	0,38%	0%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	9180m ²	9180m ²	9180m ²	9180m ²	9180m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	Trong:854 Ngoài: 122	Trong: 960 Ngoài: 189	Trong:1 033 Ngoài: 177	Trong:113 3 Ngoài: 174	Trong:1171 Ngoài:300
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	854	960	1033	1133	1171
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	10,74	9,56	8,89	8,10	7,83

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
Số lượng (người)	75	27	134	146	132
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	42,6 %	22 %	72,8 %	66,3 %	38,9 %

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:	283	279	740	412	441
Hệ chính quy	267	279	482	178	191
Hệ không chính quy	16	0	258	234	250
4. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	94.12	70.3	94.4	95.61	98.6

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	3.5	10.5	4.0	3.8	6.1
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4.900.000đ	5.500.000đ	6.000.000đ	7.500.000đ	10.000.000đ
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1 (B2018)	0	1 (B2020)	3 (B2021)	1 (B2023)	6
3	Đề tài cấp trường	0,5	13	8	8	4	3	18
4	Tổng		14	8	9	7	4	24

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 24

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $24/146$ (16,44%)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	210,086	0,56	1,43
2	2020	492,311	1,19	3,37
3	2021	1.299,837	3,47	8,9
4	2022	2.083,621	3,94	14,27
5	2023	972,917	1,29	6,66
		5058,772		34,63

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người): $5058,772/146=34,63$

47.Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây: (2020-2024):

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	17	36	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Tổng số cán bộ tham gia	0	19	36	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	2	0	0	6	10	27
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		2	0	0	6	10	27

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 27

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $27/146 = 0,18$

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	13	65	30	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	7	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	13	72	30	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	8	9	10	5	5	55.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	69	56	79	53	44	301
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	38	39	35	29	27	84
	Tổng		115	104	124	87	76	440.5

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 440.5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $440.5/146 = 3.017$

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây: (2020-2024):

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	14	111	71
Từ 6 đến 10 bài báo	1	11	5
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	1	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	16	123	76

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	41	0	0	0	41
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	27	0	13,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	11	0	16	29	26	20,5
4	Tổng		11	41	16	56	26	75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $75/146 = 0,51$

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	35	24	55
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	35	24	55

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)
54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0
2024-2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	0	0
Tổng số người học tham gia	0	0	0	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	9	0	11	21	12
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	11	0	16	19	17

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 143.477 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 77.188

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 6590 m² Nhà, Nơi học: 38.416 m² Nơi vui chơi giải trí: (sử dụng chung các sân tập)

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7868 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $7868/1382 = 5,69 \text{ m}^2/\text{người}$

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 2587 đầu sách

- Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):) :
không có.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 156 bộ

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 75 bộ

- Dùng cho người học học tập: 81 bộ

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: $81/1382 = 0,058 \text{ bộ/}$

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 67

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 66,33 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 8,8

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 91,2

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1286

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 9 SV/01 GV (1286 SV/146 GV)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

Niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp/tuyển sinh (%)	Ghi chú
2016 - 2020	74.72% (272/364)	K49+K12LT
2017 - 2021	83.40% (206/247)	K50+K13LT
2018 - 2022	74.66% (392/525)	K51+K14LT
2019 - 2023	64.46% (191/279)	K52
2020 - 2024	48.45% (188/388)	K53

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Từ 77,50% đến 85,60%.

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Từ 4.80 đến 85.60%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

- Năm 2020: 94.12%

- Năm 2021: 70.3%

- Năm 2022: 94,4%

- Năm 2023: 95.61%

- Năm 2024: 96%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

- Năm 2020: 3.5%

- Năm 2021: 10.5%

- Năm 2022: 4.0%

- Năm 2023: 3.8%

- Năm 2024: 6.1%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7.600.000đ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Từ 78,20% đến 86,30%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Từ 4,20 đến 10.30%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 24/146 (16,44%).

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 34,63

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $27/146 = 0,18\%$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $440.5/146 = 3.017$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $75/146 = 0,51$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $81/1382 = 0,058$ bộ/

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $7868/1382 = 5,69$ m²/người

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $19.772/1382 = 14,3$ m²/ người

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

PHỤ LỤC 1. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÊ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 313 /QĐ-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÊ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ, v/v thành lập trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Tây (nay là Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội);

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 96/NQ-HĐT ngày 31/03/2023 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng - Thanh tra & Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất và chương trình đào tạo Giáo dục học, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất và chương trình đào tạo Giáo dục học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công và được hưởng theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH, CTHĐT;
- Lưu: VT, ĐBCL-TT & PC.

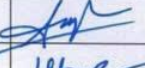
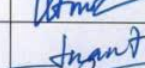
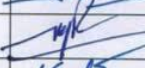
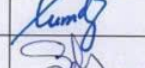
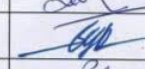
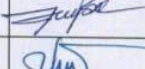
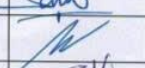
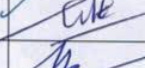
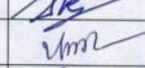
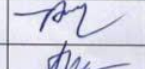
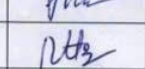
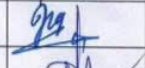
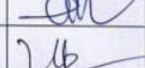
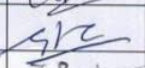
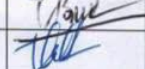
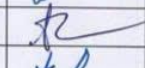
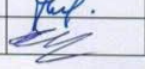
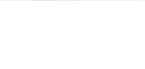
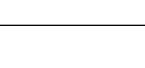


HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Duy Quyết

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 313 /QĐ- ĐHSPTDTHN ngày 02 tháng 05 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội)*

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS.Nguyễn Duy Quyết	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	TS.Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
3	Ths. Nguyễn Thị Hằng	PTP.PTP. QLĐT- KH & HTQT	Phó chủ tịch HĐ Thường trực	
4	TS. Hương Xuân Nguyên	Phó Hiệu trưởng	Thành viên	
5	PGS.TS. Phùng Xuân Dũng	CT. HĐT	Thành viên	
6	Ths.Lê Học Liêm	TP. ĐBCL - TT & PC	Thư ký	
7	Ths.Nguyễn Thành Chung	PTP.PT Phòng TCCB	Thành viên	
8	CN.Trịnh Duy Bình	TP. QTTB	Thành viên	
9	Ths.Lê Quốc Trung	Phó PT. Phòng KHTC	Thành viên	
10	TS. Đỗ Mạnh Hưng	TK. Đào tạo SĐT	Thành viên	
11	CN. Nguyễn Minh Tư	TP. HCTH	Thành viên	
12	TS.Phạm Anh Tuấn	TK. ĐK-TD	Thành viên	
13	Ths.Mai Thị Ngoãn	TK. CL-BB-QV	Thành viên	
14	TS.Trần Dũng	Phó PT Khoa Võ-Bơi-Cờ	Thành viên	
15	TS.Trần Ngọc Minh	TK. BC-BĐ-BR	Thành viên	
16	Ths. Nguyễn Thị Minh Hạnh	TBM. Y sinh	Thành viên	
17	TS.Nguyễn Thu Nga	TK. LLCN & NVSP	Thành viên	
18	Ths.Lê Thị Vân Liêm	TK.LLCT	Thành viên	
19	Ths.Nguyễn Hoài Mỹ	GD.TT NN-TH	Thành viên	
20	Ths.Nguyễn Văn Hoàng	GD. TT BD&HTĐT	Thành viên	
21	Ths.Trần Thị Thanh Bình	P.TP ĐBCL-TT & PC	Thành viên	
22	Ths.Hoàng Minh Thủy	BT. Đoàn TNCS HCM	Thành viên	
23	Ths.Trần Thị Nhu	Giảng viên	Thành viên	
24	Ths. Phan Văn Huynh	Giảng viên	Thành viên	
25	Nguyễn Trọng Hùng Anh	Sinh viên K55	Thành viên	

(Danh sách gồm có 25 người)

Phụ lục II

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THU' KÝ

(Kèm theo Quyết định số 33/QĐ-ĐHSPTDTHN ngày 02 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TĐT Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ths.Lê Học Liêm	TP. ĐBCL – TT & PC	Trưởng ban TK
2	Ths.Trần Thị Thanh Bình	P.TP ĐBCL – TT & PC	Phó trưởng ban TK
3	TS. Trần Văn Cường	TK. GDQP&AN	Thành viên
4	Ths.Nguyễn Thị Hằng	P.PTr P. QLĐT- KH & HTQT	Thành viên
5	TS. Trần Ngọc Minh	TK. BC-BĐ-BR	Thành viên
6	Ths.Nguyễn Văn Hưng	PTP. TCCB	Thành viên
7	CN.Nguyễn Minh Tư	TP. HCTH	Thành viên
8	Ths.Nguyễn Thị Minh Hạnh	T. Bộ môn Y sinh	Thành viên
9	Ths.Ngô Xuân Đức	PTP. QLĐT-KH & HTQT	Thành viên
10	Ths.Trần Thị Nhu	Giảng viên khoa LLCN	Thành viên
11	Ths.Hoàng Minh Thủy	TT BD&HTĐT	Thành viên
12	TS.Nguyễn Thu Nga	TK. LLCN & NVSP	Thành viên
13	CN.Nguyễn Thị Hiền	CV. ĐBCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người)

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GDTC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 256 /KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo dục thể chất

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đề đăng ký kiểm định chất lượng.

Làm cơ sở nhà trường tiến hành tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng việc thực hiện CTĐT; xác định những điểm mạnh, tồn tại để từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT Giáo dục thể chất ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn:

Công văn hướng dẫn số 1074 & 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCLKĐCLGD;

Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

IV. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

a) Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Giáo dục thể chất được thành lập theo Quyết định số 313/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội, gồm có 25 thành viên (Danh sách kèm theo).



b) Chức năng, nhiệm vụ Hội đồng tự đánh giá

- Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá;

- Phó chủ tịch hội đồng: Điều hành Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền.

- Các thành viên khác: do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá CTĐT Giáo dục thể chất được thành lập theo Quyết định số 313/QĐ-ĐHSPTDTHN, ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội. Ban thư ký gồm có 13 thành viên, các nhóm công tác chuyên trách gồm 30 thành viên (danh sách kèm theo).

4.3. Phân công nhiệm vụ

a) Ban Thư ký:

- *Trưởng ban thư ký:*

+ Chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

+ Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng, thay mặt chủ tịch hội đồng giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong Hội đồng và các nhóm chuyên trách. Chịu trách nhiệm chung về viết báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng.

- *Phó trưởng ban:* Giúp cho Trưởng ban Thư ký quản lý các công việc khi Trưởng ban Thư ký vắng mặt, cùng với Trưởng ban Thư ký viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung, đồng thời chịu trách nhiệm về kế toán thu chi cho Hội đồng Tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách.

- *Các Thành viên ban thư ký:* Tổng hợp các ý kiến của nhóm chuyên trách, viết phiếu phân tích tiêu chí, phối hợp với các nhóm thu thập thông tin, minh chứng; viết phiếu đánh giá tiêu chí, điều tra khảo sát, phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung; Thu thập dữ liệu khảo sát, xử lý dữ liệu khảo sát để thiết lập hệ thống dữ liệu số hóa.

b) Các nhóm công tác chuyên trách

- *Nhóm trưởng:* Điều hành chung, tổ chức họp nhóm khi cần thiết ngoài cuộc họp hội đồng chung, phân công và cử người thu thập minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức về các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, kế hoạch thực hiện, viết báo cáo về các tiêu

chuẩn, tiêu chí được giao của nhóm. Phân công thư ký nhóm minh phụ trách.

- *Thư ký nhóm:* Viết biên bản, phân loại và lưu giữ minh chứng, phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí.

- *Thành viên nhóm công tác chuyên trách:*

Tìm minh chứng, xử lý dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do nhóm trưởng phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	TC1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo TC2: Bản mô tả chương trình đào tạo Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT	Ths.Nguyễn Thị Minh Hạnh TS.Trần Ngọc Minh Ths. Mai Thị Ngoãn Ths.Phạm Mai Vương TS. Trần Dũng	Từ 03/6 đến 01/9/2024	
2	TC3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học TC 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.	Ths.Nguyễn Thị Hằng Ths.Ngô Xuân Đức Ths. Vũ Thị Trang Ths. Nguyễn Thị Diệu Khánh Ths.Trần Thị Nhu		
3	TC5: Đánh giá kết quả học tập của người học. Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. TC 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.	TS. Nguyễn Thu Nga Ths. Nguyễn Thị Hoài Mỹ Ths. Lê Thị Vân Liêm TS. Phạm Anh Tuấn CN. Nguyễn Thị Hoa		

4	TC6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên TC7: Đội ngũ nhân viên	Ths. Nguyễn Thành Chung Ths. Nguyễn Văn Hưng CN. Nguyễn Minh Tư CN. Lê Quỳnh Hòa CN. Lưu Thị Hải Yến		
5	TC 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	CN.Trịnh Duy Bình CN. Phạm Thị Hoàng Liên CN. Nguyễn Hà Phương CN.Nguyễn Trần Minh Chi Ths.Lê Chí Nhân		
6	Tiêu chí 10.4: Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có hệ thống được đánh giá và cải tiến. TC 11: Kết quả đầu ra	Ths.Lê Học Liêm Ths. Đào Lan Hương CN. Nguyễn Thị Vân CN. Hoàng Thị Châu CN.Nguyễn Thị Hiền		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Tháng 05/2024
2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá - Ban thư ký - Nhóm công tác
3. Nội dung, chương trình tập huấn:
 - Phổ biến hệ thống văn bản tự đánh giá Chương trình đào tạo
 - Quy trình và thủ tục tự đánh giá
 - Hướng dẫn tìm minh chứng, mã hóa, số hóa
 - Hướng dẫn viết phiếu đánh giá tiêu chí và báo cáo tự đánh giá.

VI. Kế hoạch huy động các nguồn lực

6.1. Xác định các nguồn nhân lực: Nguồn lực được huy động từ các viên chức và người lao động tại các đơn vị trong trường về tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình trong suốt quá trình tự đánh giá.

- Phòng HCTH bố trí mở các phòng họp khi Hội đồng, Ban thư ký, các nhóm có nhu cầu họp nhóm triển khai công việc tự đánh giá.

6.2. Xác định cơ sở vật chất:

Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường, các đơn vị
 Mua thêm các dụng cụ (văn phòng) cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở lập
 dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường. cụ thể:

+ Giấy A4 (phục vụ in ấn báo cáo và các văn bản liên quan)	= 10 gram
+ Mực in:	= 01 hộp
+ Bìa đóng sổ:	= 01 gram
+ Bút bi:	= 50 cái
+ Hộp đựng hồ sơ các nhóm	= 50 hộp

6.3. Xác định tài chính: Kinh phí chi trả cho hoạt động tự đánh giá được lấy từ các nguồn do Nhà trường cấp được cụ thể như sau:

6.3.1. Kinh phí chi theo buổi họp

a. Kinh phí cho họp Hội đồng tự đánh giá (dự kiến họp 10 buổi):

$$25 \text{ người} \times 10 \text{ buổi} \times 50.000\text{đ/buổi} = 12.500.000\text{đ}$$

b. Kinh phí cho họp Ban thư ký (dự kiến họp 8 buổi):

$$13 \text{ người} \times 8 \text{ buổi} \times 50.000\text{đ/buổi} = 5.200.000\text{đ}$$

c. Kinh phí cho họp các nhóm tiêu chuẩn (dự kiến họp 6 buổi):

$$50.000\text{đ/người/buổi} \times 6 \text{ buổi} \times 30 \text{ người} = 9.000.000\text{đ}$$

$$\text{Cộng (a+b+c)} = 26.700.000\text{đ}$$

6.3.2 Kinh phí chi cho tập huấn

a. Mời báo cáo viên: 3 đợt, mỗi đợt 1-2 ngày, 1 báo cáo viên (theo chế độ báo cáo viên trong quy chế chi tiêu nội bộ)

$$1 \text{ người} \times 2.000.000\text{đ/buổi} \times 4 \text{ buổi/đợt} \times 3 \text{ đợt} = 24.000.000\text{đ}$$

b. Tài liệu dự kiến 3 đợt tập huấn cho các thành viên hội đồng, ban thư ký và các nhóm chuyên trách: 2.500.000/đợt

$$2.500.000 \times 3 \text{ đợt} = 7.500.000$$

$$\text{Cộng (a+b)} = 31.500.000\text{đ}$$

6.3.3 Kinh phí hợp đồng với các nhóm chuyên trách và Ban thư ký

a, Các nhóm chuyên trách thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn cho báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất.

$$500.000\text{đ/tiêu chí} \times 50 \text{ tiêu chí} = 25.000.000\text{đ}$$

b, Ban thư ký biên tập, chỉnh sửa các tiêu chí, tiêu chuẩn, mã hóa, điều chỉnh, bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Giáo dục thể chất

$$500.000\text{đ/tiêu chí} \times 50 \text{ tiêu chí} = 25.000.000\text{đ}$$

$$\text{Cộng (a+b)} = 50.000.000\text{đ}$$

$$\text{TỔNG CỘNG (6.3.1+6.3.2+6.3.3)} = 108.200.000\text{đ}$$

(Bằng chữ: Một trăm linh tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn)

VII. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nguồn cung cấp	Kinh phí thực hiện	Thời gian
1	1,2,3,4	Điều tra khảo sát các bên liên quan: Nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức xã hội-nghề nghiệp và người học đã tốt nghiệp làm căn cứ để thiết kế chương trình đào tạo, chương trình dạy học	Nhà tuyển dụng, các tổ chức Xã hội-nghề nghiệp; Người học đã tốt nghiệp	Chi theo thực tế	Nhóm 1,2 xây dựng kế hoạch thời gian cụ thể

VIII. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài trường theo hợp đồng tư vấn.

- Thuê chuyên gia tư vấn ngoài trường có trình độ học vấn tiến sỹ trở lên và có kinh nghiệm/chứng chỉ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung hợp đồng, chịu trách nhiệm về nội dung rà soát; các nội dung rà soát và tư vấn được thể hiện bằng văn bản.

- Trao đổi kịp thời những vướng mắc trong quá trình tổ chức rà soát; Tư vấn trực tiếp tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

- Kinh phí thỏa thuận giữa nhà trường và chuyên gia theo hợp đồng tư vấn.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT Giáo dục thể chất trong 6 tháng theo lịch trình sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 Từ 29/4-5/5/2024	1. P.ĐBCL- TT & PC, P.QLĐT-KH & HTQT các khoa/trung tâm đề xuất danh sách các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm Công tác chuyên trách của CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 2 Từ ngày 6-12/5/2024	Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách (CTCT); - Thảo luận về kế hoạch tự đánh giá CTĐT để trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch tự đánh giá của CTĐT. - Tập huấn phần mềm cho Ban thư ký, các nhóm chuyên trách
Tuần 3-5 Từ ngày 13/5-2/6/2024	1. Mời báo cáo viên phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT 2. Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan 3. Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá - Trình Hiệu trưởng phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá
Tuần 6-9 Từ 3/6-30/6/2024	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 10-16 Từ 01/7-18/8/2024	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 17-18 19/8-01/9/2024	Hội đồng tự đánh giá CTĐT phân công các thành viên: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;

Thời gian	Nội dung hoạt động
	- Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 19-20 Từ 02/9-15/9/2024	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất chỉnh sửa (nếu cần) 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các Khoa/bộ môn, Trung tâm, phòng ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 21-23 16/9-06/10/2024	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các Khoa/bộ môn, trung tâm, phòng ban, ...) trong nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các khoa/bộ môn, trung tâm, phòng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học trong nhà trường đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 24 07/10-12/10/2024	1. Nhà trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường, Phòng QLĐT-KH&HTQT, các khoa/TT bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo của Trường, Hiệu trưởng yêu cầu Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, Trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung theo đúng tiến độ Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- BGĐĐT (để b/c);
- HĐT, BGH (để c/d);
- Hội đồng TDG, BTK, các nhóm chuyên trách (để t/h);
- Các phòng, Khoa, Trung tâm (để p/h);
- Lưu: VT, ĐBCL-TT&PC, QLĐT-KH&HTQT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Duy Quyết

CÁC BẢNG BIỂU TỔNG HỢP THỐNG KÊ

Bảng	Nội dung	Trang
1.1	Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường	14
1.2	Sự phù hợp mục tiêu của CTĐT với mục tiêu của Luật Giáo dục	15
1.3	Đối sánh mục tiêu CTĐT giữa 2 phiên bản 2020 và 2022	16
1.4	Mối quan hệ giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (phiên bản năm 2022)	20
1.5	Bảng đối sánh CĐR phiên bản 2020 và 2022	22
2.1	Đối sánh nội dung bản mô tả CTĐT năm 2020 và năm 2022	26
2.2	Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT	30
3.1	Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	37
3.2	Nội dung chi tiết, kế hoạch, phương pháp giảng dạy và học tập	38
3.3	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	39
3.4	Kết quả phản hồi sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV	41
4.1	Sự chuyển tải ý nghĩa triết lý giáo dục vào CĐR của CTDH	49
4.2	Hoạt động dạy và học phù hợp với CĐR của CTĐT (PLO)	52
4.3	Minh họa sự tương thích giữa CĐR của chương 3 và nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá của học phần Lý luận & PPGDTC trường học	53
4.4	Kết quả phản hồi sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV	54
4.5	Phân loại chi tiết hoạt động dạy và học HP phương pháp NCKH	57
4.6	Hoạt động NCKH của sinh viên ngành GDTC	58
4.7	Kết quả phản hồi sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV	59
5.1	Tiêu chí đánh giá điểm chuyên cần	68
5.2	Thống kê hình thức thi của các học phần trong CTĐT GDTC (phiên bản 2022)	68

Bảng	Nội dung	Trang
5.3	Xác định đặc trưng 2 chiều	69
5.4	Mức độ hài lòng của SV trước tốt nghiệp về kiểm tra đánh giá	70
5.5	Mức độ hài lòng của SV trước tốt nghiệp về kiểm tra đánh giá	73
6.1	Thống kê học hàm/học vị trình độ đào tạo của giảng viên đào tạo ngành GDTC	81
6.2	Thống kê cơ cấu độ tuổi giai đoạn 2019-2024	81
6.3	Thống kê đội ngũ GV theo các năm	93
6.4	Thống kê số lượng, loại hình hình nghiên cứu khoa học của CB, GV và người học giai đoạn 2019-2023	102
6.5	Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm (2019-2024)	103
8.1	Thống kê tổng số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)	125
9.1	Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo	138
9.2	Tỷ trọng Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giai đoạn 2019-2024	140
11.1	Tỷ lệ thôi học của sinh viên qua các năm học (Hệ ĐH)	176
11.2	Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên qua các năm	176
11.3	Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV qua các năm	179
11.4	Bảng đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp (%)	182
11.5	Các loại hình, số lượng NCKH của sinh viên	184
11.6	Mức độ hài lòng của sinh viên về công tác phục vụ đào tạo	187

